



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 3829 6620 Fax: (028) 3824 3166 Website: www.sochemvn.com

Số: 03 /2025/BB-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2025

BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

(Địa chỉ cũ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Giấy đăng ký doanh nghiệp số: 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2003, thay đổi lần thứ 11, ngày 11 tháng 09 năm 2024.

Thời gian: 08 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Địa điểm họp: Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Đường 5, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ cũ: Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Đường số 5, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

- Người báo cáo: Bà Hồ Thị Tươi Màu, Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty.
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 20 tháng 06 năm 2025, sở hữu 110.499.910 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
 - Cổ đông tham dự Đại hội: Tại thời điểm 08 giờ 35 phút có 11 cổ đông tham dự và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 73.036.227 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 66,0962% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Thông qua Chương trình Đại hội:

- Bà: Phan Thị Ánh Nguyệt, phòng Nhân sự - Hành chính Công ty trình bày nội dung Chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, bao gồm:

- Bà: Nguyễn Thị Mai, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội;
- Ông: Lê Thanh Bình, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc - Thành viên;
- Ông: Lê Phương Đông, Thành viên HĐQT - Thành viên.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

4. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội, bao gồm:

- Bà: Võ Thị Diễm Hằng, Thư ký Công ty - Trưởng ban Thư ký đại hội;
- Ông: Trần Nam Tiến, Phó TP. An toàn - Môi trường Công ty -Thành viên.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban Thư ký.

5. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, kiêm Ban Kiểm phiếu biểu quyết, bao gồm:

- Bà: Hồ Thị Tươi Màu, Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty -Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu biểu quyết;
- Bà: Hứa Thị Kim Thanh, Chuyên viên phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty - Thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu biểu quyết.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu.

6. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội:

- Bà: Phan Thị Ánh Nguyệt, phòng Nhân sự - Hành chính Công ty trình bày Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc tại đại hội.

(Hình thức biểu quyết các nội dung này là biểu quyết công khai)

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày những nội dung sau:

Nội dung 01: Tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch

Người trình bày: Ông Lê Tùng Lâm, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Nội dung 02: Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông cổ đông về việc xem xét Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và giao Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch .

Người trình bày: Ông Lê Tùng Lâm, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

014
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM
1-7

PHẦN III. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN

- Cổ đông nêu câu hỏi: Không có.
- Đoàn chủ tọa Đại hội giải đáp: Không có.

PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Lúc 09 giờ 10 phút (trước giờ kiểm phiếu), Cổ đông tham dự Đại hội: 13 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 73.036.231 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 66,0962% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín biểu quyết công khai các nội dung sau:

Thông kê kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu phát ra: 13 đại diện cho 73.036.231 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu thu về: 13 đại diện cho 73.036.231 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không thu về: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Nội dung 01: Tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

1. Phê duyệt Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

➤ Kết quả biểu quyết:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 13 đại diện cho: 73.036.231 phiếu biểu quyết, chiếm: 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 13 đại diện cho: 73.036.231 phiếu biểu quyết, chiếm: 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đã thông qua việc Phê duyệt Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và trách nhiệm của Người quyết định đầu tư Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo quy định của pháp luật.

➤ Kết quả biểu quyết:

4026
G TY
PHÂN
ẤT CO
N NA
P. HỒ

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 13 đại diện cho: 73.036.231 phiếu biểu quyết, chiếm: 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 13 đại diện cho: 73.036.231 phiếu biểu quyết, chiếm: 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đã thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và trách nhiệm của Người quyết định đầu tư Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo quy định của pháp luật.

Nội dung 02: Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông cổ đông về việc xem xét Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và giao Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

- Nội dung biểu quyết: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và trách nhiệm của Người quyết định đầu tư Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo quy định của pháp luật.

➤ Kết quả biểu quyết:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 13 đại diện cho: 73.036.231 phiếu biểu quyết, chiếm: 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 13 đại diện cho: 73.036.231 phiếu biểu quyết, chiếm: 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, trên cơ sở Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông cổ đông về việc xem xét Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và giao Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, Đại hội đã thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và trách nhiệm của Người quyết định đầu tư Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo quy định của pháp luật.

PHẦN VI: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP

Người trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội: Bà Võ Thị Diễm Hằng, Trưởng ban Thư ký đại hội.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2025 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Đại hội kết thúc 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Võ Thị Diễm Hằng

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA**



Nguyễn Thị Mai

C.P.
H.

Số: 03 /2025/NQ-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 21 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, ngày 21 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên dự án: Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.
- Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng).
- Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ cũ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 52)).
- Người quyết định đầu tư: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

5. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
 - Địa chỉ liên hệ: 22 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh);
 - Số điện thoại: (84-28) 3829 6620 - (84-28) 3822 5373
6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở; tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:
 - Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Sơn.
 - Tổ chức lập khảo sát xây dựng:
 - + Nhà thầu khảo sát địa chất công trình: Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Nhà thầu khảo sát địa hình công trình: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại Trường Thành.
 - Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học.
7. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm B, loại Công trình hóa chất, công trình cấp I, thời hạn sử dụng theo thiết kế không nhỏ hơn 25 năm.
8. Mục tiêu dự án:
 - Thực hiện chủ trương chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành khu đô thị - thương mại - dịch vụ của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam sẽ di dời các dây chuyền sản xuất hiện hữu của 03 nhà máy đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI. Quy hoạch xây dựng nhà máy sản xuất đồng bộ, hiện đại, tạo sự ổn định về lâu dài và định hướng phát triển bền vững tại địa điểm sản xuất mới.
 - Duy trì ổn định sản lượng cung ứng ra thị trường trong thời gian các dây chuyền sản xuất của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Hóa chất Tân Bình 2 và Hóa chất Đồng Nai dừng hoạt động để thực hiện di dời; ổn định thị phần truyền thống.
 - Đặt nền tảng để Công ty xây dựng, mở rộng quy mô, tăng sản lượng, phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ khi có cơ hội.
9. Quy mô đầu tư xây dựng:



- Quy mô công suất: Quy mô công suất sản xuất các sản phẩm của dự án là 307.900 tấn sản phẩm (quy về 100%)/năm.
 - Quy mô các hạng mục công trình xây dựng: Theo Phụ lục đính kèm.
10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận.
11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
- Số bước thiết kế: thiết kế hai bước.
 - Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Áp dụng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam và một số tiêu chuẩn nước ngoài.
12. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:
- Giá trị tổng mức đầu tư: **1.844.306.580.000** đồng (*Một nghìn tám trăm bốn mươi bốn tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*).
 - Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tổng mức đầu tư xây dựng công trình:	1.844.306.580
- Chi phí còn lại của thiết bị trước di dời	0
- Chi phí thuê đất trong thời gian xây dựng	78.807.296
- Chi phí xây dựng	653.596.378
- Chi phí thiết bị	457.734.298
- Chi phí quản lý dự án	2.183.547
+ <i>Chi phí quản lý dự án - giai đoạn chuẩn bị dự án (chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án)</i>	2.183.547
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	74.922.995
- Chi phí khác	114.500.900
+ <i>Chi phí khác</i>	12.577.154
+ <i>Lãi vay trong thời gian xây dựng</i>	101.923.746
+ <i>Vốn lưu động ban đầu</i>	0
- Chi phí dự phòng	462.561.166
+ <i>Dự phòng khối lượng phát sinh</i>	138.174.541
+ <i>Dự phòng trượt giá</i>	324.386.625

13. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư; thời hạn hoạt động của dự án:

- Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành di dời 03 nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền tỉnh Đồng Nai. Hoàn thành toàn bộ Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch vào tháng 12 năm 2031.
 - Phân kỳ đầu tư: không.
 - Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.
14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn khác.
 - + Phần vốn tự có: 631.773.258.000 đồng, chiếm 30% tổng vốn đầu tư cố định, lãi vay và dự phòng lãi vay trong thời gian xây dựng công trình;
 - + Phần vốn vay: 1.212.533.322.000 đồng, chiếm 70% tổng vốn đầu tư cố định (Tổng vốn đầu tư cố định: 1.732.190.460.000 đồng, là tổng mức đầu tư của dự án không bao gồm lãi vay và dự phòng lãi vay trong thời gian xây dựng công trình). Dự kiến vay từ ngân hàng thương mại bằng nội tệ với lãi suất là 10,5%/năm. Thời gian trả nợ là 10 năm (ân hạn trong thời gian xây dựng). Lãi vay được trả định kỳ hàng năm trong thời gian xây dựng bằng nguồn vốn tự có của Chủ đầu tư.
 - Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
 - + Giai đoạn 2019-2024: 7.785.182.000 đồng;
 - + Giai đoạn 2025-2031: 1.836.521.398.000 đồng.
15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị dự án. Thuê tư vấn quản lý dự án giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng.
16. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

Điều 2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thực hiện quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.



3. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc thi hành Nghị quyết này.

(Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam kèm theo Nghị quyết này./.) 

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP.HCM;
- TV HĐQT, KSV, Ban TGD (e-copy);
- CBTT Website Công ty;
- Phòng chức năng Công ty (e-copy);
- ĐTXD, NSHC (1b, e-copy);
- Đơn vị trực thuộc (e-copy);
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Thị Mai



PHỤ LỤC

QUY MÔ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị quyết số 03 /2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025)

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
01	Khu vực nhà kho		
	1.1	Nhà kho NX-1 (Kho nguyên liệu)	II
	1.2	Nhà kho NX-2 (Kho thành phẩm)	II
	1.3	Nhà kho NX-2 (Kho vật tư)	III
02	Nhà xưởng số 2 (Đất dự phòng)		
03	Khu vực sản phẩm gốc phốt phát và các sản phẩm khác		
	3.1	Nhà kho số 3.1 (Kho phốt pho)	II
	3.2	Nhà kho số 3.2 (Kho phụ gia thực phẩm)	III
	3.3	Nhà xưởng số 3.3 (Xưởng H_3PO_4 kỹ thuật)	III
	3.4-1	Nhà xưởng số 3.4 (Xưởng H_3PO_4 thực phẩm)	III
	3.4-2	Nhà xưởng số 3.4 (Khu vực chiết can)	III
	3.5	Khu vực thiết bị ngoài trời số 3.5 (Kho bồn H_3PO_4)	II
	3.6	Nhà xưởng số 3.6 (Đất dự phòng)	
04	Khu vực $FeCl_3$		
	4.1-1	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng $FeCl_3$)	III
	4.1-2	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng PAC)	III
	4.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 ($FeCl_3$ ngoài trời)	
	4.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (PAC ngoài trời)	
	4.2-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (Đất dự phòng)	
	4.2-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (Đất dự phòng)	
05	Khu vực Clo lỏng		
	5.1	Nhà kho số 5.1 (Kho Clo lỏng)	II
	5.2	Nhà xưởng số 5.2 (Xưởng hóa lỏng Clo)	III

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
	5.3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 5.3 (khu vực sấy khô Clo, khu vực Chiller, khu vực Javen, xử lý Clo khẩn cấp)	
	5.4	Nhà phụ trợ số 5.4 (Nhà giao ca, nhà văn phòng xưởng Clo)	IV
06	Khu vực điện phân		
	6.1-1	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng khí nén)	III
	6.1-2	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng chính lưu)	III
	6.2	Nhà xưởng số 6.2 (Xưởng điện phân)	III
	6.3	Nhà xưởng số 6.3 (Xưởng điều dụng)	III
	6.7	Khu vực thiết bị ngoài trời số 6.7 (khu vực phân phối NaOH 32%)	
	6.8	Nhà để máy phát điện	III
	6.9	Trạm phân phối điện số 1	III
07	Nhà hành chánh-văn phòng (đất dự phòng)		
08	Nhà xưởng số 8 (đất dự phòng)		
09	Trung tâm điều khiển		
	9	Nhà KCS - Điều khiển trung tâm	III
10	Khu vực axit HCl		
	10.1	Nhà phụ trợ số 10.1 (nhà tủ điện)	III
	10.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (khu vực axit HCl)	III
	10.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (khu vực hệ nitơ)	
11	Khu vực Cooling-Vô khoáng-Nồi hơi-PAC bột		
	11.1	Nhà kho số 11.1 (Kho PAC bột)	II
	11.2	Nhà xưởng số 11.2 (Nhà nồi hơi)	III
	11.3-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu vực PAC bột)	
	11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu bồn dầu)	
	11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (phân phối hơi)	
	11.3-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (cooling tower)	III
	11.3-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (Hệ cô xút)	
	11.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.4 (khu vực hệ vô khoáng, bồn chứa nước thủy cực - PCCC)	III
12	Khu vực Axit Sunfuric tinh khiết		
	12.1	Trạm phân phối điện số 2	III

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
	12.2	Nhà xưởng số 12.2 (Xưởng axit sunfuric tinh khiết)	III
	12.3	Nhà xưởng số 12.3 (dự phòng)	III
	12.4	Trạm NG (ngoài trời)	
13	Khu vực kho bồn		
	13.1	Khu vực kho bồn chứa thành phẩm	II
	13.2	Nhà bảo vệ - Giao hàng	IV
	13.3	Khu vực trạm cân	
14	Khu vực sản xuất Axit Sunfuric và sản phẩm gốc Sunfat		
	14.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.1 (khu vực Axit Sunfuric)	III
	14.2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.2 (khu vực tháp Axit Sunfuric - Bisunfit)	II
	14.3	Nhà xưởng số 14.3 (Nhà nấu chảy lưu huỳnh)	III
	14.4	Nhà xưởng số 14.4 (Kho lưu huỳnh)	III
	14.5	Nhà xưởng số 14.5 (Nhà quạt gió)	III
	14.6	Nhà phụ trợ số 14.6 (Nhà thay ca - Điều khiển xưởng dây chuyền H ₂ SO ₄)	III
	14.7	Nhà xưởng số 14.7 (Xưởng phèn)	III
	14.8	Nhà xưởng số 14.8 (Xưởng Magie Sunfat)	III
	14.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.9 (khu vực Magie Sunfat ngoài trời)	
	14.10	Nhà phụ trợ số 14.10 (Nhà giao ca Magie Sunphat)	III
	14.11	Nhà xưởng số 14.11 (Dự phòng)	III
	14.12	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.12 (Dự phòng)	
	14.13	Nhà xưởng số 14.13 (Dự phòng)	III
15	Bãi muối		
16	Khu vực điều chế nước muối		
	16.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.1 (khu vực nước muối tái bão hòa)	
	16.2	Nhà xưởng số 16.2 (Nhà hòa tan)	III
	16.3	Nhà xưởng số 16.3 (Nhà tinh chế nước muối thứ cấp)	III
	16.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.4 (Hồ chứa nước muối thu gom)	IV

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
	16.5-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (khu vực lọc nước muối-1)	IV
	16.5-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (Hồ chứa nước muối rửa)	IV
	16.6	Nhà xưởng số 16.6 (Nhà pha chế nước muối thức cấp)	III
	16.7	Nhà xưởng số 16.7 (Khu vực lọc nước muối-2)	III
	16.8	Nhà phụ trợ số 16.8 (Nhà giao ca)	IV
	16.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.9 (khu vực bồn lắng nước muối)	IV
	16.10	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.10 (khu vực bồn chứa bùn muối)	IV
	16.11	Nhà xưởng số 16.11 (Nhà tinh chế nước muối sơ cấp - kho hóa chất)	III
	16.12	Nhà phụ trợ số 16.12 (Nhà vận hành và tủ điện sơ cấp)	III
	16.13	Nhà xưởng số 16.13 (Nhà ép bùn - chứa bùn)	III
		Nhà ép bùn	
		Nhà chứa bùn	
17	Khu vực silicat		
	17.1	Nhà xưởng số 17.1 (Xưởng silicat)	III
	17.2	Nhà xưởng số 17.2 (Kho cát)	III
	17.3	Khu vực kho ngoài trời số 17.3 (Kho cát ngoài trời)	
	17.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 17.4 (khu vực thiết bị súc rửa xe)	IV
	17.5	Nhà xưởng số 17.5 (Xưởng cơ điện)	III
18	Khu vực Composit - Xử lý nước thải		
	18.1	Nhà xưởng số 18.1 (Xưởng composit)	III
	18.2-1	Nhà kho số 18.2 (Kho chất thải công nghiệp)	III
	18.2-2	Nhà kho số 18.2 (Nhà kho chất thải nguy hại)	II
	18.2-3	Nhà kho số 18.2 (Nhà kho phế liệu)	III
	18.3	Khu vực kho ngoài trời số 18.3 (Bãi vật tư thu hồi)	

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
	18.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 18.4 (khu vực xử lý nước thải)	III
	18.5	Nhà phụ trợ số 18.5 (Nhà điều hành XLNT)	III
19	TT	Tổng thể	
		Nhà bảo vệ (Số lượng: 03, trong đó 01 tại trục đường số 7 (DT771C), 02 tại trục đường số 10)	IV
		Hàng rào loại 1 (dài 1.359m; cao 2m)	IV
		Hàng rào loại 2 (dài 417,36m; cao 2m)	IV
		Hệ thống cấp nước	III
		Hệ thoát thoát nước mưa	III
		Hệ thống thoát nước thải	III
		Hệ thống đường nội bộ	IV
		Hệ thống giàn đỡ ống	III



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025



THÁNG 07/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620 Fax: (028) 3824 3166 Website: www.sochemvn.com

Mã chứng khoán: CSV Mã số doanh nghiệp: 0301446260

Số: ~~893~~/TM-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~26~~ tháng 6 năm 2025

THƯ MỜI

THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 như sau:

- Thời gian tổ chức đại hội:** 08 giờ 30, thứ Hai - Ngày 21 tháng 07 năm 2025.
- Địa điểm họp:** Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Đường số 5, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.
- Nội dung đại hội:** Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 được Công ty đăng tải, cập nhật (nếu có) tại website: www.sochemvn.com từ ngày 30 tháng 06 năm 2025. Quý Cổ đông truy cập tài liệu thông qua mã QR code được cấp trong khi tham dự đại hội.
- Đăng ký dự họp:** Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng *Đăng ký tham dự Đại hội* tại Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam hoặc gửi *Giấy đăng ký dự họp* về địa chỉ tại mục 6 dưới đây trước ngày 30 tháng 06 năm 2025.

5. Ủy quyền tham dự đại hội:

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền tham dự Đại hội* hoặc *Mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ tại mục 6 dưới đây trước ngày 30 tháng 06 năm 2025 hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền phải có dấu của tổ chức ủy quyền).

6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

- Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (028) 3829 6620/38223484 – Fax: (028) 3824 3166

Liên hệ: Thư ký Công ty, SĐT: (028) 3829 6620 (Ext: 330)

7. Cổ đông hoặc Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có);
- Thẻ CCCD/Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy CNĐKDN của tổ chức.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT;
- BKS, BTGD;
- CBTT;
- Lưu: VT, TKCT.



Nguyễn Thị Mai



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (028) 3829 6620 Fax: (028) 3824 3166 Website: www.sochemvn.com



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

- **Thời gian:** 08 giờ 30, thứ Hai - Ngày 21 tháng 07 năm 2025.
- **Địa điểm:** Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Đường 5, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
(Địa điểm cũ: Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Đường số 5, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai)

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Thời gian	Nội dung
08:00 – 08:30	Đón khách và kiểm tra tư cách đại biểu và cổ đông: • Đón tiếp đại biểu và cổ đông; • Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tài liệu Đại hội.
08:30 – 09:00	Khai mạc Đại hội: • Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; • Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa; • Thông qua Quy chế làm việc; • Chủ tọa giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban Kiểm phiếu; • Thông qua Chương trình Đại hội.
09:00 – 09:30	Trình bày các nội dung cần xin ý kiến Đại hội: • Tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch. • Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông cổ đông về việc xem xét Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và giao Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch. • Nội dung khác (nếu có).
09:30 – 10:00	Đại hội thảo luận
10:00 – 10:10	Hướng dẫn biểu quyết
	Tiến hành biểu quyết thông qua các tờ trình
10:10 – 10:30	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết
10:30 – 10:40	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
10:40 – 11:00	Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11:00	Tuyên bố bế mạc Đại hội.



QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát..
- BTC : Ban tổ chức.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền).
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 20/06/2025 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa bao gồm Chủ tọa và các Thành viên;
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký đại hội.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách đại biểu phục vụ cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trường Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được biểu quyết Tán Thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.



Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thể lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 20/06/2025) tổng số cổ phần của Công ty là: 110.499.910 cổ phần tương đương với 110.499.910 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp năm 2020).
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua./. 

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT (e-copy);
- Ban TGD, BKS (e-copy);
- CBTT;
- Lưu: VT, TKCT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Mai



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com

Số: **910** /TTr-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30** tháng **6** năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

1. Phê duyệt Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch (Dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1.1 Tên dự án: Dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.

1.2 Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng).

1.3 Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 52).

1.4 Người quyết định đầu tư: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

1.5 Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

- Địa chỉ liên hệ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84-28) 3829 6620 - (84-28) 3822 5373.

1.6 Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở; tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Sơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com

- Tổ chức lập khảo sát xây dựng:
 - + Nhà thầu khảo sát địa chất công trình: Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Nhà thầu khảo sát địa hình công trình: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại Trường Thành.
- Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Viện Kinh tế Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học.

1.7 Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.
- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Loại và cấp công trình chính: Công trình công nghiệp hóa chất, công trình cấp I.
- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Không nhỏ hơn 25 năm.

1.8 Mục tiêu dự án:

- Thực hiện chủ trương chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành khu đô thị - thương mại - dịch vụ của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty sẽ di dời các dây chuyền sản xuất hiện hữu của 03 nhà máy của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6. Quy hoạch xây dựng nhà máy sản xuất đồng bộ, hiện đại, tạo sự ổn định về lâu dài và định hướng phát triển bền vững tại địa điểm sản xuất mới.
- Duy trì ổn định sản lượng cung ứng ra thị trường trong thời gian các dây chuyền sản xuất của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Hóa chất Tân Bình 2 và Hóa chất Đồng Nai dừng hoạt động để thực hiện di dời; ổn định thị phần truyền thống.
- Đặt nền tảng để Công ty xây dựng, mở rộng quy mô, tăng sản lượng, phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ khi có cơ hội.

1.9 Quy mô đầu tư xây dựng:

- Quy mô công suất: Quy mô công suất sản xuất các sản phẩm của dự án là 307.900 tấn sản phẩm (quy về 100%)/năm.
- Quy mô các hạng mục công trình xây dựng: Theo Phụ lục 01 đính kèm.

1.10 Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận.

1.11 Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: thiết kế hai bước.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: TCVN 9436:2012, TCVN 10304-2014, TCVN 9394:2012, TCVN 5575:2024, TCXDVN 170:2007, TCVN 8790:2011, QCVN 06 2022/BXD, API STD 660, 11 - TCN - 18-2006, 11 - TCN - 20-2006, QCVN: 2015/BCT, TCVN 9358: 2012, TCVN 9385:2012, TCVN 9888-1-2013, ĐLVN 132:2004, IEC 61131, IEC 60529, TCVN 2622:1995, TCVN 3890:2023, Sửa đổi 01:2023, QCVN 06:2022/BXD, TCVN 5738 – 2021...

1.12 Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Giá trị tổng mức đầu tư: **1.844.306.580.000** đồng (*Một nghìn tám trăm bốn mươi bốn tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*).
- Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tổng mức đầu tư xây dựng công trình:	1.844.306.580
- Chi phí còn lại của thiết bị trước di dời năm 2029	0
- Chi phí thuê đất trong thời gian xây dựng	78.807.296
- Chi phí xây dựng	653.596.378
- Chi phí thiết bị	457.734.298
- Chi phí quản lý dự án	2.183.547
+ <i>Chi phí quản lý dự án - giai đoạn chuẩn bị dự án (chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án)</i>	2.183.547
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	74.922.995
- Chi phí khác	114.500.900
+ <i>Chi phí khác</i>	12.577.154
+ <i>Lãi vay trong thời gian xây dựng</i>	101.923.746
+ <i>Vốn lưu động ban đầu</i>	0
- Chi phí dự phòng	462.561.166
+ <i>Dự phòng khối lượng phát sinh</i>	138.174.541
+ <i>Dự phòng trượt giá</i>	324.386.625

1.13 Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư; thời hạn hoạt động của dự án:

- Tiến độ thực hiện dự án: 69 tháng kể từ ngày Dự án được phê duyệt.
- Phân kỳ đầu tư: không.

Trần Văn





CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com

- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2017.

1.14 Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn khác.
 - + Phần vốn tự có: 631.773.258.000 đồng, chiếm 30% tổng vốn đầu tư cố định, lãi vay và dự phòng lãi vay trong thời gian xây dựng công trình;
 - + Phần vốn vay: 1.212.533.322.000 đồng, chiếm 70% tổng vốn đầu tư cố định (Tổng vốn đầu tư cố định: 1.732.190.460.000 đồng, là tổng mức đầu tư của dự án không bao gồm lãi vay và dự phòng lãi vay trong thời gian xây dựng công trình). Dự kiến vay từ ngân hàng thương mại bằng nội tệ với lãi suất là 10,5%/năm. Thời gian trả nợ là 10 năm (ân hạn trong thời gian xây dựng). Lãi vay được trả định kỳ hàng năm trong thời gian xây dựng bằng nguồn vốn tự có của Chủ đầu tư.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
 - + Giai đoạn 2019-2024: 7.785.182.000 đồng;
 - + Giai đoạn 2025-2031: 1.836.521.398.000 đồng.

1.15 Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị dự án. Thuê tư vấn quản lý dự án giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng.

1.16 Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: không có.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban TGD (e-copy);
- Phòng chuyên môn (e-copy);
- Phòng ĐTXD (1b, e-copy);
- CBTT;
- Lưu: VT, TKCT.





CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com



PHỤ LỤC 01

QUY MÔ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Kèm theo Tờ trình số 910 /TTr-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2025)

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
01	Khu vực nhà kho		
	1.1	Nhà kho NX-1 (Kho nguyên liệu)	II
	1.2	Nhà kho NX-2 (Kho thành phẩm)	II
	1.3	Nhà kho NX-2 (Kho vật tư)	III
02	Nhà xưởng số 2 (Đất dự phòng)		
03	Khu vực sản phẩm gốc phốt phát và các sản phẩm khác		
	3.1	Nhà kho số 3.2 (Kho phốt pho)	II
	3.2	Nhà kho số 3.3 (Kho phụ gia thực phẩm)	III
	3.3	Nhà xưởng số 3.3 (Xưởng H ₃ PO ₄ kỹ thuật)	III
	3.4-1	Nhà xưởng số 3.4 (Xưởng H ₃ PO ₄ thực phẩm)	III
	3.4-2	Nhà xưởng số 3.4 (Khu vực chiết can)	III
	3.5	Khu vực thiết bị ngoài trời số 3.5 (Kho bồn H ₃ PO ₄)	II
	3.6	Nhà xưởng số 3.4 (Đất dự phòng)	
04	Khu vực FeCl ₃		
	4.1-1	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng FeCl ₃)	III
	4.1-2	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng PAC)	III
	4.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (FeCl ₃ ngoài trời)	
	4.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (PAC ngoài trời)	
	4.2-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (Đất dự phòng)	
	4.2-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (Đất dự phòng)	
05	Khu vực Clo lỏng		
	5.1	Nhà kho số 5.1 (Kho Clo lỏng)	II

Handwritten signature

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
	5.2	Nhà xưởng số 5.2 (Xưởng hóa lỏng Clo)	III
	5.3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 5.3 (khu vực sấy khô Clo, khu vực Chiller, khu vực Javen, xử lý Clo khẩn cấp)	
	5.4	Nhà phụ trợ số 5.4 (Nhà giao ca, nhà văn phòng xưởng Clo)	IV
06	Khu vực điện phân		
	6.1-1	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng khí nén)	III
	6.1-2	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng chính lưu)	III
	6.2	Nhà xưởng số 6.2 (Xưởng điện phân)	III
	6.3	Nhà xưởng số 6.3 (Xưởng điều dụng)	III
	6.7	Khu vực thiết bị ngoài trời số 6.7 (khu vực phân phối NaOH 32%)	
	6.8	Nhà để máy phát điện	III
	6.9	Trạm phân phối điện số 1	III
07	Nhà hành chánh-văn phòng (đất dự phòng)		
08	Nhà xưởng số 8 (đất dự phòng)		
09	Trung tâm điều khiển		
	9	Nhà KCS - Điều khiển trung tâm	III
10	Khu vực axit HCl		
	10.1	Nhà phụ trợ số 10.1 (nhà tủ điện)	III
	10.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (khu vực axit HCl)	III
	10.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (khu vực hệ nitor)	
11	Khu vực Cooling-Vô khoáng-Nồi hơi-PAC bột		
	11.1	Nhà kho số 11.1 (Kho PAC bột)	II
	11.2	Nhà xưởng số 11.2 (Nhà nồi hơi)	III
	11.3-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu vực PAC bột)	
	11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu bồn dầu)	
	11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (phân phối hơi)	
	11.3-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (cooling tower)	III

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620**Fax:** (028) 3824 3166**Website:** www.sochemvn.com

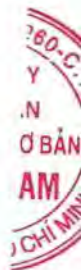
KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
	11.3-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (Hệ cô xút)	
	11.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.4 (khu vực hệ vô khoáng, bồn chứa nước thủy cục - PCCC)	III
12	Khu vực Axit Sunfuric tinh khiết		
	12.1	Trạm phân phối điện số 2	III
	12.2	Nhà xưởng số 12.2 (Xưởng axit sunfuric tinh khiết)	III
	12.3	Nhà xưởng số 12.3 (dự phòng)	III
	12.3	Trạm NG (ngoài trời)	
13	Khu vực kho bồn		
	13.1	Khu vực kho bồn chứa thành phẩm	II
	13.2	Nhà bảo vệ - Giao hàng	IV
	13.3	Khu vực trạm cân	
14	Khu vực sản xuất Axit Sunfuric và sản phẩm gốc Sunfat		
	14.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.1 (khu vực Axit Sunfuric)	III
	14.2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.2 (khu vực tháp Axit Sunfuric - Bisunfit)	II
	14.3	Nhà xưởng số 14.3 (Nhà nấu chảy lưu huỳnh)	III
	14.4	Nhà xưởng số 14.4 (Kho lưu huỳnh)	III
	14.5	Nhà xưởng số 14.5 (Nhà quạt gió)	III
	14.6	Nhà phụ trợ số 14.6 (Nhà thay ca - Điều khiển xưởng dây chuyền H ₂ SO ₄)	III
	14.7	Nhà xưởng số 14.7 (Xưởng phèn)	III
	14.8	Nhà xưởng số 14.8 (Xưởng Magie Sunfat)	III
	14.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.9 (khu vực Magie Sunfat ngoài trời)	
	14.10	Nhà phụ trợ số 14.10 (Nhà giao ca Magie Sunphat)	III
	14.11	Nhà xưởng số 14.11 (Dự phòng)	III
	14.12	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.12 (Dự phòng)	

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620**Fax:** (028) 3824 3166**Website:** www.sochemvn.com

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
	14.13	Nhà xưởng số 14.13 (Dự phòng)	III
15	Bãi muối		
16	Khu vực điều chế nước muối		
	16.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.1 (khu vực nước muối tái bão hòa)	
	16.2	Nhà xưởng số 16.2 (Nhà hòa tan)	III
	16.3	Nhà xưởng số 16.3 (Nhà tinh chế nước muối thứ cấp)	III
	16.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.4 (Hồ chứa nước muối thu gom)	IV
	16.5-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (khu vực lọc nước muối-1)	IV
	16.5-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (Hồ chứa nước muối rửa)	IV
	16.6	Nhà xưởng số 16.6 (Nhà pha chế nước muối thức cấp)	III
	16.7	Nhà xưởng số 16.7 (Khu vực lọc nước muối-2)	III
	16.8	Nhà phụ trợ số 16.8 (Nhà giao ca)	IV
	16.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.9 (khu vực bồn lắng nước muối)	IV
	16.10	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.10 (khu vực bồn chứa bùn muối)	IV
	16.11	Nhà xưởng số 16.11 (Nhà tinh chế nước muối sơ cấp - kho hóa chất)	III
	16.12	Nhà phụ trợ số 16.12 (Nhà vận hành và tủ điện sơ cấp)	III
	16.13	Nhà xưởng số 16.13 (Nhà ép bùn - chứa bùn)	III
		Nhà ép bùn	
		Nhà chứa bùn	
17	Khu vực silicat		
	17.1	Nhà xưởng số 17.1 (Xưởng silicat)	III
	17.2	Nhà xưởng số 17.2 (Kho cát)	III



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620**Fax:** (028) 3824 3166**Website:** www.sochemvn.com

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Cấp công trình xây dựng
	17.3	Khu vực kho ngoài trời số 17.3 (Kho cát ngoài trời)	
	17.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 17.4 (khu vực thiết bị súc rửa xe)	IV
	17.5	Nhà xưởng số 17.5 (Xưởng cơ điện)	III
18		Khu vực Composit - Xử lý nước thải	
	18.1	Nhà xưởng số 18.1 (Xưởng composit)	III
	18.2-1	Nhà kho số 18.2 (Kho chất thải công nghiệp)	III
	18.2-2	Nhà kho số 18.2 (Nhà kho chất thải nguy hại)	II
	18.2-3	Nhà kho số 18.2 (Nhà kho phế liệu)	III
	18.3	Khu vực kho ngoài trời số 18.3 (Bãi vật tư thu hồi)	
	18.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 18.4 (khu vực xử lý nước thải)	III
	18.5	Nhà phụ trợ số 18.5 (Nhà điều hành xnt)	III
19	TT	Tổng thể	
		Nhà bảo vệ (Số lượng: 03, trong đó 01 tại trục đường số 7 (DT771C), 02 tại trục đường số 10)	IV
		Hàng rào loại 1 (dài 1.359m; cao 2m)	IV
		Hàng rào loại 2 (dài 417,36m; cao 2m)	IV
		Hệ thống cấp nước	III
		Hệ thống thoát nước mưa	III
		Hệ thống thoát nước thải	III
		Hệ thống đường nội bộ	IV
		Hệ thống giàn đỡ ống	III

T.C.P.
★
H



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com

Số: 911 /BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc xem xét kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và giao Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Báo cáo kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thực hiện quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu và các văn bản pháp luật có liên quan để tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các công việc của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

(Báo cáo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo Phụ lục 01 đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban TGD (e-copy);
- Phòng chuyên môn (e-copy);
- Phòng ĐTXD (1b, e-copy);
- CBTT;
- Lưu: VT, TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN
MIỀN NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thị Mai



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3829 6620

Fax: (028) 3824 3166

Website: www.sochemvn.com



PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY HÓA CHẤT NHƠN TRẠCH

(Kèm theo Báo cáo số: 911 /BC-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2025)

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch do nhà thầu liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghệ và Hóa chất Tam Sơn lập năm 2025;

Căn cứ văn bản số 777/HCCB-NĐD ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc báo cáo tình hình thực hiện dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.

2. Phần công việc đã thực hiện:

Bảng số 1

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (1.000 đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Liên danh CECO - TAM SON (Liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Sơn)	4.065.442	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 1054/QĐ-HCCB ngày 22 tháng 10 năm 2021; - Hợp đồng số 11/2021/HĐTV/HCCB-CECO-TAM SON ngày 09 tháng 12 năm 2021.
2	Lập nhiệm vụ và đồ án qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Long Phú	650.780	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 496/QĐ-HCCB ngày 06 tháng 5 năm 2022; - Hợp đồng số 07/2022/HĐĐT/LP-HCCB ngày 12 tháng 5 năm 2022.
3	Thẩm tra dự toán các công việc khảo sát địa chất công trình	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	34.364	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 98/QĐ-HCCB ngày 21 tháng 01 năm 2022; - Hợp đồng số 01/2022/HĐĐT/NAGECCO-HCCB ngày 21 tháng 01 năm 2022.
4	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây lắp Thương mại Sông Hồng	19.000	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 225/QĐ-HCCB ngày 22/02/2022; - Hợp đồng số 02/2022/HĐĐT/SH-HCCB ngày 23/02/2022.
5	Thẩm tra nhiệm vụ, phương án kỹ thuật và giám sát khảo sát địa chất công trình	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CDCO	49.000	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 271/QĐ-HCCB ngày 10 tháng 3 năm 2022; - Hợp đồng số 05/2022/HĐĐT/CDCO-HCCB ngày 14 tháng 3 năm 2022.
6	Khảo sát địa chất công trình phục vụ BCNCKT	Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh	324.618	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 413/QĐ-HCCB ngày 14 tháng 4 năm 2022; - Hợp đồng số 06/2022/HĐĐT/BKTECHS-

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (1.000 đồng)	Văn bản phê duyệt
				HCCB ngày 22/04/2022.
7	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Trung tâm Công nghệ Môi trường	1.498.068	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 1142/QĐ-HCCB ngày 21 tháng 11 năm 2022; - Hợp đồng số 01/2023/HĐĐT/ENTEC-HCCB ngày 18 tháng 01 năm 2023.
8	Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	Liên danh Viện Kinh tế Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học	648.000	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 901/QĐ-HCCB ngày 05 tháng 8 năm 2024; - Hợp đồng số 11/2024/HĐĐT/LD-VKT-IBST-CETD-HCCB ngày 23 tháng 8 năm 2024.
9	Thẩm tra dự toán các công việc khảo sát địa hình công trình, đánh giá định lượng rủi ro cho các hoạt động hóa chất giai đoạn thiết kế cơ sở.	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	45.000	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 132/QĐ-HCCB ngày 02 tháng 02 năm 2024; - Hợp đồng số 02/2024/HĐĐT/NAGECCO-HCCB ngày 21 tháng 02 năm 2024.
10	Thẩm tra nhiệm vụ, phương án kỹ thuật, giám sát và kiểm tra kết quả khảo sát địa hình công trình	Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Thiết kế Phương Anh	51.000	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 560/QĐ-HCCB ngày 28 tháng 5 năm 2024; - Hợp đồng số 07/2024/HĐĐT/PA-HCCB ngày 30 tháng 5 năm 2024.
11	Khảo sát địa hình công trình phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Trường Thành	92.839	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 647/QĐ-HCCB ngày 14 tháng 6 năm 2024; - Hợp đồng số 09/2024/HĐĐT/TT-HCCB ngày 17 tháng 6 năm 2024.
12	Tư vấn đánh giá định lượng rủi ro cho các hoạt động hóa chất giai đoạn thiết kế cơ sở	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Phát triển An toàn và Môi trường Dầu khí	416.000	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 880/QĐ-HCCB ngày 31 tháng 7 năm 2024; - Hợp đồng số 10/2024/HĐĐT/CPSE-

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (1.000 đồng)	Văn bản phê duyệt
				HCCB ngày 09 tháng 9 năm 2024.
13	Phí thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai	55.445	- Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0022902 ngày 27/12/2024 theo thông báo thu phí thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 số 634/TB-KCNĐN ngày 24/7/2024.
14	Phí thẩm định đánh giá tác động môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	79.000	- Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0000045 ngày 10/4/2025 theo thông báo nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 46/TP-MT ngày 31/3/2025.
15	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	Bộ Công Thương	55.329	- Theo TMĐT trong BCNCKT.
16	Chi phí tư vấn quản lý dự án giai đoạn thực hiện và kết thúc đầu tư		10.174.279	- Thực hiện đấu thầu trước, đang trình phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
17	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình		20.104.755	- Thực hiện đấu thầu trước, đang trình phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
18	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công thiết bị chế tạo		4.646.657	- Thực hiện đấu thầu trước, đang trình phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
19	Chi phí tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình			
19.1	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình		542.485	- Thực hiện đấu thầu trước, đang trình phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
19.2	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình		619.609	- Thực hiện đấu thầu trước, đang trình phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]			44.171.671	

3. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu:

Bảng số 2

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (1.000 đồng)
1	Chi phí thuê đất trong thời gian xây dựng		78.807.296
2	Chi phí quản lý dự án (chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án)	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.183.547
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	27.536
4	Chi phí thẩm tra thiết kế công nghệ dự án		132.000
5	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	637.147
6	Phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	50.000
7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	50.000
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	793.052
9	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình của cơ quan chuyên môn nhà nước quản lý công trình chuyên ngành	Bộ Công Thương	1.583.010
10	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án	Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai	51.699
11	Chi phí lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư góp ý cho đồ án quy hoạch	Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai	12.458
12	Chi phí công bố đồ án quy hoạch được duyệt	Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai	18.686
13	Phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Bộ Công Thương và Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	326.798
14	Phí thẩm định dự toán xây dựng	Bộ Công Thương và Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	308.973
15	Phí thẩm định phê duyệt thiết kế về PCCC	Công An tỉnh Đồng Nai	44.263
16	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	80.000
17	Chi phí chạy thử	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	3.227.414
18	Chi phí đào tạo công nhân vận hành	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	1.222.644
19	Lãi vay trong thời gian xây dựng		101.923.746
20	Chi phí dự phòng	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	462.561.166
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]			654.041.435

4. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

4.1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-01: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu MA	- Thực hiện công việc tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu mua sắm hàng hóa không phụ thuộc vào thiết kế bản vẽ thi công (các gói thầu có mã gói thầu từ MA-01 đến MA-09).	278.640	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Chỉ định thầu rút gọn		7 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	50 ngày	Không áp dụng	
2	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-02: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu TV, MB, XL	- Thực hiện công việc tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu tư vấn, xây lắp, mua sắm hàng hóa của dự án (không bao gồm các gói thầu có mã gói thầu từ MA-01 đến MA-09).	954.775	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	188 ngày	Không áp dụng	
3	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-03: Khảo sát địa chất công trình giai đoạn TKBVTC	- Thực hiện khảo sát địa chất công trình giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công.	492.669	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Chỉ định thầu rút gọn		7 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	15 ngày	Không áp dụng	
4	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-04: Giám sát khảo sát địa chất công trình giai đoạn TKBVTC	- Thực hiện công việc tư vấn giám sát khảo sát địa chất công trình.	37.375	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Chỉ định thầu rút gọn		7 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	15 ngày	Không áp dụng	
5	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-05: Giám sát thi công san lấp mặt bằng, tường rào.	- Thực hiện công việc tư vấn giám sát thi công san lấp mặt bằng và xây dựng tường rào.	915.994	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	30 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	213 ngày	Không áp dụng	
6	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-06: Giám sát thi công xây dựng và PCCC	- Thực hiện công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng mục công trình và phòng cháy chữa cháy.	4.535.577	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	30 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	266 ngày	Không áp dụng	
7	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-07: Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công nghệ, điện	Thực hiện công việc tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị công nghệ, điện, cụ thể như sau: - Lắp đặt thiết bị công nghệ; - Lắp đặt các thiết bị điện, đo lường, điều khiển; - Lắp đặt tuyến cáp nguồn trung thế; - Lắp đặt hệ thống chiếu sáng, tiếp địa, chống sét; - Lắp đặt hệ thống cung cấp khí NG.	11.212.462	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	240 ngày	Không áp dụng	
8	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-MT-01: Tư vấn lập hồ sơ xin giấy phép môi trường	- Thực hiện công việc tư vấn lập hồ sơ xin giấy phép môi trường của dự án.	1.564.547	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	31 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	180 ngày	Không áp dụng	

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1,000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
9	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu TV-KT: Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	- Thực hiện công việc kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành.	2.495.347	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	30 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	313 ngày	Không áp dụng	
10	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu BH-01: Bảo hiểm xây dựng công trình	- Thực hiện công việc bảo hiểm công trình xây dựng.	2.223.036	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	20 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm	304 ngày	Không áp dụng	
11	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-01: Hệ thống chỉnh lưu và thanh dòng	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện hệ thống chỉnh lưu; - Kiểm tra, hoàn thiện, hướng dẫn sử dụng và đào tạo; chạy thử thiết bị và nghiệm thu phần thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	23.496.979 (giao hàng tại nhà máy, trong đó: giá CIF là 19.791.573 (1,000 đồng) tương đương 763.700,00 USD)	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi quốc tế, không sơ tuyển, không qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	50 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	286 ngày	Không áp dụng	
12	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-02: Thiết bị lọc nước muối	- Cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống lọc Ceramic; - Cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống lọc trao đổi ion; - Kiểm tra, hoàn thiện, hướng dẫn sử dụng và đào tạo; chạy thử thiết bị và nghiệm thu phần thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	55.629.550	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	210 ngày	Không áp dụng	
		Lô 1: Thiết bị lọc Ceramic	- Cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống lọc Ceramic; - Kiểm tra, hoàn thiện, hướng dẫn sử dụng và đào tạo; chạy thử thiết bị và nghiệm thu phần thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	34.326.950							210 ngày		
		Lô 2: Thiết bị lọc trao đổi ion	- Cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống lọc trao đổi ion; - Kiểm tra, hoàn thiện, hướng dẫn sử dụng và đào tạo; chạy thử thiết bị và nghiệm thu phần thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	21.302.600							210 ngày		
13	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-03: Bơm ly tâm hợp kim	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện bơm các loại; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	9.753.638	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	210 ngày	Không áp dụng	

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
14	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-04: Bơm ly tâm nhựa và gang lót	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện bơm các loại; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	15.909.462	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	210 ngày	Không áp dụng	
15	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-05: Bơm ly tâm thép và thép không gỉ	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện bơm các loại; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	5.711.750	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	210 ngày	Không áp dụng	
16	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-06: Thiết bị trao đổi nhiệt	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện thiết bị trao đổi nhiệt tấm các loại; - Cung cấp thiết bị trao đổi nhiệt kiểu ống chùm; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	19.996.973	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	210 ngày	Không áp dụng	
		Lô 1: Thiết bị trao đổi nhiệt kiểu tấm	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện thiết bị trao đổi nhiệt tấm các loại; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	5.168.973							210 ngày		
		Lô 2: Thiết bị trao đổi nhiệt kiểu ống chùm	- Cung cấp thiết bị trao đổi nhiệt kiểu ống chùm; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	14.828.000							210 ngày		
17	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-07: Thiết bị phụ trợ	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện máy nén khí; - Cung cấp vật tư, thiết bị và thực hiện lắp đặt hoàn thiện tháp giải nhiệt nước; - Cung cấp thiết bị và phụ kiện máy Chiller; - Cung cấp thiết bị và phụ kiện quạt ly tâm; - Cung cấp thiết bị và phụ kiện máy ép lọc; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	24.813.620	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	210 ngày	Không áp dụng	
		Lô 1: Máy nén khí và phụ kiện	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện máy nén khí; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	5.156.580							210 ngày		
		Lô 2: Tháp giải nhiệt Cooling Water	- Cung cấp vật tư, thiết bị và thực hiện lắp đặt hoàn thiện tháp giải nhiệt nước; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	7.105.072							210 ngày		

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
		Lô 3: Máy Chiller Water và phụ kiện	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện máy Chiller; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	9.856.968							210 ngày		
		Lô 4: Quạt ly tâm	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện quạt ly tâm; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	1.375.000							210 ngày		
		Lô 5: Máy ép lọc bùn muối	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện máy ép lọc; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	1.320.000							210 ngày		
18	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-08: Thiết bị phản ứng, bồn chứa các loại	- Cung cấp thiết bị phản ứng, bồn chứa các loại; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	10.568.409	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	210 ngày	Không áp dụng	
		Lô 1: Thiết bị, bồn chứa vật liệu thép	- Cung cấp thiết bị phản ứng, bồn chứa các loại; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	7.000.504							210 ngày		
		Lô 2: Thiết bị, bồn chứa vật liệu FRP	- Cung cấp thiết bị phản ứng, bồn chứa các loại; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	3.567.905							210 ngày		
19	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MA-09: Thiết bị công nghệ xử lý lò hơi	- Cung cấp vật tư, thiết bị và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống xử lý khói lò hơi; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu hệ thống sau khi chủ đầu tư đấu nối hoàn chỉnh.	5.280.660	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	210 ngày	Không áp dụng	
20	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-01: Thiết bị chế tạo bồn chứa	- Cung cấp vật tư, phụ kiện, tổ chức gia công chế tạo và lắp đặt bồn chứa, thiết bị theo các tài liệu thiết kế.	84.490.922	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	240 ngày	Không áp dụng	
		Lô 1: Thiết bị bồn chứa vật liệu thép lót FRP	- Cung cấp vật tư, phụ kiện, tổ chức gia công chế tạo và lắp đặt bồn chứa, thiết bị theo các tài liệu thiết kế.	39.944.916							240 ngày		
		Lô 2: Thiết bị bồn chứa vật liệu thép	- Cung cấp vật tư, phụ kiện, tổ chức gia công chế tạo và lắp đặt bồn chứa, thiết bị theo các	44.546.006							240 ngày		



Handwritten signature

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
			<i>tài liệu thiết kế.</i>										
21	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-02: Thiết bị cho dây chuyền axit sunfuric kỹ thuật	- Cung cấp vật tư, phụ kiện, tổ chức gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị theo các tài liệu thiết kế.	38.556.100	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	149 ngày	Không áp dụng	
22	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-03: Máy biến thế và máy phát điện	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện máy phát điện; - Cung cấp máy biến thế; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	13.321.000	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	149 ngày	Không áp dụng	
		Lô 1: Máy phát điện 1700 kVA và hệ thống chuyển mạch ATS	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện máy phát điện; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	10.747.000							149 ngày		
		Lô 2: Máy biến thế 5000 kVA	- Cung cấp máy biến thế; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	2.574.000							149 ngày		
23	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-04: Thiết bị đo lường điều khiển	- Cung cấp vật tư thiết bị đo lường điều khiển các loại; - Cung cấp vật tư van điều khiển các loại; - Kiểm tra và nghiệm thu sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	14.019.762	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	240 ngày	Không áp dụng	
		Lô 1: Thiết bị đo lường	- Cung cấp vật tư thiết bị đo lường điều khiển các loại; - Kiểm tra và nghiệm thu sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	10.965.844							240 ngày		
		Lô 2: Van điều khiển	- Cung cấp vật tư van điều khiển các loại; - Kiểm tra và nghiệm thu sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	3.053.918							240 ngày		
24	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-05: Hệ thống tự động hòa cho bình điện phân	- Cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống; - Kiểm tra, hoàn thiện, hướng dẫn sử dụng và đào tạo; chạy thử và nghiệm thu toàn hệ thống sau khi chủ đầu tư đấu nối hoàn chỉnh.	9.776.942	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	240 ngày	Không áp dụng	
25	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-06: Van lót	- Cung cấp van các loại.	14.829.168	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	240 ngày	Không áp dụng	

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
26	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-07: Van nhựa	- Cung cấp van các loại.	19.922.686	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	149 ngày	Không áp dụng	
27	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-08: Van công nghệ	- Cung cấp van các loại.	23.366.425	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	149 ngày	Không áp dụng	
28	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-09: Hệ thống xử lý nước thải	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống; - Vận hành thử nghiệm; - Kiểm tra, hoàn thiện, hướng dẫn sử dụng và đào tạo; nghiệm thu.	5.362.977	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	149 ngày	Không áp dụng	
29	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-10: Hệ thống cân xe ô tô 80 tấn	- Cung cấp vật tư, thiết bị và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống cân; - Kiểm tra, kiểm định và nghiệm thu.	2.280.190	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	149 ngày	Không áp dụng	
30	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu MB-11: Thiết bị công nghệ khác	- Cung cấp thiết bị và phụ kiện; - Kiểm tra, hoàn thiện và nghiệm thu thiết bị sau khi chủ đầu tư lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh.	14.478.247	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	35 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	235 ngày	Không áp dụng	
31	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu XL-01: Thi công san lấp, tường rào	- San lấp mặt bằng (toàn bộ diện tích nhà máy); - Thi công xây dựng tường rào (không bao gồm cổng và nhà bảo vệ).	30.688.400	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng theo đơn giá cố định	213 ngày	Không áp dụng	
32	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu XL-02: Xây dựng hạng mục công trình	- Thi công xây lắp các hạng mục công trình, bao gồm: + Công trình nhà xưởng, nhà kho, nhà vận hành; + Giàn đỡ máy móc, thiết bị, đường ống công nghệ; - Thi công hạng mục hạ tầng bao gồm đường nội bộ, hệ thống mương thoát nước mưa, khu xử lý nước thải.	295.547.906	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng hỗn hợp (Hợp đồng trọn gói + Hợp đồng theo đơn giá cố định)	266 ngày	Không áp dụng	
33	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu XL-03: Lắp đặt hệ thống PCCC	- Cung cấp vật tư, thiết bị và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống theo tài liệu thiết kế; - Thực hiện các thủ tục liên quan nghiệm thu phòng cháy chữa cháy để đưa hệ thống vào sử dụng.	11.803.991	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 3/2025	Hợp đồng trọn gói	266 ngày	Không áp dụng	

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
34	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu XL-04: Lắp đặt thiết bị công nghệ	- Tháo dỡ và vận chuyển thiết bị từ Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6; - Cung cấp vật tư, phụ kiện thiết bị, đường ống; - Lắp đặt hoàn thiện thiết bị, đường ống công nghệ các dây chuyền sản xuất theo tài liệu thiết kế.	169.824.628	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng hỗn hợp (Hợp đồng trọn gói + Hợp đồng theo đơn giá cố định)	212 ngày	Không áp dụng	
		Lô 1: Lắp đặt thiết bị công nghệ P1	- Tháo dỡ và vận chuyển thiết bị từ Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 (Nhà máy Hóa chất Biên Hòa) đến Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6; - Cung cấp vật tư, phụ kiện thiết bị, đường ống; - Lắp đặt hoàn thiện thiết bị, đường ống công nghệ các dây chuyền sản xuất (phần 1) theo tài liệu thiết kế.	140.231.944							212 ngày		
		Lô 2: Lắp đặt thiết bị công nghệ P2	- Tháo dỡ và vận chuyển thiết bị từ Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 (Nhà máy Hóa chất Đồng Nai) đến Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6; - Cung cấp vật tư, phụ kiện thiết bị, đường ống; - Lắp đặt hoàn thiện thiết bị, đường ống công nghệ các dây chuyền sản xuất (phần 2) theo tài liệu thiết kế.	10.886.085							121 ngày		
		Lô 3: Lắp đặt thiết bị công nghệ P3	- Tháo dỡ và vận chuyển thiết bị từ Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 (Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2) đến Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6; - Cung cấp vật tư, phụ kiện thiết bị, đường ống; - Lắp đặt hoàn thiện thiết bị, đường ống công nghệ các dây chuyền sản xuất (phần 3) theo tài liệu thiết kế.	18.706.599							121 ngày		
35	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu XL-05: Lắp đặt các thiết bị điện, đo lường, điều khiển	- Tháo dỡ và vận chuyển thiết bị điện từ Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6; - Cung cấp vật tư, phụ kiện thiết bị điện, điện đo lường điều khiển; - Cung cấp vật tư, phụ kiện và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống cấp điện và thang máng cáp điện theo tài liệu thiết kế; - Lắp đặt hoàn thiện thiết bị điện, đo lường điều khiển các dây chuyền sản xuất theo tài liệu thiết kế.	132.972.570	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng hỗn hợp (Hợp đồng trọn gói + Hợp đồng theo đơn giá cố định)	212 ngày	Không áp dụng	

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
		Lô 1: Lắp đặt thiết bị điện, đo lường, điều khiển	- Tháo dỡ và vận chuyển thiết bị điện từ Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6; - Cung cấp vật tư, phụ kiện thiết bị điện, điện đo lường điều khiển; - Lắp đặt hoàn thiện thiết bị điện, đo lường điều khiển các dây chuyển san xuất theo tài liệu thiết kế.	50.763.355						Hợp đồng trọn gói	212 ngày		
		Lô 2: Lắp đặt cáp điện và thang máng cáp điện	- Cung cấp vật tư, phụ kiện và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống cáp điện và thang máng cáp điện theo tài liệu thiết kế.	82.209.215						Hợp đồng theo đơn giá cố định	212 ngày		
36	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu XL-06: Lắp đặt tuyến cáp nguồn trung thế	- Cung cấp vật tư, thiết bị và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống cung cấp nguồn điện trung thế theo tài liệu thiết kế.	9.901.335	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	149 ngày	Không áp dụng	
37	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu XL-07: Lắp đặt hệ thống chiếu sáng, tiếp địa, chống sét	- Cung cấp vật tư, thiết bị và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống theo tài liệu thiết kế.	44.162.188	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng theo đơn giá cố định	240 ngày	Không áp dụng	
38	Công ty Cổ phần Hòa chất Cơ bản Miền Nam	Gói thầu XL-08: Lắp đặt hệ thống cung cấp khí NG	- Cung cấp vật tư, thiết bị và thực hiện lắp đặt hoàn thiện hệ thống cung cấp khí NG theo tài liệu thiết kế.	4.864.200	Vốn tự có và Vốn vay thương mại	Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý 4/2025	Hợp đồng trọn gói	149 ngày	Không áp dụng	
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]				1.136.041.097									

4.2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

4.2.1. Cơ sở phân chia gói thầu:

Căn cứ vào nội dung, tính chất kỹ thuật, phạm vi công việc của dự án, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phân chia thành 38 gói thầu, đảm bảo trình tự thực hiện, tính đồng bộ và tiến độ thực hiện dự án phù hợp với khoản 4 Điều 37 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.

4.2.2. Giá gói thầu:

- ❖ Giá gói thầu TV-01: là chi phí tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị từ MA-01 đến MA-09.
Giá gói thầu được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại bảng 2.20 kèm theo Thông tư 12/2021/TT-BXD) nhân với chi phí mua sắm vật tư, thiết bị trong giá gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị của các gói thầu từ MA-01 đến MA-09.
- ❖ Giá gói thầu TV-02: bằng tổng chi phí tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn giai đoạn sau chuẩn bị dự án: thi công xây dựng; mua sắm vật tư, thiết bị được xác định trong tổng mức đầu tư trừ đi chi phí tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT ở gói TV-01.
- ❖ Giá gói thầu TV-03: bằng chi phí khảo sát địa chất công trình phục vụ thiết kế bản vẽ thi công trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu TV-04: bằng chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu TV-05: là chi phí giám sát hoạt động thi công xây dựng của gói XL-01.
Giá gói thầu được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại bảng 2.21 kèm theo Thông tư 12/2021/TT-BXD) nhân với chi phí xây dựng trong giá gói thầu thi công xây dựng của gói thầu XL-01.
- ❖ Giá gói thầu TV-06: là chi phí giám sát hoạt động thi công xây dựng của gói XL-02 và gói XL-03.
Giá gói thầu được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại bảng 2.21 kèm theo Thông tư 12/2021/TT-BXD) nhân với chi phí xây dựng trong giá gói thầu thi công xây dựng của gói thầu XL-02 và XL-03.
- ❖ Giá gói thầu TV-07: bằng tổng chi phí giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được xác định trong tổng mức đầu tư trừ đi chi phí giám sát thi công xây dựng ở gói TV-05 và TV-06.
- ❖ Giá gói thầu TV-MT-01: bằng chi phí tư vấn cấp giấy phép môi trường trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu TV-KT: bằng chi phí kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu BH-01: bằng chi phí bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu MA-01: bằng chi phí thiết bị phần điện - đo lường điều khiển đầu tư mới mua sắm nước ngoài trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu từ MA-02 đến MA-09: bằng chi phí thiết bị công nghệ đầu tư mới mua sắm trong nước trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu MB-01, MB-02: bằng chi phí thiết bị chế tạo trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu MB-03: bằng chi phí thiết bị phần điện - đo lường điều khiển trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu MB-04: bằng chi phí vật tư thuộc chi phí xây dựng (phần điện - đo lường điều khiển) trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu MB-05: là chi phí cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và chi phí nhân công lắp đặt hoàn thiện hệ thống thuộc chi phí xây dựng (phần điện - đo lường điều khiển) trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu MB-06 đến MB-09: bằng chi phí vật tư chính thuộc chi phí xây dựng (phần đường ống) trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu MB-10, MB-11: bằng chi phí thiết bị công nghệ đầu tư mới mua sắm trong nước trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu XL-01: bằng chi phí san lấp mặt bằng, tường rào thuộc chi phí xây dựng (phần xây dựng) trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu XL-02: bằng chi phí xây dựng (phần xây dựng) và chi phí phần xây dựng của hệ thống xử lý nước thải trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu XL-03: bằng chi phí xây dựng (phần phòng cháy chữa cháy) trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu XL-04: bằng tổng chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị di dời; chi phí lắp đặt thiết bị công nghệ đầu tư mới thuộc chi phí thiết bị và chi phí xây dựng (phần đường ống) trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu XL-05: thuộc chi phí xây dựng và thiết bị (phần điện - đo lường điều khiển) trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu XL-06: bằng chi phí thiết bị điện - đo lường điều khiển đầu tư mới mua sắm trong nước trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu XL-07: bằng chi phí xây dựng (phần điện - đo lường điều khiển) trong tổng mức đầu tư.
- ❖ Giá gói thầu XL-08: bằng chi phí xây dựng (phần đường ống) trong tổng mức đầu tư.

4.2.3. Nguồn vốn:

Vốn tự có của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và vốn vay ngân hàng thương mại, phù hợp với nguồn vốn trong báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

4.2.4. Hình thức lựa chọn nhà thầu, cụ thể như sau:

Hình thức lựa chọn nhà thầu được lựa chọn dựa trên loại gói thầu, giá gói thầu phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.

Các gói thầu TV-01, TV-03, TV-04 là các gói thầu tư vấn cơ giới gói thầu không quá 500 triệu đồng, hình thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu phù hợp quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu.

Các gói thầu BH-01 là gói thầu phi tư vấn thông dụng, đơn giản; gói thầu MB-10 là gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, đơn giản, XL-08 là gói thầu xây lắp đơn giản, thi công theo bản vẽ thiết kế thi công được duyệt có giá gói thầu không quá 5 tỷ đồng, hình thức lựa chọn nhà thầu là chào hàng cạnh tranh, phù hợp quy định tại Điều 24 Luật Đấu thầu.

4.2.5. Phương thức lựa chọn nhà thầu:

Phương thức lựa chọn nhà thầu của các gói thầu được áp dụng dựa trên hình thức lựa chọn nhà thầu, phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.

4.2.6. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu phù hợp với tiến độ của Dự án được duyệt.

4.2.7. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu phù hợp với thời gian, tiến độ, trình tự thực hiện của Dự án được duyệt.

4.2.8. Loại hợp đồng:

- ❖ Gói thầu BH-01: Gói thầu bảo hiểm công trình áp dụng loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
- ❖ Gói thầu XL-01: Gói thầu có phạm vi công việc được xác định rõ ràng, nhưng chưa xác định được chính xác khối lượng công việc ở công tác đất. Vì vậy, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
- ❖ Gói thầu XL-02:
 - Bản chất công việc của gói thầu đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác khối lượng công tác cọc. Vì vậy, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định cho công tác cọc, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
 - Phạm vi công việc còn lại của gói thầu (trừ phần công tác cọc), yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện được xác định rõ; các điều kiện không lường trước được ít có khả năng thay đổi tại thời điểm lựa chọn nhà thầu. Vì vậy, áp dụng loại hợp đồng trọn gói cho phần công việc còn lại của gói thầu, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
 - Do đó, gói thầu này áp dụng hợp đồng hỗn hợp (theo đơn giá cố định và hợp đồng trọn gói) phù hợp quy định tại khoản 8 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
- ❖ Gói thầu XL-04:
 - Bản chất công việc của gói thầu đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác khối lượng phần công việc lắp đặt đường ống công nghệ và phụ kiện; lắp đặt van công nghệ; lắp đặt giá đỡ van và phụ kiện đường ống. Vì vậy, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định cho phần công việc vừa nêu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
 - Phạm vi công việc còn lại của gói thầu (trừ phần lắp đặt đường ống công nghệ và phụ kiện; lắp đặt van công nghệ; lắp đặt giá đỡ van và phụ kiện đường ống), yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện được xác định rõ; các điều kiện không lường trước được ít có khả năng thay đổi tại thời điểm lựa chọn nhà thầu. Vì vậy, áp dụng loại hợp đồng trọn gói cho phần công việc còn lại của gói thầu, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
 - Do đó, gói thầu này áp dụng hợp đồng hỗn hợp (theo đơn giá cố định và hợp đồng trọn gói) phù hợp quy định tại khoản 8 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
- ❖ Gói thầu XL-05:
 - Bản chất công việc của gói thầu đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác khối lượng phần lắp đặt cáp điện và thang máng cáp điện. Vì vậy, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định cho công tác lắp đặt cáp điện và thang máng cáp điện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
 - Phạm vi công việc còn lại của gói thầu (trừ phần lắp đặt cáp điện và thang máng cáp điện), yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện được xác định rõ; các điều kiện không lường trước được ít có khả năng thay đổi tại thời điểm lựa chọn nhà thầu. Vì vậy, áp dụng loại hợp đồng trọn gói cho phần công việc còn lại của gói thầu, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
 - Do đó, các gói thầu này áp dụng hợp đồng hỗn hợp (theo đơn giá cố định và hợp đồng trọn gói) phù hợp quy định tại khoản 8 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.
- ❖ Gói thầu XL-07: Gói thầu có phạm vi công việc được xác định rõ ràng, nhưng chưa xác định được chính xác khối lượng công việc khi lắp đặt hệ thống chiếu sáng, tiếp địa, chống sét. Vì vậy, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.

- ❖ Các gói thầu còn lại: Phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu được xác định rõ; các điều kiện không lường trước được ít có khả năng thay đổi tại thời điểm lựa chọn nhà thầu nên áp dụng loại hợp đồng trọn gói, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật Đấu thầu 22/2023/QH15.

4.2.9. Thời gian thực hiện gói thầu:

Thời gian thực hiện gói thầu các gói thầu phù hợp với tiến độ của Dự án, các báo giá đính kèm Báo cáo nghiên cứu khả thi.

4.2.10. Tùy chọn mua thêm:

Không áp dụng tùy chọn mua thêm đối với tất cả các gói thầu.

4.2.11. Giám sát hoạt động đấu thầu:

Không đề xuất áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu đối với tất cả các gói thầu.

5. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

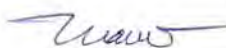
Bảng số 4

TT	Nội dung	Giá trị (1.000 đồng)
I	Chi phí BIM đối với công trình cấp I	10.052.378
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]		10.052.378

6. Tổng giá trị các phần công việc:

Bảng số 5

TT	Nội dung	Giá trị (1.000 đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	44.171.671
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	654.041.434
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	1.136.041.097
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu	10.052.378
	Tổng giá trị các phần công việc	1.844.306.580
	Tổng mức đầu tư của dự án	1.844.306.580

T.C.P
★
/.




CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: CSV.000...

MẪU

Ký và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch. 1.1. Nội dung biểu quyết: Phê duyệt Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.			
Nội dung 01: Tờ trình của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch (Tiếp theo). 1.2. Nội dung biểu quyết: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và trách nhiệm của Người quyết định đầu tư Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo quy định của pháp luật.			
Nội dung 02: Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc xem xét Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và giao Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch. Nội dung biểu quyết: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và trách nhiệm của Người quyết định đầu tư Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo quy định của pháp luật.			

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:

Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến
đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)

ba

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 947/TĐ-HCCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DỰ ÁN NHÀ MÁY HÓA CHẤT NHƠN TRẠCH

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty

Tổ thẩm định đã nhận được Tờ trình số 778/TTr-HCCB ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tổng giám đốc Công ty đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và các hồ sơ, tài liệu đính kèm.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quy chế quản lý dự án đầu tư trong Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam ban hành kèm theo Quyết định số 159/QĐ-HDQT ngày 10 tháng 02 năm 2023 của



Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam số 01/2023/NQ-ĐHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch;

Căn cứ Thông báo số 1181/HC-CNHC ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Cục Hóa chất - Bộ Công Thương về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và góp ý về công nghệ của dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch;

Sau khi xem xét Tờ trình số 778/TTr-HCCB ngày 02 tháng 06 năm 2025 của Tổng giám đốc Công ty đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và hồ sơ đính kèm, Tổ thẩm định thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch
2. Mã số thông tin dự án (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Chưa có thông tin.
3. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm B, Loại Công trình hóa chất, Công trình cấp I, Thời hạn sử dụng theo thiết kế không nhỏ hơn 25 năm.
4. Người quyết định đầu tư: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
5. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
 - Địa chỉ liên hệ: 22 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh);
 - Số điện thoại: (84-28) 3829 6620 - (84-28) 3822 5373
6. Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ cũ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai).
7. Giá trị tổng mức đầu tư: 1.844.306.580.000 đồng (Một nghìn tám trăm bốn mươi bốn tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).
8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn khác

9. Tiến độ thực hiện dự án: 69 tháng kể từ khi Dự án được phê duyệt; không phân kỳ đầu tư.
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Áp dụng theo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn của Việt Nam và một số tiêu chuẩn nước ngoài.
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh CECO - TAM SON (Liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Sơn).
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
 - Nhà thầu khảo sát địa chất công trình: Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Nhà thầu khảo sát địa hình công trình: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại Trường Thành.
13. Nhà thầu thẩm tra: Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

I. Văn bản pháp lý

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình:
 - + Văn bản số 524/HCVN-ĐTXD ngày 07 tháng 4 năm 2020 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch;
 - + Quyết định số 626/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733, chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2017; chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 01 năm 2025 cấp bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, mã số 0301446260, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam; mã số 0301446260-009, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2017; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án:

280
TY
IÁN
CƠ
NÀ
HỒ

- + Quyết định số 258/QĐ-KCNĐN ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 đối với dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- + Các bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.
- Quyết định phê duyệt và các bản vẽ có liên quan của quy hoạch được sử dụng làm căn cứ lập quy hoạch:
 - + Quyết định số 4816/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Nhơn Trạch VI tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
 - + Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu công nghiệp Nhơn Trạch VI tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch;
 - + Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu công nghiệp Nhơn Trạch 6 tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch;
 - + Bản vẽ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI đã được phê duyệt.
- Quyết định số 2464/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch;
- Biên bản thỏa thuận đối nổi hạ tầng kỹ thuật ngày 08 tháng 05 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và đơn vị quản lý hạ tầng - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn.
- Hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:
 - + Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 6 số 01/HĐTD-NT6C/VLXDSG-HCCB ngày 04 tháng 05 năm 2018;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM172254 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08 tháng 6 năm 2018.
- Quyết định số 958a/QĐ-HCCB ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi gói thầu "Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi Nhà máy



А.С.Р. ★

А.С.Р. ★

- А.С.Р. ★

- + Quyết định số 603/QĐ-HCCB ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa hình công trình;
- + Phương án kỹ thuật khảo sát địa hình công trình do Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Trường Thành lập ngày 18 tháng 6 năm 2024;
- + Quyết định số 684/QĐ-HCCB ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát địa hình công trình;
- + Báo cáo kết quả khảo sát địa hình công trình ngày 05 tháng 7 năm 2024 do Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Trường Thành lập;
- + Quyết định số 822/QĐ-HCCB ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát địa hình công trình.
- Hồ sơ giám sát khảo sát địa hình công trình:
 - + Danh sách nhân sự thực hiện giám sát khảo sát địa hình công trình;
 - + Đề cương giám sát khảo sát địa hình công trình do Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Thiết kế Phương Anh lập ngày 25 tháng 6 năm 2024;
 - + Báo cáo hoàn thành công việc giám sát khảo sát địa hình công trình số 22/TVXD ngày 01 tháng 7 năm 2024 do Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Thiết kế Phương Anh lập.

2.2. Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các phụ lục;
- Hồ sơ thiết kế cơ sở bao gồm:
 - + Thuyết minh thiết kế cơ sở và các phụ lục;
 - + Bản vẽ thiết kế cơ sở.
- Báo cáo công nghệ;
- Mô hình thông tin công trình (BIM)

2.3. Báo cáo kết quả thẩm tra:

- Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch của Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học ngày 04 tháng 3 năm 2025.
- Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch của Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học (sau thẩm định) ngày 25 tháng 6 năm 2025.

446
 0NG
 00 P
 CHA
 MIEN
 V1-T

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

3.1. Nhà thầu khảo sát:

3.1.1. Nhà thầu khảo sát địa chất công trình: Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về tổ chức:

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00000105 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 11 tháng 11 năm 2019, có giá trị đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2027; Phạm vi hoạt động xây dựng: Khảo sát xây dựng hạng I.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 211/GCN-BXD do Bộ Xây dựng cấp ngày 20 tháng 3 năm 2019 (có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp); Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 238.

- Về cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm khảo sát:

+ Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Ông Võ Thanh Long, chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất công trình hạng I, số BXD-00001104 do Cục công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 06 tháng 5 năm 2022, có giá trị đến ngày 06 tháng 5 năm 2027.

3.1.2. Nhà thầu khảo sát địa hình: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại Trường Thành

- Về tổ chức:

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00004536 do Cục công tác phía Nam - Bộ xây dựng cấp ngày 30 tháng 5 năm 2022, có giá trị đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2032; Phạm vi hoạt động xây dựng: khảo sát địa hình hạng I.

- Về cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm khảo sát:

+ Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Mạnh Hùng; chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng I, số BXD-00084740 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020, có giá trị đến ngày 07 tháng 02 năm 2025.

3.2. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh CECO - TAM SON (Liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Sơn)

- Về tổ chức:

(i) Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, mã số 0100103520, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02

năm 2006; đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 26 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp;

- + Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00005662 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 11 tháng 10 năm 2022, có giá trị đến hết ngày 11 tháng 10 năm 2032; Phạm vi hoạt động xây dựng: thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà Công nghiệp, Công nghiệp (dầu khí) hạng I;
- + Giấy phép hoạt động điện lực số 54/GP-ĐTĐL do Cục điều tiết điện lực - Bộ Công Thương cấp ngày 16 tháng 6 năm 2023, có thời hạn hoạt động đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2028; Lĩnh vực hoạt động điện lực được cấp phép: tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 110kV;
- + Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 51/GXN-PCCC do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 3 năm 2022; danh mục ngành nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy: tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;
- + Hồ sơ năng lực thực hiện BIM.

(ii) Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hòa chất Tam Sơn

- + Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 248/GXN-PCCC do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 11 năm 2022; danh mục ngành nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy: tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy.
- * Về cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế:
 - + Chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế lắp đặt thiết bị: Ông Hoàng Trung Kiên, chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình hạng I, số BXD-00040453 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 10 tháng 11 năm 2021, có thời hạn đến ngày 10 tháng 11 năm 2026;
 - + Chủ trì thiết kế kiến trúc: Ông Văn Đức Thắng, chứng chỉ hành nghề thiết kế kiến trúc công trình, số HAN-07-2024-09 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội cấp ngày 22 tháng 3 năm 2024, có thời hạn đến ngày 22 tháng 3 năm 2034;
 - + Chủ trì thiết kế kết cấu: Bà Phạm Thị Thu Hiền, chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình hạng I, số BXD-00035860 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028;
 - + Chủ trì thiết kế đường nội bộ: Ông Nguyễn Văn Cương, chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông hạng I, số BXD-00112925 do



Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 29 tháng 12 năm 2020, có thời hạn đến ngày 29 tháng 12 năm 2025;

- + Chủ trì thiết kế điện: Ông Lã Thanh Toàn, chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình hạng I, số BXD-00040456 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028;
 - + Chủ trì thiết kế phòng cháy và chữa cháy: Ông Hồ Hữu Nam, chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, số 1931/2023/PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp ngày 23 tháng 10 năm 2023;
 - + Chủ trì lập phương án và giải pháp phòng cháy và chữa cháy: Ông Vũ Văn Dương, chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, số 0306/2024/PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp ngày 05 tháng 02 năm 2024;
 - + Chủ trì thiết kế hạ tầng cấp thoát nước: Ông Nguyễn Ngọc Hồng, chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp - thoát nước công trình hạng I, số BXD-00035859 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028;
 - + Chủ trì lập tổng mức đầu tư: Bà Mai Thị Lệ Thu, chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I, số BXD-00040450 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028.
- Chứng chỉ năng lực của nhân sự thực hiện BIM:
- + Ông Phạm Sơn Tùng, chứng nhận đã hoàn thành khóa học điều phối viên BIM cấp bởi Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam ngày 15 tháng 12 năm 2024;
 - + Ông Nguyễn Hoàng Hải, chứng nhận đã hoàn thành khóa học BIM Manager cấp bởi Viện Tin học Xây dựng - Trường Đại học Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2024.

3.3. Nhà thầu tư vấn thẩm tra: Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học

- Về tổ chức:

- + Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001977 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 23 tháng 6 năm 2022, có giá trị đến hết ngày 23 tháng 6 năm 2032; Phạm vi hoạt động xây dựng: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạng I;
- + Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 16/GXN-PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ



- Bộ Công an cấp ngày 07 tháng 3 năm 2023. Danh mục ngành nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy: tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.
- + Giấy phép hoạt động điện lực số 08/GP-SCT do Sở Công Thương thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 4 năm 2021, có thời hạn hoạt động đến hết ngày 28 tháng 4 năm 2026; lĩnh vực hoạt động điện lực được cấp phép: tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV;
- Về cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm thẩm tra thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế:
 - + Chủ trì thẩm tra tổng mức đầu tư: Ông Vũ Quyết Thắng; chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I, số BXD-00030844 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 12 tháng 9 năm 2023, có thời hạn đến ngày 12 tháng 9 năm 2028;
 - + Chủ trì thẩm tra phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án: Ông Nguyễn Đình Hiếu; chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I, số BXD-00030846 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 12 tháng 9 năm 2023, có thời hạn đến ngày 12 tháng 9 năm 2028;
 - + Chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc: Bà Đỗ Quỳnh Điệp; chứng chỉ hành nghề thẩm tra thiết kế kiến trúc, số HAN-06-2022-142 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội cấp ngày 15 tháng 11 năm 2022, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2032;
 - + Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Ông Nguyễn Văn Thắng; chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình hạng I, số BXD-00010644 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2022, có thời hạn đến ngày 28 tháng 10 năm 2027;
 - + Chủ trì thẩm tra thiết kế cấp - thoát nước: Ông Nguyễn Chí Chính; chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp - thoát nước công trình hạng I, số BXD-00010655 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 19 tháng 9 năm 2022, có thời hạn đến ngày 19 tháng 9 năm 2027;
 - + Chủ trì thẩm tra thiết kế điện: Ông Đỗ Duy Thế; chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình hạng I, số BXD-00054542 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 13 tháng 6 năm 2024, có thời hạn đến ngày 13 tháng 6 năm 2029;
 - + Chủ trì thẩm tra thiết kế phòng cháy chữa cháy: Ông Nguyễn Duy Hà; chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, số 0820/2023/PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp ngày 05 tháng 6 năm 2023;
 - + Chủ trì thẩm tra thiết kế đường nội bộ: Ông Nguyễn Tài Lam Sơn; chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ hạng II, số

HNT-00161369 do Ban chấp hành Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 09 tháng 01 năm 2023, có thời hạn đến ngày 09 tháng 01 năm 2028;

- + Chủ trì thẩm tra công nghệ: Ông Nguyễn Xuân Sinh, bằng tiến sĩ kỹ thuật, số 07061 do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 02 tháng 8 năm 2010;
- + Chủ trì thẩm tra thiết kế lắp đặt thiết bị: Ông Phạm Văn Thi, chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình hạng I, số BXD-00177934 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Quy mô xây dựng công trình

Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch được đề nghị thẩm định với các thông tin cơ bản như sau:

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 180.036 m², mật độ xây dựng 49,36%.
- Quy mô công suất sản xuất các sản phẩm của dự án là 307.900 tấn sản phẩm (quy về 100%)/năm.

TT	Sản phẩm	Quy cách sản phẩm	Quy mô sản lượng (tấn sản phẩm/năm; quy về 100%)				
			Hiện hữu	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		Tổng
					Giai đoạn 2.1	Giai đoạn 2.2	
	TỔNG		307.900				307.900
1	Sản phẩm chính		198.000				198.000
1.1	Xút	NaOH 10% - 50%	50.000	15.000	20.000	15.000	50.000
1.2	HCl	HCl 10% - 35%	38.000	14.000	14.000	10.000	38.000
1.3	Clo lỏng	Clo lỏng 99%	18.000	12.000	0	6.000	18.000
1.4	H ₂ SO ₄ kỹ thuật	H ₂ SO ₄ 50% - 100%	75.000	0	0	75.000	75.000
1.5	H ₃ PO ₄ kỹ thuật	H ₃ PO ₄ ≥ 85%	8.500	8.500	0	0	8.500
1.6	H ₃ PO ₄ (phụ gia thực phẩm)	H ₃ PO ₄ ≥ 85%	8.500	8.500	0	0	8.500
2	Sản phẩm phụ		109.900				109.900
2.1	Javen	Javen 4% - 12%	6.000	2.000	2.000	2.000	6.000
2.2	PAC	PAC lỏng 8% - 17%; PAC bột 28-31%	26.500	0	13.250	13.250	26.500
2.3	FeCl ₃	FeCl ₃ 36% - 45%	9.000	0	4.500	4.500	9.000
2.4	Natri silicat	Natri silicat M2.7; Natri silicat d1.5	15.000	0	7.500	7.500	15.000

TT	Sản phẩm	Quy cách sản phẩm	Quy mô sản lượng (tấn sản phẩm/năm; quy về 100%)				
			Hiện hữu	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		Tổng
					Giai đoạn 2.1	Giai đoạn 2.2	
2.5	Chloramin B, TCCA	Chloramin B 100%; TCCA 100%	950	0	0	950	950
2.6	H ₂ SO ₄ tinh khiết	H ₂ SO ₄ PA 32% - 97%	30.000	0	0	30.000	30.000
2.7	Magiê sunfat	Magiê sunfat kỹ thuật, phụ gia thực phẩm MgSO ₄ .7H ₂ O ≥ 99%	8.000	0	0	8.000	8.000
2.8	Nhôm sunfat	Al ₂ O ₃ 7% - 17%	5.000	0	0	5.000	5.000
2.9	Natri bisulfit	NaHSO ₃ 22% - 30%	1.000	0	0	1.000	1.000
2.10	KCl	KCl ≥ 99%	2.000	2.000	0	0	2.000
	KCl (phụ gia thực phẩm)	KCl ≥ 99%					
	MAP (phụ gia thực phẩm)	NH ₄ H ₂ PO ₄ 96% - 102%	1.000	1.000	0	0	1.000
	MKP (phụ gia thực phẩm)	KH ₂ PO ₄ ≥ 98%					
2.11	Calci clorid	CaCl ₂ .2H ₂ O ≥ 95%	3.000	3.000	0	0	3.000
	Calci clorid (phụ gia thực phẩm)	CaCl ₂ .2H ₂ O 99% - 107%					
	Calci clorid dung dịch	CaCl ₂ 400 g/L					
2.12	MAP	NH ₄ H ₂ PO ₄ ≥ 98%	2.000	2.000	0	0	2.000
	DAP	(NH ₄) ₂ HPO ₄ ≥ 98%					
	MKP	KH ₂ PO ₄ ≥ 98%					
	NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O	NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O ≥ 98%					
	Na ₂ HPO ₄ .12H ₂ O	Na ₂ HPO ₄ .12H ₂ O ≥ 98%					
	Na ₃ PO ₄ .12H ₂ O	Na ₃ PO ₄ .12H ₂ O ≥ 98%					
2.13	NH ₄ OH	NH ₃ ≥ 25%	450	450	0	0	450
		NH ₃ ≥ 19%					

(theo Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi)

- Các hạng mục của Dự án như sau:

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GD 1	GD 2.1	GD 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
01	Khu vực nhà kho							
	1.1	Nhà kho NX-1 (Kho nguyên liệu)	1.080	1	x			II
	1.2	Nhà kho NX-2 (Kho thành phẩm)	1.080	1	x			II
	1.3	Nhà kho NX-2 (Kho vật tư)	648	1	x			III
02	Nhà xưởng số 2 (Đất dự phòng)		5.582					
03	Khu vực sản phẩm gốc phốt phát và các sản phẩm khác							
	3.1	Nhà kho số 3.1 (Kho phốt pho)	288	1	x			II
	3.2	Nhà kho số 3.2 (Kho phụ gia thực phẩm)	288	1	x			III
	3.3	Nhà xưởng số 3.3 (Xưởng H ₃ PO ₄ kỹ thuật)	432	1	x			III
	3.4-1	Nhà xưởng số 3.4 (Xưởng H ₃ PO ₄ thực phẩm)	1.296	1	x			III
	3.4-2	Nhà xưởng số 3.4 (Khu vực chiết can)	288	1	x			III
	3.5	Khu vực thiết bị ngoài trời số 3.5 (Kho bồn H ₃ PO ₄)	288	1	x			II
	3.6	Nhà xưởng số 3.6 (Đất dự phòng)	864		x			
04	Khu vực FeCl₃							
	4.1-1	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng FeCl ₃)	864	1		x		III
	4.1-2	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng PAC)	1.944	1		x		III
	4.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (FeCl ₃ ngoài trời)	288			x		
	4.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (PAC ngoài trời)	144			x		
	4.2-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (Đất dự phòng)	288					
	4.2-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (Đất dự phòng)	216					



KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GĐ 1	GĐ 2.1	GĐ 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
05	Khu vực Clo lỏng							
	5.1	Nhà kho số 5.1 (Kho Clo lỏng)	1.380		x	x		II
	5.2	Nhà xưởng số 5.2 (Xưởng hóa lỏng Clo)	1.008	1	x	Món g thiết bị		III
	5.3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 5.3 (khu vực sấy khô Clo, khu vực Chiller, khu vực Javen, xử lý Clo khẩn cấp)	1.200		x	x		
	5.4	Nhà phụ trợ số 5.4 (Nhà giao ca, nhà văn phòng xưởng Clo)	80	1	x			IV
06	Khu vực điện phân							
	6.1-1	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng khí nén)	180	1	x			III
	6.1-2	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng chính lưu)	540	1	x	Món g thiết bị		III
	6.2	Nhà xưởng số 6.2 (Xưởng điện phân)	1.200	1	x	Món g thiết bị		III
	6.3	Nhà xưởng số 6.3 (Xưởng điều dụng)	360	3	x	x		III
	6.7	Khu vực thiết bị ngoài trời số 6.7 (khu vực phân phối NaOH 32%)	80		x			
	6.8	Nhà để máy phát điện	196	1	x			III
	6.9	Trạm phân phối điện số 1	560	1	x	Món g thiết bị		III
07	Nhà hành chánh-văn phòng (đất dự phòng)		2.142					
08	Nhà xưởng số 8 (đất dự phòng)		7.797					
09	Trung tâm điều khiển							
	9	Nhà KCS - Điều khiển trung tâm	500	3	x			III
10	Khu vực axit HCl							
	10.1	Nhà phụ trợ số 10.1 (nhà tủ điện)	96	1	x	x		III
	10.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2	480	1	x			III

260
TY
IÂN
r CO
I NA
? HOC

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GĐ 1	GĐ 2.1	GĐ 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
		(khu vực axit HCl)						
	10.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (khu vực hệ nitơ)	100		x			
11	Khu vực Cooling-Vô khoáng-Nồi hơi-PAC bột							
	11.1	Nhà kho số 11.1 (Kho PAC bột)	864		x			II
	11.2	Nhà xưởng số 11.2 (Nhà nồi hơi)	240		x			III
	11.3-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu vực PAC bột)	540			x		
	11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu bồn dầu)	288		x			
	11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (phân phối hơi)	120		x			
	11.3-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (cooling tower)	900		x			III
	11.3-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (Hệ cô xút)	153			x		
	11.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.4 (khu vực hệ vô khoáng, bồn chứa nước thủy cục - PCCC)	547		x			III
12	Khu vực Axit Sunfuric tinh khiết							
	12.1	Trạm phân phối điện số 2	384	1	x			III
	12.2	Nhà xưởng số 12.2 (Xưởng axit sunfuric tinh khiết)	1.152	1		x		III
	12.3	Nhà xưởng số 12.3 (dự phòng)	1.152	1				III
	12.4	Trạm NG (ngoài trời)	176			x		
13	Khu vực kho bồn							
	13.1	Khu vực kho bồn chứa thành phẩm	7.011		x	Món g thiết bị		II
	13.2	Nhà bảo vệ - Giao hàng	307	1	x			IV
	13.3	Khu vực trạm cân	126		x			
14	Khu vực sản xuất Axit Sunfuric và sản phẩm gốc Sunfat							
	14.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.1 (khu vực Axit Sunfuric)	900			x		III

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GD 1	GD 2.1	GD 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
	14.2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.2 (khu vực tháp Axit Sunfuric - Bisunfit)	775			x		II
	14.3	Nhà xưởng số 14.3 (Nhà nấu chảy lưu huỳnh)	135	1		x		III
	14.4	Nhà xưởng số 14.4 (Kho lưu huỳnh)	1.980	1		x		III
	14.5	Nhà xưởng số 14.5 (Nhà quạt gió)	144	1		x		III
	14.6	Nhà phụ trợ số 14.6 (Nhà thay ca - Điều khiển xưởng dây chuyền H ₂ SO ₄)	108	2		x		III
	14.7	Nhà xưởng số 14.7 (Xưởng phèn)	900	1		x		III
	14.8	Nhà xưởng số 14.8 (Xưởng Magie Sunfat)	864	1		x		III
	14.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.9 (khu vực Magie Sunfat ngoài trời)	190			x		
	14.10	Nhà phụ trợ số 14.10 (Nhà giao ca Magie Sunphat)	40	1		x		III
	14.11	Nhà xưởng số 14.11 (Dự phòng)	1.440	1				III
	14.12	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.12 (Dự phòng)	1.440					
	14.13	Nhà xưởng số 14.13 (Dự phòng)	900	1				III
15	Bãi muối		11.663		x			
16	Khu vực điều chế nước muối							
	16.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.1 (khu vực nước muối tái bão hòa)	60		x			
	16.2	Nhà xưởng số 16.2 (Nhà hòa tan)	450	1	x			III
	16.3	Nhà xưởng số 16.3 (Nhà tinh chế nước muối thứ cấp)	300	3	x			III
	16.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.4 (Hỗ chứa nước muối thu gom)	168		x			IV
	16.5-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (khu vực lọc nước muối-1)	16		x			IV
	16.5-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (Hỗ chứa nước muối rửa)	40		x			IV

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GĐ 1	GĐ 2.1	GĐ 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
	16.6	Nhà xưởng số 16.6 (Nhà pha chế nước muối thức cấp)	46		x			III
	16.7	Nhà xưởng số 16.7 (Khu vực lọc nước muối-2)	170			x		III
	16.8	Nhà phụ trợ số 16.8 (Nhà giao ca)	40	1	x			IV
	16.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.9 (khu vực bồn lắng nước muối)	792		x			IV
	16.10	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.10 (khu vực bồn chứa bùn muối)	182		x			IV
	16.11	Nhà xưởng số 16.11 (Nhà tinh chế nước muối sơ cấp - kho hóa chất)	240	3	x			III
	16.12	Nhà phụ trợ số 16.12 (Nhà vận hành và tủ điện sơ cấp)	96	1	x			III
	16.13	Nhà xưởng số 16.13 (Nhà ép bùn - chứa bùn)						III
		Nhà ép bùn	104	2	x			
		Nhà chứa bùn	96	1	x			
17	Khu vực silicat							
	17.1	Nhà xưởng số 17.1 (Xưởng silicat)	1.728			x		III
	17.2	Nhà xưởng số 17.2 (Kho cát)	756			x		III
	17.3	Khu vực kho ngoài trời số 17.3 (Kho cát ngoài trời)	742			x		
	17.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 17.4 (khu vực thiết bị súc rửa xe)	72		x			IV
	17.5	Nhà xưởng số 17.5 (Xưởng cơ điện)	540	1	x			III
18	Khu vực Composit - Xử lý nước thải							
	18.1	Nhà xưởng số 18.1 (Xưởng composit)	864	1		x		III
	18.2-1	Nhà kho số 18.2 (Kho chất thải công nghiệp)	144	1	x			III
	18.2-2	Nhà kho số 18.2 (Nhà kho chất thải nguy hại)	144	1	x			II
	18.2-3	Nhà kho số 18.2	288	1	x			III



KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GD 1	GD 2.1	GD 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
		(Nhà kho phế liệu)						
	18.3	Khu vực kho ngoài trời số 18.3 (Bãi vật tư thu hồi)	288		x			
	18.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 18.4 (khu vực xử lý nước thải)	384,12		x			III
	18.5	Nhà phụ trợ số 18.5 (Nhà điều hành XLNT)	24		x			III
19	TT	Tổng thể						
		Nhà bảo vệ (Số lượng: 03, trong đó 01 tại trục đường số 7 (DT771C), 02 tại trục đường số 10)	24/nhà	1	x			IV
		Hàng rào loại 1 (dài 1.359m; cao 2m)	2.718		x			IV
		Hàng rào loại 2 (dài 417,36m; cao 2m)	835		x			IV
		Hệ thống cấp nước						III
		Hệ thống thoát nước mưa						III
		Hệ thống thoát nước thải						III
		Hệ thống đường nội bộ						IV
		Hệ thống giàn đỡ ống						III

(theo Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi)

- Bảng chỉ tiêu xây dựng chính của dự án:

TT	Lô đất nhà máy, kho tàng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Xây dựng công trình	87.380,37	49,36
1	Nhà xưởng, nhà kho	84.335,24	47,64
2	Hành chính, dịch vụ	3.045,13	1,72
II	Công trình hạ tầng kỹ thuật-phụ trợ	3.115,62	1,76
III	Cây xanh	36.519,85	20,63
IV	Giao thông, sân bãi	50.018,16	28,25
	Diện tích lô đất nhà máy, kho tàng	177.034,00	100,00
V	Đất thuộc Dự án đường ĐT.771C (Đường đi cảng Phước An)	3.002,00	
	Tổng diện tích đất	180.036,00	

(theo Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi)

2. Giải pháp hạ tầng kỹ thuật của dự án

2.1. Giao thông nội bộ và sân bãi

- Tuyến đường thiết kế với quy mô đường cấp III (dùng cho khu vực giao nhận hàng), đường bê tông xi măng cấp D (dùng cho khu vực sản xuất).
- Các tuyến giao thông trong khu vực lập dự án có bề rộng mặt đường từ 4 - 17,5 m, bề rộng vỉa hè 2 bên mỗi bên 1 m.

2.2. Hệ thống cấp nước

- Hiện trạng cấp nước: Cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt được lấy từ nguồn nước thủy cục của Khu công nghiệp đi ngầm sát ranh hàng rào dự án.
- Nước được chứa trong 1 bể chứa chung để cấp nước cho toàn bộ hệ thống cấp nước sản xuất, sinh hoạt, chăm sóc cây xanh và dự phòng cấp nước chữa cháy của nhà máy.
 - + Đối với nước sử dụng làm mát cho các công đoạn liên quan và chữa cháy, chăm sóc cây xanh: Sử dụng trực tiếp nước thủy cục.
 - + Đối với nước sử dụng pha chế dung dịch sản xuất: Sử dụng trực tiếp nước thủy cục hoặc được xử lý bằng cụm xử lý nước cấp sản xuất đạt yêu cầu kỹ thuật trước khi sử dụng.
 - + Đối với nước cấp cho sinh hoạt: Nước uống đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn số QCVN 01:2018/BYT. Nước cho nhu cầu vệ sinh cá nhân sử dụng trực tiếp nguồn nước thủy cục.
- Tổng công suất tiêu thụ nước của dự án: 874.263 m³/năm.

2.3. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước riêng, được thiết kế đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.
- Nước được thu gom vào các tuyến rãnh hình chữ nhật bằng BTCT dày 200 mm có bề rộng mặt cắt ngang từ B400 đến B800,... BTCT dày 20 cm; cống BTCT đường kính từ D800 đến D1500 đặt tại những vị trí đầu nối vào ga thoát nước của khu công nghiệp.
- Nhu cầu xử lý nước thải của dự án: 347,43 m³/ngày.
 - + Nước thải công nghiệp: 298,23 m³/ngày.
 - + Nước thải sinh hoạt: 49,2 m³/ngày.
- Nước thải công nghiệp được bơm từ các hố thu tại các phân xưởng cùng với nước thải sinh hoạt đã xử lý tập trung về Bể điều hòa và đưa về hệ thống xử lý nước thải của dự án có công suất 500 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý được kiểm tra chất lượng nước thải đạt quy định đầu nối của KCN sẽ được đưa qua nguồn tiếp nhận KCN Nhơn Trạch VI. Nếu nước thải sau xử lý có hàm lượng

$Cl^- \geq 1000 \text{ mg/Nm}^3$ sẽ được đưa qua hệ thống lọc RO, phần nước có hàm lượng Cl^- cao sẽ được tái sử dụng ở công đoạn hòa tan, phần nước sạch sẽ được tái sử dụng cho sản xuất.

2.4. Hệ thống điện

- Kéo mới 2 tuyến cáp trung thế 24kV-12.8MVA trên trục đường DT.771C cấp nguồn cho 2 tủ trung thế tại trạm điện số 1, phục vụ cấp điện cho 3 máy biến thế chỉnh lưu và 2 máy biến thế dầu 5.000 kVA (hiện hữu). Cáp trung thế CXV/DSTA 3C-300mm² được luồn trong ống xoắn HDPE D195/150 chôn ngầm, có bảo vệ bằng lớp gạch thẻ và băng cảnh báo.
- Kéo mới 1 tuyến cáp trung thế 24kV-10MVA trên trục đường DT.771C cấp nguồn cho 1 tủ trung thế tại trạm điện số 2, phục vụ cấp điện cho 2 máy biến thế dầu 5.000 kVA (1 máy hiện hữu và 1 máy đầu tư mới). Cáp trung thế CXV/DSTA 3C-300mm² được luồn trong ống xoắn HDPE D195/150 chôn ngầm, có bảo vệ bằng lớp gạch thẻ và băng cảnh báo, có độ sâu tối thiểu 1.0 mét.
- Xây dựng 2 trạm biến thế riêng lẻ sử dụng máy biến thế loại biến thế dầu. Máy biến thế phải được thiết kế phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn Việt nam và phải được chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền trước khi đưa vào sử dụng.
- Tổng công suất điện của Dự án khoảng 35,6 MVA.

2.5. Phòng cháy chữa cháy

Hệ thống PCCC cho Công trình bao gồm:

- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường;
- Hệ thống chữa cháy ngoài nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler;
- Hệ thống chữa cháy sol khí;
- Phương tiện chữa cháy ban đầu: gồm các bình chữa cháy tại chỗ.

Giải pháp thiết kế PCCC:

- Xác định chiều cao an toàn PCCC, số tầng, nhóm nhà, hạng nguy hiểm cháy nổ, cấp nguy hiểm cháy các hạng mục công trình để áp dụng các quy định về PCCC.
- Giải pháp thiết kế đường giao thông, bãi đỗ xe chữa cháy.
- Giải pháp thiết kế khoảng cách an toàn PCCC.
- Giải pháp thiết kế về phân chia khoang cháy, ngăn cháy lan, lối thoát nạn.

IV. PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH

1. Phạm vi, cơ sở và nguyên tắc thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng (Cục Hóa chất - Bộ Công thương)

1.1. Cơ sở thẩm định

Cục Hóa chất nhận được Tờ trình số 374/TTr-HCCB ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây viết tắt là Công ty) trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”. Căn cứ quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, Cục Hóa chất tổ chức thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án.

1.2. Phạm vi thực hiện thẩm định: Thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

1.3. Nguyên tắc thẩm định: Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Phạm vi, cơ sở và nguyên tắc thẩm định của Tổ thẩm định lập bởi Người quyết định đầu tư

2.1. Phạm vi thực hiện thẩm định

Thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 cụ thể như sau:

- 1) Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng;
- 2) Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;
- 3) Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án;
- 4) Yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án bao gồm xác định tổng mức đầu tư xây dựng; nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội;
- 5) Sự phù hợp của phương án công nghệ (nếu có);
- 6) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

2.2. Nguyên tắc thẩm định

Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, khách quan, độc lập và tuân thủ quy định pháp luật. Các thành viên nghiên cứu hồ sơ theo lĩnh vực chuyên môn, thảo luận tập thể và thống nhất ý kiến trên cơ sở phân tích toàn diện, đảm bảo đánh giá đầy đủ, chính xác nội dung dự án.



V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng (Cục Hóa chất - Bộ Công thương) theo Thông báo số 1181/HC-CNHC ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Cục Hóa chất - Bộ Công Thương về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và góp ý về công nghệ của dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch:

1.1. Kết quả thẩm định của Cục Hóa chất - Bộ Công thương

1.1.1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” được lập cơ bản đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; khoản 12 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
- Nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu khảo sát xây dựng, Nhà thầu tư vấn thẩm tra có chứng chỉ năng lực, lĩnh vực, phạm vi hoạt động và thời hạn phù hợp với công việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
- Chủ nhiệm khảo sát, Chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra có chứng chỉ hành nghề, lĩnh vực, phạm vi hoạt động và thời hạn phù hợp với công việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

1.1.2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch làm cơ sở lập dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 175/2024/NĐ-CP

- Về sự phù hợp của thiết kế cơ sở đối với quy hoạch xây dựng: Theo báo cáo thẩm tra, thiết kế cơ sở của Dự án về cơ bản phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch tại Quyết định số 258/QĐ-KCNĐN ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 đối với dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Về sự phù hợp với Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất: Mục tiêu của Dự án là sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản (NaOH, HCl, H₃PO₄, H₂SO₄...). Mục tiêu của Dự án cơ bản phù hợp với Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (phân ngành hóa chất cơ bản).
- Về vị trí công trình: Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi, địa điểm xây dựng dự án tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh

Đồng Nai có diện tích 180.036 m², phù hợp với địa điểm thực hiện Dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

1.1.3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định 175/2024/NĐ-CP

- Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch tại KCN Nhơn Trạch VI thuộc trường hợp di dời từ KCN Biên Hòa I về KCN Nhơn Trạch VI và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận di dời 3 nhà máy sản xuất hóa chất tại Khu công nghiệp Biên Hòa I của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI tại văn bản số 1366/TTg-CN ngày 12/9/2017. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án tại Nam tại văn bản số 524/HCVN-ĐTXD ngày 07/4/2020.
- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch về cơ bản phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733 lần đầu ngày 10/02/2017, thay đổi lần thứ hai ngày 22/01/2025 của Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai.

1.1.4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị

Dự án đã có Biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật ký ngày 8 tháng 5 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam bao gồm các vị trí đấu nối điện, cấp nước, thoát nước thải, thoát nước mưa, giao thông công, tường rào.

Về khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật:

- Về cấp nước: Tổng công suất tiêu thụ nước của dự án là 874.263 m³/năm.
- Về thoát nước: Nhu cầu xử lý nước thải của dự án là 347,43 m³/ngày.
- Về cấp điện: Tổng công suất điện của Dự án khoảng 35,6 MVA.

Theo báo cáo thẩm tra, dự án đã có Hợp đồng số 01/HĐTĐ-NT6C/VLXDSG-HCCB ngày 04 tháng 5 năm 2018 thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Nhơn Trạch VI giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn với Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về đảm bảo dự án được sử dụng toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu Công nghiệp Nhơn Trạch VI và bên cho thuê đất đảm bảo năng lực hạ tầng luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sử dụng của dự án trong suốt thời gian thuê đất.

1.1.5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

- Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về đảm bảo an toàn xây dựng: Giải pháp Thiết kế cơ sở do đơn vị Tư vấn lựa chọn đã được Tư vấn thẩm tra kiểm tra tính toán và kết luận đảm bảo khả năng an toàn xây dựng.
- Về thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường: Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã có Quyết định số 2464/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025 phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch. Các giải pháp về bảo vệ môi trường của Nhà máy được nêu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi về cơ bản phù hợp với Quyết định phê duyệt đã được cấp.
- Về thực hiện các quy định về phòng, chống cháy, nổ: Theo báo cáo thẩm tra, giải pháp thiết kế PCCC tại giai đoạn Thiết kế cơ sở bao gồm: (a) Khoảng cách phòng cháy chữa cháy, (b) Đường bộ, bãi đỗ phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, (c) Giải pháp thoát nạn, (d) Bậc chịu lửa công trình, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, (đ) Giải pháp chống khói. Giải pháp thiết kế PCCC phù hợp giai đoạn Thiết kế cơ sở, đảm bảo phù hợp Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng. Lưu ý, trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, Chủ đầu tư cần chủ động thực hiện đúng quy định về PCCC tại Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác có liên quan.

1.1.6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Theo báo cáo thẩm tra, các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho Dự án đã được Chủ đầu tư kiểm tra, xác nhận phù hợp với các quy định hiện hành. Việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng cần đảm bảo tính đồng bộ và khả thi, tuân thủ theo Điều 6 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 10 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.
- Chủ đầu tư cần chủ động rà soát, cập nhật các quy chuẩn, tiêu chuẩn mới ban hành, thay thế các quy chuẩn, tiêu chuẩn hết hiệu lực đảm bảo tuân thủ các quy định tại Điều 6 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 10 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP trong giai đoạn tiếp theo.

1.1.7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

Theo công văn số 526/HCCB-ĐTXD ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc bổ sung, làm rõ hồ sơ trình thẩm định dự án, Chủ đầu tư giải trình nguồn vốn của Dự án là vốn khác do đó không thuộc đối tượng phải thẩm định về tổng mức đầu tư. Tuy nhiên, đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu các quy định về chi phí quản lý đầu tư xây dựng để bố trí đầy đủ kinh phí theo quy định và bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn.

1.2. Kết quả góp ý về công nghệ của Dự án

1.2.1. Sự phù hợp của công nghệ, máy móc, thiết bị với phương án được lựa chọn trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định khác của pháp luật có liên quan:

- Các công nghệ sản xuất của dự án là công nghệ tiên tiến (công nghệ màng trao đổi ion) hoặc công nghệ phổ thông, được áp dụng rộng rãi hiện nay. Theo luật chuyển giao công nghệ 07/2017/QH14 và phụ lục II, III Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chuyển giao công nghệ, Công nghệ áp dụng cho dự án không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc cấm chuyển giao.
- Dự án sử dụng các công nghệ hiện tại của nhà máy. Các dây chuyền sản xuất được tận dụng tối đa từ 3 nhà máy của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam. Các thiết bị được di dời từ các nhà máy cũ, đồng thời một số thiết bị được đầu tư mới, có xuất xứ từ các nhà cung cấp đảm bảo chất lượng. Phương án công nghệ, máy móc, thiết bị được lựa chọn cho dự án phù hợp với phương án đã được lựa chọn trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư.
- Dự án được thiết kế với mục tiêu sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản với tổng công suất 307,900 tấn/năm phù hợp với quy mô dự án đã được chứng nhận trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733, chứng nhận lần đầu ngày 10/02/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 22/01/2025.

1.2.2. Sản phẩm, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm

- Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của dự án đã được nêu trong thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi. Theo báo cáo thẩm tra, chất lượng các sản phẩm đáp ứng được các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành.
- Thị trường của từng sản phẩm đã được Công ty đưa phương án trong Báo cáo nghiên cứu khả thi. Các sản phẩm của các nhà máy được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp, trong đời sống và đã có chỗ đứng trong thị trường nội địa. Việc di dời nhà máy không làm thay đổi đáng kể đến cơ cấu phân phối, kênh tiêu thụ và thị phần của sản phẩm.

1.2.3. Sự phù hợp, khả năng đáp ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho việc vận hành công nghệ, máy móc, thiết bị:

- Nguyên liệu chính của dự án là gồm: Muối nguyên liệu, lưu huỳnh, phụ gia các loại,...
- Nguồn cung cấp các loại nguyên liệu này được tiếp tục mua từ các nhà cung ứng hiện hữu đang cung cấp hoặc các nhà cung cấp mới.
- Theo báo cáo thẩm tra, nguyên liệu, nhiên liệu đã được tính toán và cân đối để đảm bảo phù hợp với công suất và công nghệ sản xuất.



1.2.4. Chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ, máy

- Hồ sơ dự án đã có nội dung về chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ.
- Trong giai đoạn sau, Chủ đầu tư cần nghiên cứu và bổ sung chi tiết chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo chất lượng và hiệu quả vận hành nhà máy.

1.2.5. Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật:

Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật đã được Chủ đầu tư thể hiện trong hồ sơ dự kiến là:

- Chi phí thiết bị: 457.734.298.000 đồng;
- Chi phí đào tạo nhân sự vận hành: 1.222.644.000 đồng.

2. Kết quả thẩm định của Tổ thẩm định lập bởi Người quyết định đầu tư

2.1. Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng

Căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi, kết quả thẩm tra, thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, các tài liệu kèm theo và kết quả thẩm định được Tổ thẩm định tổng hợp, Tổ thẩm định đánh giá: Báo cáo nghiên cứu khả thi do Đơn vị tư vấn lập phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác thuộc chủ trương đầu tư xây dựng của Dự án mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

2.2. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng

Căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi, kết quả thẩm tra, thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, các tài liệu kèm theo và kết quả thẩm định được Tổ thẩm định tổng hợp, Tổ thẩm định đánh giá:

- Giải pháp thiết kế cơ sở được xây dựng chi tiết, bám sát nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về công năng, quy mô và đặc thù của nhà máy hóa chất. Phương án bố trí mặt bằng, dây chuyền công nghệ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật được tổ chức hợp lý, đảm bảo tính liên hoàn, thuận tiện cho vận hành, bảo trì và kiểm soát an toàn trong suốt quá trình hoạt động.
- Danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đã được rà soát kỹ lưỡng, lựa chọn phù hợp và cập nhật theo các quy định hiện hành của Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm các lĩnh vực: xây dựng, thiết kế thiết bị và đường ống, thiết kế điện, đo lường và thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy, cấp thoát nước và bảo vệ môi trường.
- Việc tuân thủ đầy đủ các quy định kỹ thuật, không chỉ bảo đảm tính pháp lý mà còn góp phần nâng cao mức độ an toàn, hiệu quả vận hành và tính bền vững của dự án trong dài hạn.

- Trong quá trình thực hiện, cần tiếp tục rà soát và bổ sung kịp thời để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định chuyên ngành như xây dựng, PCCC, an toàn hóa chất...

2.3. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án

Về giải pháp tổ chức thực hiện Dự án:

- Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (HCCB) là chủ đầu tư dự án.
- Công ty là Công ty cổ phần có cổ phần của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chiếm chi phối với tỷ lệ 65%. Vì vậy, tổ chức thực hiện dự án cần phải tuân thủ theo: Quy chế đầu tư xây dựng của Công ty, Quyết định phê duyệt đầu tư của cấp thẩm quyền và quy định pháp luật về đầu tư như Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và pháp luật có liên quan khác quy định.
- Trước khi tổ chức đấu thầu cần phải lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trình cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở thực hiện bước tiếp theo, nhằm đảm bảo thực hiện đúng và đồng bộ.

Ý kiến của Tổ thẩm định: Giải pháp tổ chức thực hiện dự án mà Đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đề xuất là phù hợp.

Về kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư:

HCCB là một Công ty Cổ phần, đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, cho thấy đây là một doanh nghiệp có quy mô và hoạt động ổn định. Việc đang vận hành 03 nhà máy hiện hữu tại KCN Biên Hòa I (chuẩn bị di dời) chứng tỏ HCCB có kinh nghiệm trong việc quản lý, vận hành các nhà máy hóa chất, bao gồm cả các vấn đề về sản xuất, kỹ thuật, môi trường, an toàn. Tuy nhiên kinh nghiệm thực hiện các dự án có quy mô tương tự như dự án này thì chưa có.

Về phương án giải phóng mặt bằng: Địa điểm đầu tư của Dự án là Khu Công nghiệp Nhơn Trạch VI, nơi đã hoàn tất thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất. Khu đất dự án đã được chủ đầu tư khu công nghiệp thực hiện giải phóng mặt bằng đầy đủ trước đó. Do đó, dự án không gặp vướng mắc hay phát sinh liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng.

Về hình thức thực hiện Dự án: Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi, hình thức tổ chức thực hiện Dự án được lựa chọn là Chủ đầu tư thực hiện quản lý Dự án giai đoạn chuẩn bị Dự án; thuê tư vấn quản lý Dự án giai đoạn thực hiện Dự án và kết thúc xây dựng.

Ý kiến của Tổ thẩm định: Hình thức quản lý Dự án mà Đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đề xuất phù hợp với điều kiện năng lực của Công ty, Điều 28 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- 2.4. Yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án bao gồm xác định tổng mức đầu tư xây dựng; nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội

Về tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư của dự án là 1.844.306.580.000 đồng. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở phù hợp với thiết kế cơ sở, định mức, đơn giá hiện hành và đã tính đến các khoản dự phòng hợp lý. Tổng mức đầu tư đã được Liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Sơn lập, Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học thẩm tra.

Về nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ: Tổng mức đầu tư của dự án phù hợp với nguồn vốn đầu tư của Công ty, bao gồm nguồn tự có là 30% tổng vốn đầu tư đã được Công ty tích lũy đủ đáp ứng cho dự án và 70% tổng vốn đầu tư được huy động từ vốn vay đã được ngân hàng thương mại cấp cam kết vốn.

Về hiệu quả tài chính: Phương án tài chính thể hiện tính khả thi, với các chỉ tiêu hiệu quả như: NPV dương, IRR cao hơn suất chiết khấu, thời gian hoàn vốn trong ngưỡng chấp nhận được; hệ số trả nợ bình quân đạt 1,95 (>1), cho thấy khả năng cân đối tài chính và trả nợ. Báo cáo đã phân tích rủi ro và độ nhạy của dự án đối với các yếu tố đầu vào chính.

Về hiệu quả kinh tế xã hội của Dự án: Dự án không chỉ góp phần nâng cao năng lực sản xuất hóa chất cơ bản trong nước, giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định thị trường hóa chất nội địa. Đồng thời, dự án tạo việc làm cho 410 lao động trực tiếp và gián tiếp, đóng góp ngân sách nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân trong khu vực. Những tác động tích cực này góp phần khẳng định hiệu quả kinh tế – xã hội rõ rệt và tính bền vững lâu dài của dự án.

Từ các phân tích trên, tổ thẩm định đánh giá: **yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án là phù hợp.**

- 2.5. Sự phù hợp của phương án công nghệ

Phương án công nghệ của dự án được kế thừa từ dây chuyền sản xuất hiện hữu đang vận hành ổn định, hiệu quả tại 03 nhà máy hiện hữu. Việc áp dụng công nghệ đã được kiểm chứng không chỉ bảo đảm tính thực tiễn cao mà còn cho phép triển khai nhanh chóng, giảm thiểu rủi ro kỹ thuật và rút ngắn thời gian đưa nhà máy vào vận hành. Các thiết bị của dự án được tận dụng tối đa từ các thiết bị công nghệ hiện hữu; chỉ đầu tư mới một số thiết bị lớn không thể di dời, các thiết bị công nghệ lạc hậu hoặc bị hỏng không thể phục hồi.

Quy trình sản xuất được thiết kế theo hướng khép kín, bố trí dây chuyền công nghệ và thiết bị hợp lý, đảm bảo hiệu quả vận hành, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát tốt các rủi ro và hạn chế tối đa phát thải ra môi trường.

Phương án công nghệ được lựa chọn có tính hiện đại, phù hợp với đặc thù sản xuất hóa chất, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động theo quy định hiện hành.

2.6. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư xây dựng được xác định tuân thủ quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Cơ sở lập tổng mức đầu tư đã bám sát thiết kế cơ sở, đơn giá – định mức, chi phí khác và dự phòng theo quy định. Hồ sơ thể hiện rõ cơ sở tính toán, biểu mẫu và nội dung phù hợp với yêu cầu về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2.7. Các nội dung khác của Dự án

Hồ sơ dự án được chủ đầu tư chuẩn bị đầy đủ, có hệ thống, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất và các quy định chuyên ngành có liên quan.

Kết quả thẩm định về một số nội dung khác của Dự án được tổng hợp như sau:

TT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
1	Năng lực hoạt động xây dựng của các đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát địa chất công trình và thẩm tra phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định hiện hành của pháp luật đối với cấp công trình của Dự án	x	
2	Các cá nhân tham gia chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, khảo sát, thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi của các đơn vị tư vấn phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định hiện hành của pháp luật đối với cấp công trình của Dự án	x	
3	Xác định cấp công trình cho Dự án	x	

Ý kiến của Tổ thẩm định: Căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi, kết quả thẩm tra, thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, các tài liệu kèm theo và kết quả thẩm định được Tổ thẩm định tổng hợp, Tổ thẩm định đánh giá: Các nội dung khác của Dự án đã được xác định, tính toán chi tiết, đầy đủ, đúng đắn, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Tổ thẩm định thống nhất hoàn toàn.



VI. KẾT LUẬN

1. Kết luận của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” đủ điều kiện để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu Chủ đầu tư chủ động rà soát, hoàn thiện các nội dung sau:

- Giá trị Tổng mức đầu tư Dự án do Chủ đầu tư trình thẩm định có khác biệt với Tổng vốn đầu tư Dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733, thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 01 năm 2025. Tại giai đoạn tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư báo cáo Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu cần thiết theo quy định.
- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính xác thực, pháp lý của hồ sơ; tính hợp lý, chính xác của các giải pháp thiết kế. Trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo, Chủ đầu tư chú ý tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; phòng, chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự thay đổi các nội dung trong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi so với hồ sơ trình phê duyệt, Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền.

2. Kết luận của Tổ thẩm định lập bởi Người quyết định đầu tư

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

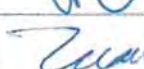
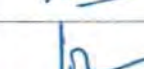
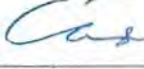
Trên đây là thông báo của Tổ thẩm định về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”. Đề nghị đơn vị đề nghị thẩm định nghiên cứu thực hiện theo quy định.

3. Kết luận chung

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi:

TT	Họ tên	Chức vụ	Phân công	Chữ ký
1	Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc Công ty	Tổ trưởng	
2	Võ Đình Thùy	Phó Tổng giám đốc Công ty	Thành viên	
3	Lê Tùng Lâm	Phó Tổng giám đốc Công ty	Thành viên	
4	Văn Hữu Phúc	Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty	Thành viên	
5	Vũ Hữu Tuấn	Phó Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty	Thành viên	
6	Nguyễn Minh Tâm	Phó Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty	Thành viên	
7	Huỳnh Phúc Lộc	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty	Thành viên	
8	Trần Ngọc Quốc Hưng	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty	Thành viên	
9	Võ Mai Kỳ	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty	Thành viên	
10	Lâm Vĩnh Sang	Trưởng phòng An toàn - Môi trường Công ty	Thành viên	
11	Phạm Thị Thu Hằng	Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty	Thành viên	
12	Nguyễn Thị Tố Tâm	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty	Thành viên	
13	Nguyễn Minh Trí	Phó trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty	Thành viên	
14	Hồ Thị Tươi Màu	Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty	Thành viên	
15	Lê Ngọc Nhon	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Thành viên	
16	Nguyễn Văn Thân	Phó giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Thành viên	
17	Lê Phương Đông	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	Thành viên	
18	Trần Minh Hiếu	Phó giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	Thành viên	
19	Phạm Quốc Bình	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Thành viên	
20	Nguyễn Đức Hiếu	Phó giám đốc Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Thành viên	



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ĐTXD, TTĐ.

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nhà máy hóa chất Nhơn Trạch**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam tại Văn bản số 889/HCCB-ATMT ngày 26 tháng 6 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy hóa chất Nhơn Trạch (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (sau đây gọi là Chủ dự án), thực hiện tại Phân Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6C, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm

2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cty CP hóa chất cơ bản miền Nam;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai;
- BQL các KCN Đồng Nai;
- Lưu: VT, VPMC, MTT, PTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY HÓA CHẤT NHƠN TRẠCH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Nhà máy hóa chất Nhơn Trạch.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Phân Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6C, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
- Địa chỉ liên hệ: số 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự án đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4342161733, chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2017, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 22 tháng 01 năm 2025.

1.2. Quy mô, công suất

Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất hóa chất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI trên cơ sở di dời 03 Nhà máy hóa chất của Chủ dự án hiện đang hoạt động tại Khu công nghiệp Biên Hòa I theo lộ trình chuyển đổi công năng sử dụng đất của Khu công nghiệp Biên Hòa I, gồm có: (1) Nhà máy hóa chất Biên Hòa; (2) Nhà máy hóa chất Đồng Nai và (3) Nhà máy hóa chất Tân Bình 2.

Tổng diện tích sử dụng đất của Dự án: 180.036 m².

Dự án chia theo các phân kỳ đầu tư với công suất cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1:

+ Sản phẩm hóa chất cơ bản (NaOH, HCl, Cl₂ lỏng, H₃PO₄ kỹ thuật, NaOCl, KCl, CaCl₂, CaCl₂ dung dịch, Muối photphat (KH₂PO₄ (MKP), NaH₂PO₄.2H₂O, Na₂HPO₄.12H₂O, Na₃PO₄.12H₂O)), công suất 57.050 tấn/năm;

+ Sản phẩm hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (KCl phụ gia thực phẩm; NH₄H₂PO₄ (MAP), KH₂PO₄ (MKP) phụ gia thực phẩm; CaCl₂ phụ gia thực phẩm; H₃PO₄ phụ gia thực phẩm) công suất 10.550 tấn/năm;

+ Sản phẩm phân bón và hợp chất nitơ (Muối photphat NH₄H₂PO₄ (MAP), (NH₄)₂HPO₄ (DAP); NH₄OH) công suất 850 tấn/năm.

- Giai đoạn 2.1 (bao gồm cả sản phẩm của giai đoạn 1):

+ Sản phẩm hóa chất cơ bản (NaOH, HCl, Cl₂ lỏng, H₃PO₄ kỹ thuật, NaOCl, [Al₂(OH)_nCl_{6-n}]_m (PAC), FeCl₃, Na₂SiO₃, KCl, CaCl₂, CaCl₂ dung dịch, Muối

photphat (KH_2PO_4 (MKP), $\text{NaH}_2\text{PO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_2\text{HPO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_3\text{PO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$)) công suất 118.300 tấn/năm.

+ Sản phẩm hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (KCl phụ gia thực phẩm; $\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$ (MAP), KH_2PO_4 (MKP) phụ gia thực phẩm; CaCl_2 phụ gia thực phẩm; H_3PO_4 phụ gia thực phẩm) công suất 10.550 tấn/năm.

+ Sản phẩm phân bón và hợp chất nitơ (Muối photphat ($\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$ (MAP), $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$ (DAP); NH_4OH) công suất 850 tấn/năm.

- Giai đoạn 2.2 (bao gồm cả sản phẩm giai đoạn 1 và giai đoạn 2.1):

+ Sản phẩm hóa chất cơ bản (NaOH , HCl , Cl_2 lỏng, H_3PO_4 kỹ thuật, H_2SO_4 kỹ thuật, NaOCl , PAC, FeCl_3 , Na_2SiO_3 , Chloramin B ($\text{C}_6\text{H}_5\text{ClNNaO}_2\text{S}$), TCCA ($\text{C}_3\text{Cl}_3\text{N}_3\text{O}_3$), H_2SO_4 tinh khiết, MgSO_4 , $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$, NaHSO_3 , KCl , CaCl_2 , CaCl_2 dung dịch, Muối photphat (KH_2PO_4 (MKP), $\text{NaH}_2\text{PO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_2\text{HPO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_3\text{PO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$)) công suất 296.500 tấn/năm.

+ Sản phẩm hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (KCl phụ gia thực phẩm; $\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$ (MAP), KH_2PO_4 (MKP) phụ gia thực phẩm; CaCl_2 phụ gia thực phẩm; H_3PO_4 phụ gia thực phẩm) công suất 10.550 tấn/năm.

+ Sản phẩm phân bón và hợp chất nitơ (Muối photphat ($\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$ (MAP), $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$ (DAP); NH_4OH) công suất 850 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

1.3.1. Công nghệ sản xuất giai đoạn 1

- Dây chuyền sản xuất NaOH công suất 15.000 tấn/năm:

+ $\text{NaCl} \rightarrow$ Tinh chế sơ cấp $\rightarrow$ Tinh chế thứ cấp $\rightarrow$ Điện phân $\rightarrow$ Điều dụng $\text{NaOH} \rightarrow$ NaOH thành phẩm (nồng độ từ 10% đến 32%).

+ NaOH 32% từ công đoạn điều dụng $\text{NaOH} \rightarrow$ Cô đặc $\rightarrow$ NaOH thành phẩm (nồng độ từ 40% đến 50%).

- Dây chuyền sản xuất HCl công suất 14.000 tấn/năm: Khí Cl_2 và H_2 từ công đoạn điều dụng Cl_2 và $\text{H}_2 \rightarrow$ Hệ thống tổng hợp axit $\text{HCl} \rightarrow$ Axit HCl thành phẩm (nồng độ từ 10% đến 35%).

- Dây chuyền sản xuất Cl_2 lỏng công suất 12.000 tấn/năm: Khí Cl_2 từ công đoạn điều dụng $\text{Cl}_2 \rightarrow$ Hóa lỏng $\text{Cl}_2 \rightarrow$ Cl_2 lỏng 99,99%.

- Dây chuyền sản xuất H_3PO_4 kỹ thuật công suất 8.500 tấn/năm: Photpho (P_4) rắn $\rightarrow$ Hóa lỏng $\rightarrow$ Đốt và hấp thụ $\rightarrow$ Tuần hoàn và giải nhiệt $\rightarrow$ Tận thu và xử lý khí thải $\rightarrow$ Lọc $\rightarrow$ H_3PO_4 85% kỹ thuật thành phẩm.

- Dây chuyền sản xuất NaOCl công suất 2.000 tấn/năm: Khí Cl_2 từ công đoạn điều dụng Cl_2 ; công đoạn sản xuất Cl_2 lỏng, công đoạn sản xuất $\text{HCl} \rightarrow$ Hệ thống sản xuất $\text{NaOCl} \rightarrow$ NaOCl thành phẩm (nồng độ từ 40 g/l đến 120 g/l).

- Dây chuyền sản xuất KCl tinh công suất 1.300 tấn/năm: KCl thô $\rightarrow$ Hòa

tan → Lắng, lọc → Kết tinh → Ly tâm → Thành phẩm.

- Dây chuyền sản xuất CaCl_2 công suất 2.450 tấn/năm (dung dịch): CaCO_3 và HCl → Phản ứng → Trung hòa → Lắng, lọc → Sản phẩm.

- Dây chuyền sản xuất CaCl_2 công suất 200 tấn/năm: Dung dịch CaCl_2 → Cô đặc sơ cấp → Cô đặc thứ cấp → Sản phẩm $\text{CaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ 95%.

- Dây chuyền sản xuất muối phosphat (KH_2PO_4 , $\text{NaH}_2\text{PO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_2\text{HPO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_3\text{PO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$) công suất 1.600 tấn/năm: H_3PO_4 85%, gốc bazơ (K_2CO_3 , NH_3 , NaOH , Na_2CO_3) → Phản ứng → Kết tinh → Ly tâm → Sản phẩm.

- Dây chuyền sản xuất KCl (phụ gia thực phẩm) công suất 700 tấn/năm: KCl tinh → Sấy → Sàng → Thành phẩm.

- Dây chuyền sản xuất phụ gia thực phẩm gốc phosphat ($\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$, KH_2PO_4), công suất 1.000 tấn/năm: Nguyên liệu bazơ (K_2CO_3 , NH_3 , NaOH , Na_2CO_3), H_3PO_4 phụ gia thực phẩm → Phản ứng → Kết tinh → Ly tâm → Sấy → Sản phẩm muối phụ gia thực phẩm.

- Dây chuyền sản xuất CaCl_2 (phụ gia thực phẩm) công suất 350 tấn/năm: Dung dịch CaCl_2 → Cô đặc sơ cấp → Cô đặc thứ cấp → Sản phẩm $\text{CaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ 99% (phụ gia thực phẩm).

- Dây chuyền sản xuất H_3PO_4 (phụ gia thực phẩm) công suất 8.500 tấn/năm:

+ H_2SO_4 kỹ thuật và Na_2S → Phản ứng → H_2S .

+ H_3PO_4 kỹ thuật và H_2S → Phản ứng → Lọc và tách cặn → Đuổi khí → Làm nguội → Xử lý khí → Lọc tinh → H_3PO_4 85% phụ gia thực phẩm thành phẩm.

- Dây chuyền sản xuất muối gốc phosphat (KH_2PO_4 , $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$) công suất 400 tấn/năm: H_3PO_4 85%, gốc bazơ (KOH , NaOH) → Phản ứng → Kết tinh → Ly tâm → Sản phẩm.

- Dây chuyền sản xuất NH_4OH công suất 450 tấn/năm: NH_3 lỏng → Hóa hơi NH_3 → Thiết bị hấp thụ NH_3 → NH_4OH .

1.3.2. Công nghệ sản xuất giai đoạn 2.1:

Tiếp tục vận hành các dây chuyền có công nghệ sản xuất giai đoạn 01 và đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất giai đoạn 2.1 như sau:

- Dây chuyền sản xuất NaOH công suất 20.000 tấn/năm:

+ NaCl → Tinh chế sơ cấp → Tinh chế thứ cấp → Điện phân → Điều chỉnh xút → Xút thành phẩm (nồng độ từ 10% đến 32%).

+ NaOH 32% từ công đoạn điều chỉnh NaOH → Cô đặc → NaOH thành phẩm (nồng độ từ 40% đến 50%).

- Dây chuyền sản xuất HCl công suất 14.000 tấn/năm: Cl_2 và H_2 từ công đoạn điều chỉnh Cl_2 và H_2 → Hệ thống tổng hợp axit HCl → Axit HCl thành phẩm (nồng độ từ 10% đến 35%).

- Dây chuyền sản xuất NaOCl công suất 2.000 tấn/năm: Khí Cl_2 từ công đoạn điều chỉnh Cl_2 ; công đoạn sản xuất Cl_2 lỏng, công đoạn sản xuất HCl → Hệ

thống sản xuất NaOCl → NaOCl thành phẩm (nồng độ từ 40 g/l đến 120 g/l).

- Dây chuyền sản xuất PAC lỏng công suất 3.250 tấn/năm: HCl 32%, Bột $\text{Al}(\text{OH})_3$ → Định lượng → Phản ứng PAC 17% → Làm nguội, gia kiềm → Lọc → PAC 17% → Pha loãng → PAC 10%.

- Dây chuyền sản xuất PAC (dạng bột) công suất 10.000 tấn/năm: HCl 32%, Bột $\text{Al}(\text{OH})_3$ → Định lượng → Phản ứng PAC 17% → Làm nguội, gia kiềm → Lọc → Sấy → Đóng bao → PAC bột.

- Dây chuyền sản xuất FeCl_3 công suất 4.500 tấn/năm: Bột Fe_2O_3 và HCl → Nạp liệu → Phản ứng → Làm nguội → Lắng/Lọc → Sản phẩm dung dịch FeCl_3 .

- Dây chuyền sản xuất Na_2SiO_3 công suất 7.500 tấn/năm: NaOH nguyên liệu, cát (SiO_2) nguyên liệu → Nạp liệu → Phản ứng → Xả liệu → Lọc → Tẩy màu → Sản phẩm.

1.3.3. Công nghệ sản xuất giai đoạn 2.2:

Tiếp tục vận hành các dây chuyền có công nghệ sản xuất giai đoạn 01, giai đoạn 2.1 và đầu tư thêm các dây chuyền các sản xuất giai đoạn 2.2 như sau:

- Dây chuyền sản xuất NaOH công suất 15.000 tấn/năm:

+ NaCl → Tinh chế sơ cấp → Tinh chế thứ cấp → Điện phân → Điều dụng NaOH → NaOH thành phẩm (nồng độ từ 10% đến 32%).

+ NaOH 32% từ công đoạn điều dụng NaOH → Cô đặc → NaOH thành phẩm (nồng độ từ 40% đến 50%).

- Dây chuyền sản xuất HCl công suất 10.000 tấn/năm: Khí Cl_2 và H_2 từ công đoạn điều dụng Cl_2 và H_2 → Hệ thống tổng hợp axit HCl → Axit HCl thành phẩm (nồng độ từ 10% đến 35%).

- Dây chuyền sản xuất Cl_2 lỏng công suất 6.000 tấn/năm: Khí Cl_2 từ công đoạn điều dụng Cl_2 → Hệ thống hóa lỏng Cl_2 → Cl_2 lỏng 99,99%.

- Dây chuyền sản xuất H_2SO_4 kỹ thuật công suất 75.000 tấn/năm:

+ S rắn → Nấu chảy → Đốt cháy tạo khí SO_2 có thu hồi nhiệt sản xuất hơi nước → Chuyển hóa tạo hỗn hợp khí SO_3 có thu hồi và trao đổi nhiệt → Hấp phụ lần 1 tạo dung dịch H_2SO_4 → Pha loãng dung dịch H_2SO_4 → Làm lạnh dung dịch H_2SO_4 → Thành phẩm H_2SO_4 98%.

+ Hỗn hợp khí SO_2 hấp thụ lần 1 → Trao đổi nhiệt → Chuyển hóa lần 2 tạo hỗn hợp khí SO_3 → Hấp phụ lần 2 tạo dung dịch H_2SO_4 → Pha loãng dung dịch H_2SO_4 → Làm lạnh dung dịch H_2SO_4 → Thành phẩm H_2SO_4 98%.

- Dây chuyền sản xuất NaOCl công suất 2.000 tấn/năm: Khí Cl_2 từ công đoạn điều dụng Cl_2 ; công đoạn sản xuất Cl_2 lỏng, công đoạn sản xuất HCl → Hệ thống sản xuất NaOCl → NaOCl thành phẩm (nồng độ từ 40 g/l đến 120 g/l).

- Dây chuyền sản xuất PAC ($[\text{Al}_2(\text{OH})_n\text{Cl}_{6-n}]_m$) dạng lỏng công suất 3.250 tấn/năm: HCl 32%, Bột $\text{Al}(\text{OH})_3$ → Định lượng → Phản ứng PAC 17% → Làm nguội, gia kiềm → Lọc → PAC 17% → Pha loãng → PAC 10%.

- Dây chuyền sản xuất PAC ($[Al_2(OH)_nCl_{6-n}]_m$) dạng bột công suất 10.000 tấn/năm: HCl 32%, Bột $Al(OH)_3 \rightarrow$ Định lượng $\rightarrow$ Phản ứng PAC 17% $\rightarrow$ Làm nguội, gia kiểm $\rightarrow$ Lọc $\rightarrow$ Sấy $\rightarrow$ Đóng bao $\rightarrow$ PAC bột.

- Dây chuyền sản xuất $FeCl_3$ công suất 4.500 tấn/năm: Dung dịch $FeCl_2$ và khí $Cl_2 \rightarrow$ Hấp thu $\rightarrow$ Làm nguội $\rightarrow$ Sản phẩm dung dịch $FeCl_3$.

- Dây chuyền sản xuất Na_2SiO_3 công suất 7.500 tấn/năm: Xút nguyên liệu, cát (SiO_2) nguyên liệu $\rightarrow$ Nạp liệu $\rightarrow$ Phản ứng $\rightarrow$ Xả liệu $\rightarrow$ Lọc $\rightarrow$ Tẩy màu $\rightarrow$ Sản phẩm.

- Dây chuyền sản xuất Chloramin B ($C_6H_5ClNNaO_2S$), TCCA ($C_3Cl_3N_3O_3$) công suất 950 tấn/năm:

+ Benzene sulfonamide ($C_6H_7NO_2S$) (nghiền), NaOCl (làm lạnh) $\rightarrow$ Bồn phản ứng $\rightarrow$ Ly tâm $\rightarrow$ Cloramin B ($C_6H_5ClNNaO_2S$).

+ Khí Cl_2 , Axit Cyanuric ($C_3H_3N_3O_3$), NaOH $\rightarrow$ Phản ứng $\rightarrow$ Lọc $\rightarrow$ Sấy $\rightarrow$ TCCA ($C_3Cl_3N_3O_3$).

- Dây chuyền sản xuất H_2SO_4 tinh khiết công suất 30.000 tấn/năm:

+ H_2SO_4 kỹ thuật $\rightarrow$ Tiếp nhận và xử lý sơ bộ $\rightarrow$ Chung cất $\rightarrow$ Làm nguội và ngưng tụ $\rightarrow$ H_2SO_4 tinh khiết 97%.

+ H_2SO_4 kỹ thuật $\rightarrow$ Tiếp nhận và xử lý sơ bộ $\rightarrow$ Thiết bị chung cất $\rightarrow$ Làm nguội và ngưng tụ $\rightarrow$ Thiết bị pha loãng axit $\rightarrow$ H_2SO_4 tinh khiết thành phẩm (nồng độ từ 32% đến 97%).

- Dây chuyền sản xuất $MgSO_4$ công suất 8.000 tấn/năm: MgO và $H_2SO_4 \rightarrow$ Phản ứng $\rightarrow$ Lọc, xả cặn $\rightarrow$ Kết tinh $\rightarrow$ Ly tâm $\rightarrow$ Sấy - đóng bao $\rightarrow$ Sản phẩm.

- Dây chuyền sản xuất $Al_2(SO_4)_3$ công suất 5.000 tấn/năm:

+ H_2SO_4 , $Al(OH)_3 \rightarrow$ Định lượng và phối liệu $\rightarrow$ Phản ứng tạo dung dịch $Al_2(SO_4)_3 \rightarrow$ Pha loãng, làm nguội $\rightarrow$ Thành phẩm lỏng.

+ H_2SO_4 , $Al(OH)_3$, dung dịch $Al_2(SO_4)_3$ thu hồi $\rightarrow$ Định lượng và phối liệu $\rightarrow$ Phản ứng tạo dung dịch $Al_2(SO_4)_3 \rightarrow$ Kết tinh $Al_2(SO_4)_3 \rightarrow$ Nghiền tạo sản phẩm thô $\rightarrow$ Thành phẩm thô.

+ H_2SO_4 , $Al(OH)_3$, dung dịch $Al_2(SO_4)_3$ thu hồi $\rightarrow$ Định lượng và phối liệu $\rightarrow$ Phản ứng tạo dung dịch $Al_2(SO_4)_3 \rightarrow$ Kết tinh $Al_2(SO_4)_3 \rightarrow$ Nghiền tạo sản phẩm thô $\rightarrow$ Nghiền tạo sản phẩm mịn $\rightarrow$ Thành phẩm mịn.

- Dây chuyền sản xuất $NaHSO_3$ công suất 1.000 tấn/năm: NaOH, dung dịch xử lý khí thu hồi, nước $\rightarrow$ Phối liệu $\rightarrow$ Hấp thụ SO_2 lần 1 $\rightarrow$ Hấp thụ SO_2 lần 2 $\rightarrow$ Thành phẩm $NaHSO_3$ lỏng.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.4.1.1. Các hạng mục công trình

a) Các hạng mục công trình chính:

- Giai đoạn 1:

+ Khu vực nhà xưởng sản phẩm gốc phosphat và các sản phẩm khác diện tích 3.744 m² bao gồm: Nhà kho số 3.2 (kho photpho), Nhà kho số 3.3 (kho phụ gia thực phẩm), Nhà xưởng số 3.3 (xưởng H₃PO₄ kỹ thuật), Nhà xưởng số 3.4 (Xưởng H₃PO₄ phụ gia thực phẩm), Nhà xưởng số 3.4 (Khu vực chiết can), Khu vực thiết bị ngoài trời số 3.5 (Kho bồn H₃PO₄).

+ Khu vực nhà xưởng Clo lỏng diện tích 4.369,45 m² bao gồm: Nhà kho số 5.1 (kho Clo lỏng), Nhà xưởng số 5.2 (Xưởng hóa lỏng Clo), Khu vực thiết bị ngoài trời số 5.3 (Khu vực sấy khô clo, Khu vực chiller, Khu vực janen, xử lý clo khẩn cấp), Nhà phụ trợ số 5.4 (Nhà giao ca, Nhà văn phòng xưởng clo).

+ Khu vực điện phân diện tích 3.750,86 m² bao gồm: Nhà xưởng số 6.1 (xưởng khí nén); Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng chỉnh lưu); Nhà xưởng số 6.2 (Xưởng điện phân); Nhà xưởng số 6.3 (Xưởng điều dụng); Khu vực thiết bị ngoài trời số 6.7 (Khu vực phân phối NaOH 32%); Nhà để máy phát điện; Trạm phân phối điện số 1.

+ Khu vực nhà xưởng axit HCl diện tích 1.227,6 m² bao gồm: Nhà phụ trợ số 10.1 (Nhà tủ điện); Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (Khu vực axit HCl); Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (Khu vực hệ nitơ).

+ Khu vực Cooling - Vô khoáng - Nồi hơi - PAC bột diện tích 4.178,3 m² bao gồm: Nhà kho số 11.1 (Kho PAC bột); Nhà xưởng số 11.2 (Nhà nồi hơi); Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu bồn dầu); Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (phân phối hơi); Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (cooling tower); Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.4 (khu vực hệ vô khoáng, bồn chứa nước thủy cục - phòng cháy chữa cháy).

+ Khu vực bãi muối NaCl diện tích 11.662,64 m².

+ Khu vực điều chế nước muối diện tích 3.810,12 m² bao gồm: Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.1 (Khu vực nước muối tái bão hòa); Nhà xưởng số 16.2 (Nhà hòa tan); Nhà xưởng số 16.3 (Nhà tinh chế nước muối thứ cấp); Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.4 (Hồ chứa nước muối thu gom); Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (khu vực lọc nước muối-1); Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (Hồ chứa nước muối rửa); Nhà xưởng số 16.6 (Nhà pha chế nước muối thức cấp); Nhà phụ trợ số 16.8 (Nhà giao ca); Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.9 (Khu vực bồn lắng nước muối); Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.10 (Khu vực bồn chứa bùn muối); Nhà xưởng số 16.11 (Nhà tinh chế nước muối sơ cấp - kho hóa chất); Nhà phụ trợ số 16.12 (Nhà vận hành và tủ điện sơ cấp); Nhà xưởng số 16.13 (Nhà ép bùn - chứa bùn).

+ Khu vực nhà xưởng silicat diện tích 612 m² bao gồm: Khu vực thiết bị ngoài trời số 17.4 (Khu vực thiết bị súc rửa xe); Nhà xưởng số 17.5 (Xưởng cơ điện).

- Giai đoạn 2.1: Sử dụng các công trình đã được đầu tư trong giai đoạn 1 và tiếp tục đầu tư thêm các hạng mục công trình sau:

+ Khu vực nhà xưởng FeCl₃ diện tích 3.761,5 m² bao gồm: Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng FeCl₃); Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng PAC); Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (FeCl₃ ngoài trời); Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (PAC ngoài trời).

+ Khu vực Cooling - Vô khoáng - Nồi hơi - PAC bột diện tích 651 m² bao gồm: Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu vực PAC bột); Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (Hệ cô xút).

+ Khu vực axit sunfuric tinh khiết diện tích 2.304 m² bao gồm: trạm phân phối điện số 2; Nhà xưởng số 12.2 (Xưởng axit sunfuric tinh khiết); Trạm NG (ngoài trời).

+ Khu vực sản xuất axit sunfuric và sản phẩm gốc sunfat diện tích 11.852,23 m² bao gồm: Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.1 (khu vực Axit Sunfuric); Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.2 (khu vực tháp Axit Sunfuric - Bisunfit); Nhà xưởng số 14.3 (Nhà nấu chảy lưu huỳnh); Nhà xưởng số 14.4 (Kho lưu huỳnh); Nhà xưởng số 14.5 (Nhà quạt gió); Nhà phụ trợ số 14.6 (Nhà thay ca - Điều khiển xưởng dây chuyền H₂SO₄); Nhà xưởng số 14.7 (Xưởng phèn); Nhà xưởng số 14.8 (Xưởng Magie Sunfat); Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.9 (khu vực Magie Sunfat ngoài trời); Nhà phụ trợ số 14.10 (Nhà giao ca Magie Sunphat).

+ Khu vực điều chế nước muối diện tích 170 m² bao gồm: nhà xưởng số 16.7 (Khu vực lọc nước muối-2).

+ Khu vực nhà xưởng silicat diện tích 2.677,09 m² bao gồm: Nhà xưởng số 17.1 (Xưởng silicat); Nhà xưởng số 17.2 (Kho cát); Khu vực kho ngoài trời số 17.3 (Kho cát ngoài trời).

- Giai đoạn 2.2: Không đầu tư, xây dựng thêm các hạng mục công trình chính, tiếp tục sử dụng các hạng mục công trình đã đầu tư giai đoạn 1 và giai đoạn 2.1.

b) Các hạng mục phụ trợ:

- Giai đoạn 1:

+ Khu vực nhà kho diện tích 6.084 m², bao gồm: Nhà kho NX-1 (Kho nguyên liệu); Nhà kho NX-2 (Kho thành phẩm); Nhà kho NX-2 (Kho vật tư).

+ Khu vực nhà hành chính - dịch vụ diện tích 2.738,41 m².

+ Khu vực kho bồn diện tích 8.692,5 m².

+ Nhà bảo vệ diện tích 306,72 m².

+ Lò hơi số 1 sử dụng nhiên liệu dầu DO công suất 6,0 tấn hơi/giờ.

- Giai đoạn 2.1 và 2.2: bổ sung 02 lò hơi sử dụng nhiên liệu dầu DO gồm lò hơi số 2 công suất 6,0 tấn hơi/giờ và lò hơi số 3 công suất 10 tấn hơi/lò tương ứng với 02 giai đoạn. Tiếp tục sử dụng các hạng mục công trình phụ trợ khác đã đầu tư giai đoạn 1.

c) Các công trình bảo vệ môi trường:

- Giai đoạn 1:

+ 01 hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày.

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 500 m³/ngày.

+ 01 hệ thống xử lý hơi HCl phát sinh từ quá trình sản xuất HCl số 1 công suất 200 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý hơi HCl từ bồn chứa của dây chuyền sản xuất HCl công suất 200 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất xút, clo lỏng, javen và xử lý clo khẩn cấp số 1 công suất 2.000 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất H₃PO₄ kỹ thuật công suất 4.000 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất H₃PO₄ (phụ gia thực phẩm) công suất 300 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất CaCl₂ công suất: 400 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải khu vực giao hàng HCl số 1 công suất 10.000 Nm³/giờ.

+ 01 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 144 m².

+ 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 144 m².

- Giai đoạn 2.1: Tiếp tục sử dụng các công trình bảo vệ môi trường tại giai đoạn 1 và đầu tư thêm các công trình bảo vệ môi trường như sau:

+ 01 hệ thống xử lý hơi HCl phát sinh từ quá trình sản xuất HCl số 2 công suất 300 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất PAC lỏng, FeCl₃ từ bột Fe₂O₃ công suất 20.000 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất xút, clo lỏng, javen và xử lý clo khẩn cấp số 2 công suất 2.000 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất Natri silicat công suất 20.000 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất PAC bột số 1 công suất 20.000 Nm³/giờ.

- Giai đoạn 2.2: tiếp tục sử dụng các công trình bảo vệ môi trường tại giai đoạn 1, giai đoạn 2.1 và đầu tư thêm các công trình bảo vệ môi trường như sau:

+ 02 hệ thống xử lý hơi HCl phát sinh từ quá trình sản xuất HCl số 3, 4 công suất 200 Nm³/giờ/hệ thống.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất PAC bột số 2 công suất 20.000 Nm³/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý hơi H₂SO₄ từ dây chuyền sản xuất H₂SO₄ tinh khiết khi có sự cố công suất 36.000 Nm³/giờ.

+ 02 hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất H₂SO₄ kỹ thuật (01 hệ thống xử lý bụi, hơi khí thải hầm nấu chảy lưu huỳnh công suất 5.000 Nm³/giờ; 01 hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất H₂SO₄ kỹ thuật công suất 30.000 Nm³/giờ).

+ 02 hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất nhôm sunfat (01 hệ thống xử lý bụi công suất 15.000 Nm³/giờ; 01 hệ thống xử lý hơi axit công suất 5.000 Nm³/giờ).

+ 01 hệ thống xử lý khí thải khu vực giao hàng HCl số 2 công suất 10.000 Nm³/giờ.

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)				Tỷ lệ (%)
		Giai đoạn 1	Tăng thêm giai đoạn 2.1	Tăng thêm giai đoạn 2.2	Tổng	
1	Công trình, nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật	74.980,99	15.515	0	90.495,99	50,27
2	Cây xanh	36.519,85	0	0	36.519,85	20,28
3	Giao thông, sân bãi	50.018,16	0	0	50.018,16	27,78
4	Đất thuộc Dự án đường ĐT.771C (Đường đi cảng Phước An)	3.002,00	0	0	3.002,00	1,67
	Tổng	164.521	15.515	0	180.036,00	100

Bảng tọa độ mốc ranh giới vị trí Dự án (hệ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°):

Mốc	X (m)	Y (m)	Mốc	X (m)	Y (m)
1	1.182.262,59	412.379,69	6	1.182.754,33	411.959,43
2	1.182.266,99	412.391,63	7	1.182.721,53	411.952,89
3	1.182.485,87	412.492,49	8	1.182.701,34	411.946,74
4	1.182.582,16	412.283,6	9	1.182.681,74	411.939,12
5	1.182.769,59	412.280,19	10	1.182.503,52	411.856,97

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

1.4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng và máy móc, thiết bị.
- Thi công các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường.
- Làm sạch đường ống, thiết bị, công trình bảo vệ môi trường.

1.4.2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu và sản phẩm của Dự án.
- Hoạt động sản xuất của Dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Dự án.

1.4.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

- Các hoạt động phát quang, san lấp mặt bằng.
- Các hoạt động di dời thiết bị, máy móc và đóng cửa các nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1.
- Các hoạt động xuất nhập nguyên nhiên vật liệu và sản phẩm.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất đá; hoạt động đào đắp, đào móng; hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ thi công; hoạt động thi công các hạng mục công trình; hoạt động rửa xe, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của công nhân tham gia thi công, xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng sau khi kết thúc thi công, xây dựng phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các dây chuyền sản xuất phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất;

- Hoạt động bảo dưỡng máy phát điện phát sinh chất thải nguy hại.

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Hoạt động của công nhân làm việc tại Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH; BOD₅; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); tổng chất rắn hòa tan; sunfua (tính theo H₂S); amoni (tính theo N); nitrat (tính theo NO₃⁻); dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; phosphat (PO₃⁻) (tính theo P); tổng coliforms; trong đó:

- + Giai đoạn 1: phát sinh khoảng 12 m³/ngày.
- + Giai đoạn 2.1: phát sinh khoảng 57,6 m³/ngày.
- + Giai đoạn 2.2: phát sinh khoảng 55,2 m³/ngày.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ thi công cọc nhồi, rửa xe, trộn bê tông tối đa khoảng 2,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: chất rắn lơ lửng (SS), tổng dầu mỡ khoáng.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

a) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH; BOD₅; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); tổng chất rắn hòa tan (TDS); sunfua (tính theo H₂S); amoni (tính theo N); nitrat (tính theo NO₃⁻); dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; phosphat (PO₃⁻) (tính theo P); tổng coliforms; trong đó:

- Giai đoạn 1: phát sinh khoảng 57,6 m³/ngày.
- Giai đoạn 2.1: phát sinh khoảng 55,2 m³/ngày.
- Giai đoạn 2.1: phát sinh khoảng 49,2 m³/ngày.

Tổng lượng nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành phát sinh khoảng 162 m³/ngày.

b) Nước thải sản xuất phát sinh từ các dây chuyền sản xuất:

- Giai đoạn 1:

+ Khu vực nhà xe cơ giới: phát sinh khoảng 21 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: dầu mỡ khoáng, TSS, Coliform.

+ Phân xưởng điện phân: phát sinh khoảng 1,65 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Clorua.

+ Phòng thí nghiệm: phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD, Clorua.

+ Nước rửa lọc công đoạn tinh chế sản xuất xút: phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD.

+ Phân xưởng Clo: phát sinh khoảng 10 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng

gồm: pH, Clorua.

+ Phân xưởng axit HCl: phát sinh khoảng 1,84 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, Clorua.

+ Khu vực vô khoáng: phát sinh khoảng 24 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Clorua.

+ Phân xưởng H₃PO₄: phát sinh khoảng 15 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, COD, Tổng Photpho, Florua.

+ Khu vực xúc rửa xe: phát sinh khoảng 20 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: dầu mỡ khoáng, TSS, Coliform.

+ Khu vực nhà đóng can: phát sinh khoảng 5,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS.

+ Nước thải từ quá trình xả đáy lò hơi: phát sinh khoảng 0,03 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, COD.

+ Khu vực sản xuất CaCl₂: phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là Clorua.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh tháp làm mát: phát sinh khoảng 0,12 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Tổng Photpho, TSS, COD, tổng Nitơ, Clorua.

+ Nước thải từ quá trình xả đáy tháp làm mát: phát sinh khoảng 13,6 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Tổng Photpho, TSS, COD, Clorua.

- Giai đoạn 2.1 (bao gồm nước thải từ giai đoạn 1):

+ Khu vực nhà xe cơ giới: phát sinh khoảng 21 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: dầu mỡ khoáng, TSS, Coliform.

+ Phân xưởng điện phân: phát sinh khoảng 3,85 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Clorua.

+ Phòng thí nghiệm: phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD, Clorua.

+ Nước rửa lọc công đoạn tinh chế sản xuất xút: phát sinh khoảng 4,7 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD.

+ Phân xưởng Clo: phát sinh khoảng 10 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Clorua.

+ Phân xưởng axit HCl: phát sinh khoảng 3,68 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, Clorua.

+ Khu vực vô khoáng: phát sinh khoảng 56 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Clorua.

+ Phân xưởng PAC: phát sinh khoảng 15 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, COD, Clorua, Sunfua.

+ Phân xưởng H₃PO₄: phát sinh khoảng 15 m³/ngày. Thông số ô nhiễm

đặc trưng gồm: pH, TSS, COD, Tổng Photpho, Florua.

+ Khu vực xúc rửa xe: phát sinh khoảng 20 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: dầu mỡ khoáng, TSS, Coliform.

+ Khu vực nhà đóng can: phát sinh khoảng 5,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS.

+ Khu vực sản xuất CaCl₂: phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là Clorua.

+ Nước thải từ quá trình xả đáy lò hơi: phát sinh khoảng 0,06 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, COD.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh tháp làm mát: phát sinh khoảng 0,21 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Tổng Photpho, TSS, COD, tổng Nito, Clorua.

+ Nước thải từ quá trình xả đáy tháp làm mát: phát sinh khoảng 33,3 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Tổng Photpho, TSS, COD, Clorua.

- Giai đoạn 2.2 (bao gồm cả nước thải giai đoạn 1 và giai đoạn 2.1):

+ Khu vực nhà xe cơ giới: phát sinh khoảng 21 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: dầu mỡ khoáng, TSS, Coliform.

+ Phân xưởng điện phân: phát sinh khoảng 5,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Clorua.

+ Phòng thí nghiệm: phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD, Clorua.

+ Nước rửa lọc công đoạn tinh chế sản xuất xút: phát sinh khoảng 6,7 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD.

+ Phân xưởng Clo: phát sinh khoảng 15 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Clorua.

+ Phân xưởng axit HCl: phát sinh khoảng 5,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, Clorua.

+ Khu vực vô khoáng: phát sinh khoảng 80 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, BOD, COD, Tổng Nito, Tổng Photpho, Clorua.

+ Phân xưởng PAC: phát sinh khoảng 30 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, COD, Clorua, sunfua.

+ Khu vực bãi cát: phát sinh khoảng 5,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS.

+ Phân xưởng H₂SO₄: phát sinh khoảng 23 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, Sunfat, COD, dầu mỡ khoáng, florua.

+ Phân xưởng H₃PO₄: phát sinh khoảng 15 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, COD, Tổng Photpho, Florua.

+ Khu vực xúc rửa xe: phát sinh khoảng 20 m³/ngày. Thông số ô nhiễm

đặc trưng gồm: dầu mỡ khoáng, TSS, Coliform.

+ Khu vực nhà đóng can: phát sinh khoảng 5,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS.

+ Khu vực sản xuất CaCl₂: phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là Clorua.

+ Nước thải từ quá trình xả đáy lò hơi: phát sinh khoảng 0,1 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, TSS, COD.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh tháp làm mát: phát sinh khoảng 0,33 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, Tổng Photpho, TSS, COD, Tổng Nitơ, Clorua.

+ Nước thải từ quá trình xả đáy tháp làm mát: phát sinh khoảng 63,6 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, tổng Photpho, TSS, COD, Clorua.

Tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng 297,73 m³/ngày.

c) Nước từ quá trình làm sạch thiết bị và thử áp lực

Trước khi đưa từng hạng mục công trình đi vào sản xuất, Dự án có hoạt động làm sạch thiết bị và thử áp lực thiết bị bằng nước sạch. Khối lượng nước sử dụng làm sạch thiết bị và thử áp lực phụ thuộc vào từng đợt bàn giao công trình từ nhà thầu. Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình này được thu hồi, lưu chứa và sử dụng cho quá trình sản xuất, không thải ra môi trường.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, đất đá; hoạt động đào, đắp; hoạt động xây dựng công trình; hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị; hoạt động của các phương tiện vận tải; hoạt động hàn các cấu kiện. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, SO₂, CO, NO_x.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Giai đoạn 1:

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất NaOH: khí clo.

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất HCl: khí clo, khí HCl.

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất clo lỏng: khí clo.

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất H₃PO₄ kỹ thuật: hơi axit H₃PO₄.

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất Javen: khí clo.

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất KCl: CO₂, NO_x.

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất CaCl₂: khí HCl.

- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất CaCl_2 dung dịch: khí HCl.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất muối phosphat (MKP, $\text{NaH}_2\text{PO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_2\text{HPO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_3\text{PO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$): bụi.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất KCl (phụ gia thực phẩm): bụi.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất muối phosphat (MAP, MKP): bụi.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất CaCl_2 phụ gia thực phẩm: khí HCl.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất H_3PO_4 phụ gia thực phẩm: hơi axit H_3PO_4 .
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất NH_4OH : khí NH_3 .
- + Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi: bụi, SO_2 , NO_2 , CO (lò hơi sử dụng nhiên liệu dầu DO, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa).

(Trường hợp giai đoạn 1 có phát sinh sản phẩm trung gian là khí H_2 dư phải thải bỏ thì phóng không thông qua đuốc đốt).

- Giai đoạn 2.1:

- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất NaOH: khí clo.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất HCl: khí clo, khí HCl.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất Javen: khí clo.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất PAC lỏng: khí HCl, khí clo.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất PAC bột: bụi, khí HCl.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất FeCl_3 : khí HCl, khí clo.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất Natri silicat: hơi kiềm.

- Giai đoạn 2.2:

- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất NaOH: khí clo.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất HCl: khí clo, khí HCl.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất clo lỏng: khí clo.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất H_2SO_4 kỹ thuật: bụi lưu huỳnh, SO_2 , SO_3 .
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất Javen: khí clo.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất PAC lỏng: khí HCl, khí clo.

- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất PAC bột: bụi, khí HCl.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất FeCl_3 : khí clo
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất Natri silicat: hơi kiềm.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất Chloramin B, TCCA: khí clo.
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất H_2SO_4 tinh khiết: SO_2 , SO_3 .
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất MgSO_4 : hơi H_2SO_4 hay SO_3
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$: bụi, hơi H_2SO_4 hay SO_3 .
- + Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất NaHSO_3 : khí SO_2 .

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

3.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công, trong đó: giai đoạn 1 phát sinh khoảng 30 kg/ngày; giai đoạn 2.1 phát sinh khoảng 226 kg/ngày; giai đoạn 2.2 phát sinh khoảng 241 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (thức ăn thừa); chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng (nhựa, kim loại, giấy, thủy tinh); chất thải rắn khác.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng, trong đó: giai đoạn 1 phát sinh khoảng 7.958 tấn; giai đoạn 2.1 phát sinh khoảng 5.306 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng (sắt, thép vụn, nhựa, giấy, gỗ), chất thải trơ (bê tông, gạch vỡ, đá, đất, cát).

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại nhà máy, trong đó: giai đoạn 1 phát sinh khoảng 79,2 tấn/năm; giai đoạn 2.1 phát sinh khoảng 75,9 tấn/năm; giai đoạn 2.2 phát sinh khoảng 67,65 tấn/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (thức ăn thừa); chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng (nhựa, kim loại, giấy, thủy tinh); chất thải rắn khác.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy, trong đó: giai đoạn 1 phát sinh khoảng 488.200 kg/năm; giai đoạn 2.1 phát sinh khoảng 1.548.500 kg/năm; giai đoạn 2.2 phát sinh khoảng 3.206.300 kg/năm. Thành phần chủ yếu: bùn thải công nghiệp có chứa kim loại (Na, K, Ca, Mg, Al, Fe) và các anion (Cl, sunfua, sunfat, phosphat, silicat); chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình sản xuất, bảo trì, sửa chữa và chất thải rắn công nghiệp thông thường khác.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, hoạt

động xây dựng, hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị và hoạt động khác; trong đó: giai đoạn 1 phát sinh khoảng 33,9 kg/tháng; giai đoạn 2.1 phát sinh khoảng 20,6 kg/tháng; giai đoạn 2.2 phát sinh khoảng 12,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: pin, giẻ lau dính dầu, dầu thải, que hàn thải.

3.2.3.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy, trong đó: giai đoạn 1 phát sinh khoảng 55.631 kg/năm; giai đoạn 2.1 phát sinh thêm khoảng 14.000 kg/năm; giai đoạn 2.2 phát sinh thêm khoảng 55.342,3 kg/năm (tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi vận hành ổn định là 124.973,3kg/năm). Thành phần chủ yếu: chất thải chứa axit, kiềm; chất thải chứa kim loại nặng (As); chất thải nhiễm dầu; chất thải điện tử, chất thải lây nhiễm; bùn thải cần kiểm soát và bùn thải nguy hại phát sinh từ các dây chuyền công nghệ sản xuất và các loại chất thải nguy hại khác.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của các thiết bị thi công.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án, hoạt động hoạt động của các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất của Dự án.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Nước mưa chảy tràn

- Giai đoạn thi công, xây dựng: nước mưa chảy tràn với lưu lượng giai đoạn 1 tối đa khoảng 0,3 m³/s; giai đoạn 2.1 tối đa khoảng 0,06 m³/s; giai đoạn 2.2 tối đa khoảng 0,06 m³/s.

- Giai đoạn vận hành: nước mưa chảy tràn với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,7 m³/s.

3.4.2. Rủi ro, sự cố môi trường

3.4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ nhiên liệu hóa chất.

3.4.2.2. Giai đoạn vận hành

Sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải; sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố cháy nổ dẫn đến sự cố môi trường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt

+ Giai đoạn 1: bố trí 05 nhà vệ sinh di động tại khu vực thi công trong Dự án và yêu cầu đơn vị thi công, xây dựng ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải theo đúng quy định của pháp luật.

+ Giai đoạn 2.1 và 2.2: sử dụng nhà vệ sinh có sẵn tại Nhà máy được đầu tư trong giai đoạn 1. Nước thải được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại có sẵn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy công suất 200 m³/ngày.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng bùn → Bể nước thải sinh hoạt sau xử lý → Bể khử trùng → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 500 m³/ngày.

(Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày và hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 500 m³/ngày được xây dựng ngay từ giai đoạn 1).

b) Nước thải thi công

Bố trí hố lắng cặn để thu gom nước thải và lắp đặt cụm thiết bị Inox thể tích 3,0 m³ có thanh gạt loại bỏ váng dầu mỡ nổi, làm sạch nước trước khi tái sử dụng tưới đường để giảm bụi. Váng dầu được thu gom, quản lý chung với chất thải nguy hại phát sinh từ giai đoạn xây dựng.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất được thu gom bằng đường ống PVC Ø200mm đến hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày để xử lý. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI bằng ống HDPE Ø200mm tại vị trí đầu nối có tọa độ X(m) = 1182781,403; Y(m) = 412259,214 (hệ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°) nằm trên đường số 5 của Khu công nghiệp.

- Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: xây dựng 01 hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày đêm. Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng bùn → Bể nước thải sinh hoạt sau xử lý → Bể khử trùng → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 500 m³/ngày.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 500 m³/ngày đêm. Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ + nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bộ khuấy trộn → Bể lắng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Hệ thống lọc RO để tái sử dụng (khi thông số Clorua ≥ 1.000 mg/l) hoặc đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI (khi thông số Clorua < 1.000 mg/l).

Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng toàn bộ ngay từ giai đoạn 1. Các giai đoạn 2.1 và 2.2 không phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống

thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI. Chủ dự án bố trí thiết bị, dụng cụ để thường xuyên phân tích chỉ tiêu Clorua, bảo đảm chất lượng nước thải đáp ứng yêu cầu đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI theo thỏa thuận với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống này.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Phun nước giảm bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất tối thiểu 3 lần/ngày.

- Áp dụng các biện pháp thi công phù hợp, cơ giới hóa trong quá trình thi công.

- Trang bị đồ bảo hộ lao động như mũ bảo hộ, khẩu trang, găng tay, kính hàn, giày bảo hộ cho công nhân.

- Xung quanh khu vực thi công được che chắn bằng tường tạm bằng gỗ ván hoặc tôn để hạn chế tiếng ồn, bụi phát tán ra môi trường và không gây mất mỹ quan.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

a) Giai đoạn 1

- Hệ thống xử lý hơi HCl phát sinh từ quá trình sản xuất HCl số 1:

+ Công suất: 200 Nm³/giờ.

+ Tại tháp tổng hợp HCl AS200 của dây chuyền sản xuất HCl có trang bị thiết bị xử lý khí thải riêng trong tháp đảm bảo chất lượng khí thải < 10 ppm. Hơi HCl được đưa qua tháp hấp thụ bằng nước đi từ trên xuống ngược chiều khí đi từ dưới lên, các ống than được thiết kế đặc biệt để đảm bảo được giải nhiệt tốt bên ngoài bằng nước làm mát, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho quá trình hấp thụ. Phần khí thừa còn lại được dẫn qua phần hấp thụ khí thừa dạng tháp đệm graphite, hấp thụ bằng nước, khí thải thoát ra thông qua ống thải (KT1) có kích thước D = 90 mm, H = 22.000 mm. Nước sau khi hấp thụ được quay vòng và tái sử dụng cho dây chuyền sản xuất axit HCl.

- Hệ thống xử lý hơi HCl từ bồn chứa của dây chuyền sản xuất HCl:

+ Công suất: 200 Nm³/giờ.

+ Quy trình công nghệ: Hơi HCl → Tháp hấp thụ bằng nước → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT2): D = 400 mm, H = 5.000 mm.

- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất xút, clo lỏng, javen và xử lý clo khẩn cấp số 1:

+ Công suất: 2.000 Nm³/giờ.

+ Quy trình công nghệ: Khí Clo → Tháp đệm → Ống thải.

- + Kích thước ống thải (KT3): $D = 600 \text{ mm}$, $H = 3.500 \text{ mm}$
- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất H_3PO_4 kỹ thuật:
- + Công suất: $4.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.
- + Quy trình công nghệ: Khí thải $\rightarrow$ Tháp tách giọt $\rightarrow$ Tháp tách mù $\rightarrow$ Ống thải.

- + Kích thước ống thải (KT5): $D = 280 \text{ mm}$, $H = 16.000 \text{ mm}$.
- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất H_3PO_4 phụ gia thực phẩm:
- + Công suất: $300 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.
- + Quy trình công nghệ: Khí thải $\rightarrow$ Tháp đệm xử lý khí H_2S $\rightarrow$ Ống thải.
- + Kích thước ống thải (KT6): $D = 120 \text{ mm}$, $H = 15.000 \text{ mm}$.
- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất CaCl_2 :
- + Công suất: $400 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.
- + Quy trình công nghệ: Hơi HCl $\rightarrow$ Tháp xử lý (tháp đệm hấp thụ) $\rightarrow$ Ống thải.
- + Kích thước ống thải (KT7): $D = 114 \text{ mm}$, $H = 3.000 \text{ mm}$.
- Hệ thống xử lý khí thải khu vực giao hàng HCl số 1:
- + Công suất: $10.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.
- + Quy trình công nghệ: Hơi HCl $\rightarrow$ Tháp xử lý (tháp đệm hấp thụ) $\rightarrow$ Ống thải.
- + Kích thước ống thải (KT8): $D = 800 \text{ mm}$, $H = 9.000 \text{ mm}$.

b) Giai đoạn 2.1

Tiếp tục sử dụng các công trình bảo vệ môi trường tại giai đoạn 1 và đầu tư thêm các công trình bảo vệ môi trường như sau:

- Hệ thống xử lý hơi HCl phát sinh từ quá trình sản xuất HCl số 2:
- + Công suất: $300 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$
- + Tại tháp tổng hợp HCl AS300 của dây chuyền sản xuất HCl có trang bị thiết bị xử lý khí thải riêng trong tháp đảm bảo chất lượng khí thải $< 10 \text{ ppm}$. Hơi HCl tổng hợp được đưa qua tháp hấp thụ màng ngược chiều khí đi từ dưới lên, nước vô khoáng đi từ trên xuống, các lỏng than được thiết kế đặc biệt để đảm bảo được giải nhiệt tốt bên ngoài bằng nước cooling, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho quá trình hấp thụ. Phần khí thừa còn lại được dẫn qua phần hấp thụ khí thừa dạng tháp đệm graphite, hấp thụ bằng nước vô khoáng, khí thải thoát ra thông qua ống thải (KT9) có kích thước $D = 150 \text{ mm}$, $H = 22.000 \text{ mm}$.
- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất PAC lỏng, FeCl_3 từ bột Fe_2O_3 :
- + Công suất: $20.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.
- + Quy trình công nghệ: Khí thải $\rightarrow$ Thiết bị giải nhiệt $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ Tháp

hấp thụ → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT10): $D = 800 \text{ mm}$, $H = 13.500 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất xút, clo lỏng, javen và xử lý clo khẩn cấp số 2:

+ Công suất: $2.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Khí Clo → Tháp đệm → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT11): $D = 600 \text{ mm}$, $H = 3.500 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất Natri silicat:

+ Công suất: $20.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị ngưng tụ → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT12): $D = 500 \text{ mm}$, $H = 9.000 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất PAC bột số 1:

+ Công suất $20.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ sơ cấp → Tháp hấp thụ thứ cấp → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT13): $D = 1.400 \text{ mm}$, $H = 14.000 \text{ mm}$.

c) Giai đoạn 2.2

Tiếp tục sử dụng các công trình bảo vệ môi trường tại giai đoạn 1, giai đoạn 2.1 và đầu tư thêm các công trình bảo vệ môi trường như sau:

- Hệ thống xử lý hơi HCl phát sinh từ quá trình sản xuất HCl số 3, 4:

+ Công suất : $200 \text{ Nm}^3/\text{giờ}/\text{hệ thống}$

+ Tại tháp tổng hợp HCl AS60 và AS 100 của dây chuyền sản xuất HCl có trang bị thiết bị xử lý khí thải riêng trong tháp đảm bảo chất lượng khí thải $< 10 \text{ ppm}$. Hơi HCl tổng hợp được đưa qua tháp hấp thụ màng ngược chiều khí đi từ dưới lên, nước vô khoáng đi từ trên xuống, các lỏng than được thiết kế đặc biệt để đảm bảo được giải nhiệt tốt bên ngoài bằng nước cooling, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho quá trình hấp thụ. Phần khí thừa còn lại được dẫn qua phần hấp thụ khí thừa dạng tháp đệm graphite, hấp thụ bằng nước vô khoáng, khí thải thoát ra thông qua 02 ống thải: ống thải từ tháp tổng hợp axit AS60 (KT14) có kích thước $D = 200 \text{ mm}$, $H = 22.200 \text{ mm}$; ống thải từ tháp tổng hợp axit AS100 (KT15) có kích thước $D = 90 \text{ mm}$, $H = 22.000 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất PAC bột số 2:

+ Công suất: $20.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ sơ cấp →

Tháp hấp thụ thứ cấp → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT16): $D = 1.100 \text{ mm}$, $H = 14.000 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý hơi H_2SO_4 từ dây chuyền sản xuất H_2SO_4 tinh khiết khi có sự cố:

+ Công suất: $36.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT17): $D = 600 \text{ mm}$, $H = 4.000 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý bụi, hơi khí thải hầm nấu chảy lưu huỳnh của dây chuyền sản xuất H_2SO_4 kỹ thuật:

+ Công suất: $5.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Bụi lưu huỳnh, hơi khí thải → Thiết bị lọc bụi → Quạt hút → Tháp đệm hấp thụ → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT18): $D = 200 \text{ mm}$, $H = 9.000 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất H_2SO_4 kỹ thuật:

+ Công suất: $30.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp xử lý (tháp đệm hấp thụ) → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT19): $D = 800 \text{ mm}$, $H = 40.000 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất nhôm sunfat:

+ Công suất: $15.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Bụi → Thiết bị lọc tay áo → Quạt hút → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT20): $D = 300 \text{ mm}$, $H = 9.000 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý hơi axit phát sinh từ dây chuyền sản xuất nhôm sunfat:

+ Công suất: $5.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Hơi, khí thải → Tháp xử lý (tháp đệm hấp thụ) → quạt hút → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT21): $D = 200 \text{ mm}$, $H = 9.000 \text{ mm}$.

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực giao hàng HCl số 2:

+ Công suất: $10.000 \text{ Nm}^3/\text{giờ}$.

+ Quy trình công nghệ: Hơi HCl → Tháp xử lý (tháp đệm hấp thụ) → Ống thải.

+ Kích thước ống thải (KT22): $D = 800 \text{ mm}$, $H = 9.000 \text{ mm}$.

4.1.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Khí sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

4.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn 1: phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của địa phương. Bố trí 12 thùng chứa dung tích 120 lít (3 màu khác nhau, đặt tại 4 vị trí) trên công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Giai đoạn 2.1 và 2.2: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại chung với khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ người lao động trong Nhà máy giai đoạn 1.

- Chất thải phát sinh từ quá trình xây dựng được phân loại để tái chế, tái sử dụng, bán cho những đơn vị tái chế phế liệu. Phần còn lại được hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Nhà máy được phân loại tại nguồn theo quy định của địa phương, sau đó thu gom vào các thùng rác có nắp đậy dung tích từ 120 lít - 660 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm bùn thải công nghiệp thông thường) phát sinh trong quá trình sản xuất tại Nhà máy được lưu chứa tại kho chứa chất rắn công nghiệp thông thường với diện tích 144 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất tại Nhà máy được lưu chứa tại kho chứa riêng biệt có tường bao và mái che mưa, có diện tích 96 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải rắn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Giai đoạn 1: bố trí khu vực chứa tạm chất thải nguy hại diện tích khoảng 10m², có mái che và bố trí khoảng 05 thùng chứa chất thải có dung tích 120 lít/thùng, hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Giai đoạn 2.1 và 2.2: toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn

xây dựng 2.1 và 2.2 sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 144 m² của Nhà máy đã được đầu tư trong giai đoạn 1 và được quản lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của giai đoạn 1.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom, phân loại và lưu trữ trong các thùng chứa riêng có nắp đậy, có dán nhãn, mã số và dấu hiệu cảnh báo và đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 144 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các thiết bị, máy móc được kiểm chuẩn, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao; không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

- Không tập trung vận hành cùng lúc nhiều máy móc thi công gây ồn, rung lớn. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Dây chuyền công nghệ của Nhà máy được trang bị các thiết bị thể hệ mới, hiện đại.

- Thực hiện lắp đặt máy móc đúng quy cách.

- Thông thoáng nhà xưởng đảm bảo điều kiện môi trường cho công nhân.

- Các máy móc, thiết bị (máy nén khí, máy phát điện) phát sinh tiếng ồn đều được đặt trên đệm cao su.

- Cách ly hợp lý các nguồn phát sinh tiếng ồn ra các vị trí riêng biệt thông qua bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh khả năng cộng hưởng mức ồn do nhiều máy móc hoạt động cùng lúc.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng các máy móc, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị bị mài mòn.

- Xung quanh các xưởng có bố trí trồng cây xanh để hạn chế tiếng ồn.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an

toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng của Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. *Phương án cải tạo, phục hồi môi trường*: không có (Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

4.4.2. *Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học*: không có (Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học).

4.4.3. *Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ*: không có (Dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước)

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

4.4.4.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố cháy nổ

Thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4.4.4.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa chất.

4.4.4.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, bảo trì đường ống dẫn nước thải hạn chế sự cố rò rỉ hoặc chảy tràn nước thải do vỡ đường ống.

- Thành lập tổ chuyên trách về vận hành, kiểm tra hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

4.4.4.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố vận hành hệ thống xử lý khí thải

a) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố lò hơi ngưng hoạt động

- Ban hành quy trình ngừng vận hành lò hơi khẩn cấp trong trường hợp có sự cố từ hệ thống xử lý khí thải.

- Đảm bảo vận hành máy móc thiết bị ở chế độ đảm bảo đúng công suất thiết kế và được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

- Lắp đặt hệ thống vận hành, kiểm soát tự động và hệ thống báo động khẩn cấp nhằm kịp thời ngắt máy, kịp thời phát hiện khi sự cố xảy ra.

b) Biện pháp ngăn ngừa, ứng phó sự cố xử lý khí thải

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, các yêu cầu thiết kế.
- Tổ chức tập huấn vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.
- Định kỳ bảo trì đường ống, quạt hút, túi lọc bụi và các thiết bị liên quan của hệ thống xử lý khí thải.
- Trong trường hợp toàn hệ thống bị sự cố, phải dừng hoàn toàn dây chuyền để khắc phục sự cố trước khi bắt đầu chạy lại.

4.4.5. Nước mưa chảy tràn

4.4.5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng.

- Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước và hố ga lắng cặn kích thước $L \times B \times H = 1,0 \times 1,0 \times 2,0$ (m) xung quanh khu vực thi công với khoảng cách khoảng 30 m/hố để thu gom nước mưa chảy tràn trong phạm vi Dự án. Toàn bộ nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công, xây dựng được thu gom, lắng và thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp.

4.4.5.2. Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt, đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Phân chia các lưu vực thiết kế, thoát chủ yếu theo dốc dọc đường giao thông về hệ thống thoát nước của khu công nghiệp.

- Nước mưa được thu gom vào các tuyến rãnh hình chữ nhật bằng bê tông cốt thép dày 200 mm, có bề rộng mặt cắt ngang từ 400 đến 800 hoặc cống bê tông cốt thép đường kính từ $D = 800$ mm đến $D = 1.500$ mm và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp.

- Bố trí các hố ga thăm bê tông cốt thép trên tuyến rãnh và cống tròn dọc theo các tuyến theo thiết kế.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường bảo đảm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của Quyết định này.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường giai đoạn thi công, xây dựng.

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.2.1. Chương trình giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải.

5.2.2.2. Giám sát khí thải

Dự án không thuộc đối tượng giám sát liên tục, tự động bụi, khí thải.

Chủ dự án đề xuất chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải khi vận hành thử nghiệm cho từng giai đoạn Dự án như sau:

a) Giai đoạn 1:

- Giám sát khí thải từ quá trình sản xuất HCl:

+ Vị trí giám sát: ống thải KT1.

+ Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí clo (Cl_2), khí HCl.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Giám sát khí thải từ bồn chứa của dây chuyền sản xuất HCl:

+ Vị trí giám sát: ống thải KT2.

+ Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí HCl.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Giám sát khí thải từ dây chuyền sản xuất xút, clo lỏng, javen và xử lý clo khẩn cấp số 1:

+ Vị trí giám sát: ống thải KT3.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí clo (Cl_2).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Khí thải từ dây chuyền sản xuất H_3PO_4 kỹ thuật:

+ Vị trí giám sát: ống thải KT5.

+ Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, hơi axit phosphoric.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Giám sát khí thải từ dây chuyền sản xuất H_3PO_4 phụ gia thực phẩm:

- + Vị trí giám sát: ống thải KT6
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, hơi axit phosphoric
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Giám sát khí thải từ dây chuyền sản xuất CaCl_2 :

- + Vị trí giám sát: ống thải KT7
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí HCl.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Giám sát khí thải từ khu vực giao hàng HCl số 1:

- + Vị trí giám sát: ống thải KT8.
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí HCl.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

b) Giai đoạn 2.1:

Tiếp tục giám sát các nguồn thải của giai đoạn 1, giám sát bổ sung các nguồn khí thải sau:

- Giám sát khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất HCl:
- + Vị trí giám sát: ống thải KT9.
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí clo (Cl_2), khí HCl.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Giám sát khí thải từ các dây chuyền sản xuất PAC lỏng, FeCl_3 :

- + Vị trí giám sát: ống thải KT10.
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí clo (Cl_2), khí HCl.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

- Giám sát khí thải phát sinh từ các dây chuyền sản xuất xút, clo lỏng, javen và xử lý clo khẩn cấp số 2:

- + Vị trí giám sát: ống thải KT11.
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí clo (Cl_2).
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
- Giám sát khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất Natri silicat:
- + Vị trí giám sát: ống thải KT12.
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, hơi kiềm.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
- Giám sát khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất PAC bột số 1:
- + Vị trí giám sát: ống thải KT13.
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi, hơi HCl.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
- c) Giai đoạn 2.2:
- Tiếp tục giám sát các nguồn thải của giai đoạn 1, giai đoạn 2.1, giám sát bổ sung các nguồn khí thải sau:
- Giám sát khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất HCl:
- + Vị trí giám sát: ống thải KT14, K15.
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí clo (Cl_2), khí HCl.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
- Giám sát khí thải từ dây chuyền sản xuất PAC bột số 2:
- + Vị trí giám sát: ống thải KT16.
- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi, hơi HCl.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
- Giám sát khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất H_2SO_4 tinh khiết:
- + Vị trí giám sát: ống thải KT17.

- + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, SO_2 , SO_3 .
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
- Giám sát khí thải phát sinh từ hầm nấu chảy lưu huỳnh của dây chuyền sản xuất H_2SO_4 kỹ thuật:
 - + Vị trí giám sát: ống thải KT18.
 - + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi, SO_2 .
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
 - Giám sát khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất H_2SO_4 kỹ thuật:
 - + Vị trí giám sát: ống thải KT19.
 - + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, SO_2 , SO_3 .
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
 - Giám sát khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất nhôm sunfat:
 - + Vị trí giám sát: ống thải KT20.
 - + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi.
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
 - Giám sát khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi axit thuộc dây chuyền sản xuất nhôm sunfat:
 - + Vị trí giám sát: ống thải KT21.
 - + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, hơi axit sunfuric (H_2SO_4) hay SO_3 .
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.
 - Giám sát khí thải phát sinh từ khu vực giao hàng HCl số 2:
 - + Vị trí giám sát: ống thải KT22.
 - + Thông số giám sát: lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, khí HCl.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

Ghi chú: chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải khi Dự án đi vào hoạt động chính thức được chuẩn xác hóa trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường và thực hiện theo giấy phép môi trường của từng giai đoạn Dự án.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Từng hạng mục sản xuất chỉ được đi vào vận hành sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình thực hiện Dự án.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.

- Quản lý chặt chẽ nước sau khi làm sạch thiết bị và thừa áp lực, không thải loại nước này ra môi trường.

- Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định; thực hiện các quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất.

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn thi công, lắp đặt và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

kiểm tra khi cần thiết; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính trung thực và tính chính xác của số liệu đo đạc, phân tích thành phần môi trường, thông tin về những người tham gia đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu khác nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC HÓA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1181**/HC-CNHC

Hà Nội, ngày **04** tháng 7 năm 2025

V/v thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và góp ý về công nghệ của dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch

Kính gửi: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Cục Hóa chất nhận được Tờ trình số 374/TTr-HCCB ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây viết tắt là Công ty) trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” (sau đây viết tắt là Dự án); Văn bản số 526/HCCB-ĐTXD ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc bổ sung, làm rõ hồ sơ trình thẩm định dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”; Văn bản số 904/HCCB-ĐTXD ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc Giải trình, chỉnh sửa, bổ sung nội dung hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”, kèm theo các hồ sơ liên quan.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-BCT ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hóa chất;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Trên cơ sở các văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan; Biên bản họp ngày 23 tháng 5 năm 2025 thẩm định Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi

và góp ý công nghệ đối với dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” và Hồ sơ giải trình, chỉnh sửa, bổ sung của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam;

Sau khi xem xét, Cục Hóa chất thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” như sau:

I. Thông tin chung về Dự án

1. Tên Dự án: Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch

2. Mã số thông tin dự án (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Chưa có thông tin.

3. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm B, Loại Công trình hóa chất, Công trình cấp I, Thời hạn sử dụng theo thiết kế không nhỏ hơn 25 năm.

4. Người quyết định đầu tư: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

5. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ

- Tên Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam;

- Địa chỉ trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Điện thoại: (84-28) 3829 6620.

6. Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ cũ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai).

7. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng: 1.844.306.580.000 đồng (*Một nghìn tám trăm bốn mươi bốn tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tổng vốn đầu tư của Dự án: 2.188.500.000.000 (*Hai nghìn một trăm tám mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng*) (Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733, chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2017; chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 01 năm 2025 cấp bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai).

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn khác.

9. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có): 69 tháng kể từ khi Dự án được phê duyệt; không phân kỳ đầu tư.

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Áp dụng theo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn của Việt Nam và một số tiêu chuẩn nước ngoài.

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh CECO - TAM SON (Liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Son).

12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu khảo sát địa chất công trình: Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

- Nhà thầu khảo sát địa hình công trình: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại Trường Thành.

13. Nhà thầu thẩm tra: Liên danh Viện Kinh tế xây dựng, Bộ Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Bộ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

II. Hồ sơ trình thẩm định

1. Các văn bản pháp lý

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình:

+ Văn bản số 524/HCVN-ĐTXD ngày 07 tháng 4 năm 2020 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch;

+ Quyết định số 626/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733, chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2017; chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 01 năm 2025 cấp bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, mã số 0301446260, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam; mã số 0301446260-009, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2017; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp;

- Quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án:

+ Quyết định số 258/QĐ-KCNĐN ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 đối với dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch của

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

+ Các bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

- Quyết định phê duyệt và các bản vẽ có liên quan của quy hoạch được sử dụng làm căn cứ lập quy hoạch:

+ Quyết định số 4816/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Nhơn Trạch VI tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

+ Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu công nghiệp Nhơn Trạch VI tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch;

+ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 khu công nghiệp Nhơn Trạch 6 tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch;

+ Bản vẽ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI đã được phê duyệt.

- Quyết định số 2464/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch;

- Biên bản thỏa thuận đối nổi hạ tầng kỹ thuật ngày 08 tháng 05 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và đơn vị quản lý hạ tầng - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn.

- Hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 6 số 01/HĐTĐ-NT6C/VLXDSG-HCCB ngày 04 tháng 05 năm 2018;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM172254 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08 tháng 6 năm 2018.

- Quyết định số 958a/QĐ-HCCB ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi Gói thầu: " Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch" thuộc dự án "Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch" kèm nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.

2. Hồ sơ, tài liệu Dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra

2.1. Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án:

- Hồ sơ khảo sát địa chất công trình:

+ Nhiệm vụ khảo sát địa chất công trình do Công ty Cổ phần Thiết Kế Công Nghiệp Hóa Chất lập ngày 14 tháng 12 năm 2021;

+ Quyết định số 360/QĐ-HCCB ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa chất công trình;

+ Phương án kỹ thuật khảo sát địa chất công trình ngày 22 tháng 4 năm 2022 do Công ty Cổ phần Khoa Học Công nghệ Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh lập;

+ Quyết định số 490/QĐ-HCCB ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát địa chất công trình;

+ Báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình ngày 30 tháng 05 năm 2022 do Công ty Cổ phần Khoa Học Công nghệ Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh lập;

+ Quyết định số 654/QĐ-HCCB ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình.

- Hồ sơ giám sát khảo sát địa chất công trình:

+ Quyết định số 208/QĐ-CDCO ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CDCO về việc bổ nhiệm cán bộ giám sát khảo sát địa chất công trình Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch;

+ Đề cương giám sát khảo sát địa chất công trình ngày 05 tháng 5 năm 2022 do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CDCO lập;

+ Báo cáo định kỳ về công tác giám sát khảo sát địa chất công trình số 01/BCGS/CDCO ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CDCO;

+ Báo cáo định kỳ về công tác giám sát thí nghiệm và hoàn thành công việc khảo sát địa chất công trình số 02/BCGS/CDCO ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CDCO.

- Hồ sơ khảo sát địa hình:

+ Nhiệm vụ khảo sát địa hình do Công ty Cổ phần Thiết Kế Công Nghiệp Hóa Chất lập ngày 10 tháng 01 năm 2024;

+ Quyết định số 603/QĐ-HCCB ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa hình công trình;

+ Phương án kỹ thuật khảo sát địa hình công trình do Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Trường Thành lập ngày 18 tháng 6 năm 2024;

+ Quyết định số 684/QĐ-HCCB ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát địa hình công trình;

+ Báo cáo khảo sát địa hình công trình ngày 05 tháng 7 năm 2024 do Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Trường Thành lập;

+ Quyết định số 822/QĐ-HCCB ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát địa hình công trình.

- Hồ sơ giám sát khảo sát địa hình công trình:

+ Danh sách nhân sự thực hiện giám sát khảo sát địa hình công trình;

+ Đề cương giám sát khảo sát địa hình công trình do Công ty Cổ phần Xây Dựng Thương mại và Thiết kế Phương Anh lập ngày 25 tháng 6 năm 2024;

+ Báo cáo hoàn thành công việc giám sát khảo sát địa hình công trình số 22/TVXD ngày 01 tháng 7 năm 2024 do Công ty Cổ phần Xây Dựng Thương mại và Thiết kế Phương Anh lập.

2.2. Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và các phụ lục;

- Hồ sơ Thiết kế cơ sở bao gồm:

+ Thuyết minh thiết kế cơ sở và các phụ lục;

+ Bản vẽ thiết kế cơ sở.

- Báo cáo công nghệ;

- Mô hình thông tin công trình (BIM)

2.3. Báo cáo kết quả thẩm tra:

- Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” của Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học ngày 04 tháng 3 năm 2025;

- Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” của Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học

Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học (sau thẩm định) ngày 25 tháng 6 năm 2025.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

3.1. Nhà thầu khảo sát:

3.1.1. Nhà thầu khảo sát địa chất công trình: Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về tổ chức:

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00000105 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 11 tháng 11 năm 2019, có giá trị đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2027; Phạm vi hoạt động xây dựng: Khảo sát xây dựng hạng I.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 211/GCN-BXD do Bộ Xây dựng cấp ngày 20 tháng 3 năm 2019 (có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp); Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 238.

- Về cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm khảo sát:

+ Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Ông Võ Thanh Long, chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất công trình hạng I, số BXD-00001104 do Cục công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 06 tháng 5 năm 2022, có giá trị đến ngày 06 tháng 5 năm 2027.

3.1.2. Nhà thầu khảo sát địa hình: Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại Trường Thành

- Về tổ chức:

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00004536 do Cục công tác phía Nam - Bộ xây dựng cấp ngày 30 tháng 5 năm 2022, có giá trị đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2032; Phạm vi hoạt động xây dựng: khảo sát địa hình hạng I.

- Về cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm khảo sát:

+ Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Mạnh Hùng; chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng I, số BXD-00084740 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020, có giá trị đến ngày 07 tháng 02 năm 2025.

3.2. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh CECO - TAM SON (Liên danh Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Sơn)

- Về tổ chức:

(i) Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, mã số 0100103520, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006; đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 26 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp;

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00005662 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 11 tháng 10 năm 2022, có giá trị đến hết ngày 11 tháng 10 năm 2032; Phạm vi hoạt động xây dựng: thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà Công nghiệp, Công nghiệp (dầu khí) hạng I;

+ Giấy phép hoạt động điện lực số 54/GP-ĐTĐL do Cục điều tiết điện lực - Bộ Công Thương cấp ngày 16 tháng 6 năm 2023, có thời hạn hoạt động đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2028; Lĩnh vực hoạt động điện lực được cấp phép: tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 110kV;

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 51/GXN-PCCC do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 3 năm 2022; danh mục ngành nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy: tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;

+ Hồ sơ năng lực thực hiện BIM.

(ii) Công ty Cổ phần Thiết bị công nghệ Hóa chất Tam Sơn

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 248/GXN-PCCC do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 11 năm 2022; danh mục ngành nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy: tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy.

- Về cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế:

+ Chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế lắp đặt thiết bị: Ông Hoàng Trung Kiên, chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình hạng I, số BXD-00040453 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 10 tháng 11 năm 2021, có thời hạn đến ngày 10 tháng 11 năm 2026;

+ Chủ trì thiết kế kiến trúc: Ông Văn Đức Thắng, chứng chỉ hành nghề thiết kế kiến trúc công trình, số HAN-07-2024-09 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội cấp ngày 22 tháng 3 năm 2024, có thời hạn đến ngày 22 tháng 3 năm 2034;

+ Chủ trì thiết kế kết cấu: Bà Phạm Thị Thu Hiền, chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình hạng I, số BXD-00035860 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028;

+ Chủ trì thiết kế đường nội bộ: Ông Nguyễn Văn Cương, chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông hạng I, số BXD-00112925 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 29 tháng 12 năm 2020, có thời hạn đến ngày 29 tháng 12 năm 2025;

+ Chủ trì thiết kế điện: Ông Lã Thanh Toàn, chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình hạng I, số BXD-00040456 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028;

+ Chủ trì thiết kế phòng cháy và chữa cháy: Ông Hồ Hữu Nam, chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, số 1931/2023/PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp ngày 23 tháng 10 năm 2023;

+ Chủ trì lập phương án và giải pháp phòng cháy và chữa cháy: Ông Vũ Văn Dương, chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, số 0306/2024/PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp ngày 05 tháng 02 năm 2024;

+ Chủ trì thiết kế hạ tầng cấp thoát nước: Ông Nguyễn Ngọc Hồng, chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp - thoát nước công trình hạng I, số BXD-00035859 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028;

+ Chủ trì lập tổng mức đầu tư: Bà Mai Thị Lệ Thu, chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I, số BXD-00040450 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028.

- Chứng chỉ năng lực của nhân sự thực hiện BIM:

+ Ông Phạm Sơn Tùng, chứng nhận đã hoàn thành khóa học điều phối viên BIM cấp bởi Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam ngày 15 tháng 12 năm 2024;

+ Ông Nguyễn Hoàng Hải, chứng nhận đã hoàn thành khóa học BIM Manager cấp bởi Viện Tin học Xây dựng - Trường Đại học Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2024.

3.3. Nhà thầu tư vấn thẩm tra: Liên danh Viện Kinh tế xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Trung tâm Phát triển Công nghệ Hóa học

- Về tổ chức:

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001977 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 23 tháng 6 năm 2022, có giá trị đến hết ngày 23 tháng 6 năm 2032; Phạm vi hoạt động xây dựng: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạng I;

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 16/GXN-PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp ngày 07 tháng 3 năm 2023. Danh mục ngành nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy: tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.

+ Giấy phép hoạt động điện lực số 08/GP-SCT do Sở Công Thương thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 4 năm 2021, có thời hạn hoạt động đến hết ngày 28 tháng 4 năm 2026; lĩnh vực hoạt động điện lực được cấp phép: tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV;

- Về cá nhân đảm nhiệm chủ nhiệm thẩm tra thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế:

+ Chủ trì thẩm tra tổng mức đầu tư: Ông Vũ Quyết Thắng; chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I, số BXD-00030844 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 12 tháng 9 năm 2023, có thời hạn đến ngày 12 tháng 9 năm 2028;

+ Chủ trì thẩm tra phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án: Ông Nguyễn Đình Hiếu; chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I, số BXD-00030846 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 12 tháng 9 năm 2023, có thời hạn đến ngày 12 tháng 9 năm 2028;

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc: Bà Đỗ Quỳnh Điệp; chứng chỉ hành nghề thẩm tra thiết kế kiến trúc, số HAN-06-2022-142 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội cấp ngày 15 tháng 11 năm 2022, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2032;

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Ông Nguyễn Văn Thắng; chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình hạng I, số BXD-00010644 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2022, có thời hạn đến ngày 28 tháng 10 năm 2027;

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế cấp - thoát nước: Ông Nguyễn Chí Chính; chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp - thoát nước công trình hạng I, số BXD-00010655 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 19 tháng 9 năm 2022, có thời hạn đến ngày 19 tháng 9 năm 2027;

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế điện: Ông Đỗ Duy Thế; chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình hạng I, số BXD-00054542 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 13 tháng 6 năm 2024, có thời hạn đến ngày 13 tháng 6 năm 2029;

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế phòng cháy chữa cháy: Ông Nguyễn Duy Hà; chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, số 0820/2023/PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp ngày 05 tháng 6 năm 2023;

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế đường nội bộ: Ông Nguyễn Tài Lam Sơn; chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ hạng II, số HNT-00161369 do Ban chấp hành Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 09 tháng 01 năm 2023, có thời hạn đến ngày 09 tháng 01 năm 2028;

+ Chủ trì thẩm tra công nghệ: Ông Nguyễn Xuân Sinh, bằng tiến sĩ kỹ thuật, số 07061 do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 02 tháng 8 năm 2010;

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế lắp đặt thiết bị: Ông Phạm Văn Thi, chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình hạng I, số BXD-00177934 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, có thời hạn đến ngày 15 tháng 11 năm 2028.

III. Nội dung hồ sơ trình thẩm định

1. Quy mô xây dựng công trình

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đề nghị thẩm định Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” với các thông tin cơ bản như sau:

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 180.036 m², mật độ xây dựng 49,36%.

- Quy mô công suất sản xuất các sản phẩm của dự án là 307.900 tấn sản phẩm (quy về 100%)/năm.

TT	Sản phẩm	Quy cách sản phẩm	Quy mô sản lượng (tấn sản phẩm/năm; quy về 100%)				
			Hiện hữu	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		Tổng
					Giai đoạn 2.1	Giai đoạn 2.2	

TT	Sản phẩm	Quy cách sản phẩm	Quy mô sản lượng (tấn sản phẩm/năm; quy về 100%)				
			Hiện hữu	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		Tổng
					Giai đoạn 2.1	Giai đoạn 2.2	
	TỔNG		307.900				307.900
1	Sản phẩm chính		198.000				198.000
1.1	Xút	NaOH 10% - 50%	50.000	15.000	20.000	15.000	50.000
1.2	HCl	HCl 10% - 35%	38.000	14.000	14.000	10.000	38.000
1.3	Clo lỏng	Clo lỏng 99%	18.000	12.000	0	6.000	18.000
1.4	H ₂ SO ₄ kỹ thuật	H ₂ SO ₄ 50% - 100%	75.000	0	0	75.000	75.000
1.5	H ₃ PO ₄ kỹ thuật	H ₃ PO ₄ ≥ 85%	8.500	8.500	0	0	8.500
1.6	H ₃ PO ₄ (phụ gia thực phẩm)	H ₃ PO ₄ ≥ 85%	8.500	8.500	0	0	8.500
2	Sản phẩm phụ		109.900				109.900
2.1	Javen	Javen 4% - 12%	6.000	2.000	2.000	2.000	6.000
2.2	PAC	PAC lỏng 8% - 17%; PAC bột 28-31%	26.500	0	13.250	13.250	26.500
2.3	FeCl ₃	FeCl ₃ 36% - 45%	9.000	0	4.500	4.500	9.000
2.4	Natri silicat	Natri silicat M2.7; Natri silicat d1,5	15.000	0	7.500	7.500	15.000
2.5	Chloramin B, TCCA	Chloramin B 100%; TCCA 100%	950	0	0	950	950
2.6	H ₂ SO ₄ tinh khiết	H ₂ SO ₄ PA 32% - 97%	30.000	0	0	30.000	30.000
2.7	Magiê sunfat	Magiê sunfat kỹ thuật, phụ gia thực phẩm MgSO ₄ .7H ₂ O ≥ 99%	8.000	0	0	8.000	8.000
2.8	Nhôm sunfat	Al ₂ O ₃ 7% - 17%	5.000	0	0	5.000	5.000
2.9	Natri bisulfit	NaHSO ₃ 22% - 30%	1.000	0	0	1.000	1.000
2.10	KCl	KCl ≥ 99%	2.000	2.000	0	0	2.000
	KCl (phụ gia thực phẩm)	KCl ≥ 99%					
	MAP (phụ gia thực phẩm)	NH ₄ H ₂ PO ₄ 96% - 102%	1.000	1.000	0	0	1.000
	MKP (phụ gia thực phẩm)	KH ₂ PO ₄ ≥ 98%					
2.11	Calci clorid	CaCl ₂ .2H ₂ O ≥ 95%	3.000	3.000	0	0	3.000
	Calci clorid (phụ gia thực phẩm)	CaCl ₂ .2H ₂ O 99% - 107%					

TT	Sản phẩm	Quy cách sản phẩm	Quy mô sản lượng (tấn sản phẩm/năm; quy về 100%)				
			Hiện hữu	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		Tổng
					Giai đoạn 2.1	Giai đoạn 2.2	
	Calci clorid dung dịch	CaCl ₂ 400 g/L					
2.12	MAP	NH ₄ H ₂ PO ₄ ≥ 98%	2.000	2.000	0	0	2.000
	DAP	(NH ₄) ₂ HPO ₄ ≥ 98%					
	MKP	KH ₂ PO ₄ ≥ 98%					
	NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O	NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O ≥ 98%					
	Na ₂ HPO ₄ .12H ₂ O	Na ₂ HPO ₄ .12H ₂ O ≥ 98%					
	Na ₃ PO ₄ .12H ₂ O	Na ₃ PO ₄ .12H ₂ O ≥ 98%					
2.13	NH ₄ OH	NH ₃ ≥ 25%	450	450	0	0	450
		NH ₃ ≥ 19%					

(theo Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi)

- Các hạng mục của Dự án như sau:

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GD 1	GD 2.1	GD 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
01	Khu vực nhà kho							
	1.1	Nhà kho NX-1 (Kho nguyên liệu)	1.080	1	x			II
	1.2	Nhà kho NX-2 (Kho thành phẩm)	1.080	1	x			II
	1.3	Nhà kho NX-2 (Kho vật tư)	648	1	x			III
02	Nhà xưởng số 2 (Đất dự phòng)		5.582					
03	Khu vực sản phẩm gốc phốt phát và các sản phẩm khác							
	3.1	Nhà kho số 3.1 (Kho phốt pho)	288	1	x			II
	3.2	Nhà kho số 3.2 (Kho phụ gia thực phẩm)	288	1	x			III
	3.3	Nhà xưởng số 3.3 (Xưởng H ₃ PO ₄ kỹ thuật)	432	1	x			III
	3.4-1	Nhà xưởng số 3.4 (Xưởng H ₃ PO ₄ thực phẩm)	1.296	1	x			III
	3.4-2	Nhà xưởng số 3.4 (Khu vực chiết can)	288	1	x			III
	3.5	Khu vực thiết bị ngoài trời số 3.5 (Kho bồn H ₃ PO ₄)	288		x			II
	3.6	Nhà xưởng số 3.6 (Đất dự phòng)	864		x			

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GD 1	GD 2.1	GD 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
04	Khu vực FeCl₃							
	4.1-1	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng FeCl ₃)	864	1		x		III
	4.1-2	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng PAC)	1.944	1		x		III
	4.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (FeCl ₃ ngoài trời)	288			x		
	4.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (PAC ngoài trời)	144			x		
	4.2-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (Đất dự phòng)	288					
	4.2-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (Đất dự phòng)	216					
05	Khu vực Clo lỏng							
	5.1	Nhà kho số 5.1 (Kho Clo lỏng)	1.380	1	x	x		II
	5.2	Nhà xưởng số 5.2 (Xưởng hóa lỏng Clo)	1.008	1	x	Móng thiết bị		III
	5.3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 5.3 (khu vực sấy khô Clo, khu vực Chiller, khu vực Javen, xử lý Clo khẩn cấp)	1.200		x	x		
	5.4	Nhà phụ trợ số 5.4 (Nhà giao ca, nhà văn phòng xưởng Clo)	80	1	x			IV
06	Khu vực điện phân							
	6.1-1	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng khí nén)	180	1	x			III
	6.1-2	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng chính lưu)	540	1	x	Móng thiết bị		III
	6.2	Nhà xưởng số 6.2 (Xưởng điện phân)	1.200	1	x	Móng thiết bị		III
	6.3	Nhà xưởng số 6.3 (Xưởng điều dụng)	360	3	x	x		III
	6.7	Khu vực thiết bị ngoài trời số 6.7 (khu vực phân phối NaOH 32%)	80		x			
	6.8	Nhà để máy phát điện	196	1	x			III
	6.9	Trạm phân phối điện số 1	560	1	x	Móng thiết bị		III
07	Nhà hành chánh-văn phòng (đất dự phòng)		2.1412					
08	Nhà xưởng số 8 (đất dự phòng)		7.797					
09	Trung tâm điều khiển							

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GD 1	GD 2.1	GD 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
	9	Nhà KCS - Điều khiển trung tâm	500	3	x			III
10	Khu vực axit HCl							
	10.1	Nhà phụ trợ số 10.1 (nhà tủ điện)	96	1	x	x		III
	10.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (khu vực axit HCl)	480		x			III
	10.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (khu vực hệ nito)	100		x			
11	Khu vực Cooling-Vô khoáng-Nồi hơi-PAC bột							
	11.1	Nhà kho số 11.1 (Kho PAC bột)	864	1	x			II
	11.2	Nhà xưởng số 11.2 (Nhà nồi hơi)	240	1	x			III
	11.3-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu vực PAC bột)	540			x		
	11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu bồn dầu)	288		x			
	11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (phân phối hơi)	120		x			
	11.3-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (cooling tower)	900		x			III
	11.3-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (Hệ cô xút)	153			x		
	11.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.4 (khu vực hệ vô khoáng, bồn chứa nước thủy cục - PCCC)	546,7		x			III
12	Khu vực Axit Sunfuric tinh khiết							
	12.1	Trạm phân phối điện số 2	384	1	x			III
	12.2	Nhà xưởng số 12.2 (Xưởng axit sunfuric tinh khiết)	1.152	1		x		III
	12.3	Đất Nhà xưởng số 12.3 (dự phòng)	1.152					
	12.4	Trạm NG (ngoài trời)	176			x		
13	Khu vực kho bồn							
	13.1	Khu vực kho bồn chứa thành phẩm	8.692,5		x	Móng thiết bị		II
	13.2	Nhà bảo vệ - Giao hàng	306,72	1	x			IV
	13.3	Khu vực trạm cân	126		x			
14	Khu vực sản xuất Axit Sunfuric và sản phẩm gốc Sunfat							
	14.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.1 (khu vực Axit Sunfuric)	900			x		III

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GD 1	GD 2.1	GD 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
	14.2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.2 (khu vực tháp Axit Sunfuric - Bisunfit)	775			x		II
	14.3	Nhà xưởng số 14.3 (Nhà nấu chảy lưu huỳnh)	135	1		x		III
	14.4	Nhà xưởng số 14.4 (Kho lưu huỳnh)	1.980	1		x		III
	14.5	Nhà xưởng số 14.5 (Nhà quạt gió)	144	1		x		III
	14.6	Nhà phụ trợ số 14.6 (Nhà thay ca - Điều khiển xưởng dây chuyền H ₂ SO ₄)	108	2		x		III
	14.7	Nhà xưởng số 14.7 (Xưởng phèn)	900	1		x		III
	14.8	Nhà xưởng số 14.8 (Xưởng Magie Sunfat)	864	1		x		III
	14.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.9 (khu vực Magie Sunfat ngoài trời)	190			x		
	14.10	Nhà phụ trợ số 14.10 (Nhà giao ca Magie Sunphat)	40	1		x		III
	14.11	Đất Nhà xưởng số 14.11 (Dự phòng)	1.440					
	14.12	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.12 (Dự phòng)	1.440					
	14.13	Đất Nhà xưởng số 14.13 (Dự phòng)	900					
15	Bãi muối		11.663		x			
16	Khu vực điều chế nước muối							
	16.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.1 (khu vực nước muối tái bão hòa)	60		x			
	16.2	Nhà xưởng số 16.2 (Nhà hòa tan)	450	1	x			III
	16.3	Nhà xưởng số 16.3 (Nhà tinh chế nước muối thứ cấp)	300	3	x			III
	16.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.4 (Hồ chứa nước muối thu gom)	168		x			IV
	16.5-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (khu vực lọc nước muối-1)	16		x			IV
	16.5-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (Hồ chứa nước muối rửa)	40		x			IV
	16.6	Nhà xưởng số 16.6 (Nhà pha chế nước muối thức cấp)	46	2	x			III
	16.7	Nhà xưởng số 16.7 (Khu vực lọc nước muối-2)	170	1		x		III

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GĐ 1	GĐ 2.1	GĐ 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
	16.8	Nhà phụ trợ số 16.8 (Nhà giao ca)	40	1	x			IV
	16.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.9 (khu vực bồn lắng nước muối)	792		x			IV
	16.10	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.10 (khu vực bồn chứa bùn muối)	182		x			IV
	16.11	Nhà xưởng số 16.11 (Nhà tinh chế nước muối sơ cấp - kho hóa chất)	240	4	x			III
	16.12	Nhà phụ trợ số 16.12 (Nhà vận hành và tủ điện sơ cấp)	96	1	x			III
	16.13	Nhà xưởng số 16.13 (Nhà ép bùn - chứa bùn)						III
		Nhà ép bùn	104	2	x			
		Nhà chứa bùn	96	1	x			
17	Khu vực silicat							
	17.1	Nhà xưởng số 17.1 (Xưởng silicat)	1.728	1		x		III
	17.2	Nhà xưởng số 17.2 (Kho cát)	756	1		x		III
	17.3	Khu vực kho ngoài trời số 17.3 (Kho cát ngoài trời)	733,09			x		
	17.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 17.4 (khu vực thiết bị súc rửa xe)	72		x			IV
	17.5	Nhà xưởng số 17.5 (Xưởng cơ điện)	540	1	x			III
18	Khu vực Composit - Xử lý nước thải							
	18.1	Nhà xưởng số 18.1 (Xưởng composit)	864	1		x		III
	18.2-1	Nhà kho số 18.2 (Kho chất thải công nghiệp)	144	1	x			III
	18.2-2	Nhà kho số 18.2 (Nhà kho chất thải nguy hại)	144	1	x			II
	18.2-3	Nhà kho số 18.2 (Nhà kho phế liệu)	288	1	x			III
	18.3	Khu vực kho ngoài trời số 18.3 (Bãi vật tư thu hồi)	288		x			
	18.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 18.4 (khu vực xử lý nước thải)	384,12		x			III
	18.5	Nhà phụ trợ số 18.5 (Nhà điều hành xlnt)	24	1	x			III
19	TT	Tổng thể						
		Nhà bảo vệ (Số lượng: 03, trong đó 01 tại trục đường số 7 (DT771C), 02 tại trục đường số 10	24/nhà	1	x			IV
		Hàng rào loại 1 (dài 1.359m; cao 2m)	2.718		x			IV

KV	Vị số	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng	GD 1	GD 2.1	GD 2.2	Cấp công trình xây dựng (theo quy mô kết cấu)
		Hàng rào loại 2 (dài 417,36m; cao 2m)	835		x			IV
		Hệ thống cấp nước						III
		Hệ thống thoát nước mưa						III
		Hệ thống thoát nước thải						III
		Hệ thống đường nội bộ						IV
		Hệ thống giàn đỡ ống						III

(theo Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi)

- Bảng chỉ tiêu xây dựng chính của dự án:

TT	Lô đất nhà máy, kho tàng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Xây dựng công trình	87.380,37	49,36
1	Nhà xưởng, nhà kho	84.335,24	47,64
2	Hành chính, dịch vụ	3.045,13	1,72
II	Công trình hạ tầng kỹ thuật-phụ trợ	3.115,62	1,76
III	Cây xanh	36.519,85	20,63
IV	Giao thông, sân bãi	50.018,16	28,25
	Diện tích lô đất nhà máy, kho tàng	177.034,00	100,00
V	Đất thuộc Dự án đường ĐT.771C (Đường đi cảng Phước An)	3.002,00	
	Tổng diện tích đất	180.036,00	

(theo Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi)

(Chi tiết nội dung xây dựng và phương án thiết kế chính của các hạng mục công trình tại Phụ lục 1)

2. Giải pháp hạ tầng kỹ thuật của dự án

a) Giao thông nội bộ và sân bãi

- Tuyến đường thiết kế với quy mô đường cấp III (dùng cho khu vực giao nhận hàng), đường bê tông xi măng cấp D (dùng cho khu vực sản xuất).

- Các tuyến giao thông trong khu vực lập dự án có bề rộng mặt đường từ 4 - 17,5 m, bề rộng vỉa hè 2 bên mỗi bên 1 m.

b) Hệ thống cấp nước

- Hiện trạng cấp nước: Cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt được lấy từ nguồn nước thủy cục của Khu công nghiệp đi ngầm sát ranh hàng rào dự án.

- Nước được chứa trong 1 bể chứa chung để cấp nước cho toàn bộ hệ

thống cấp nước sản xuất, sinh hoạt, chăm sóc cây xanh và dự phòng cấp nước chữa cháy của nhà máy.

+ Đối với nước sử dụng làm mát cho các công đoạn liên quan và chữa cháy, chăm sóc cây xanh: Sử dụng trực tiếp nước thủy cục.

+ Đối với nước sử dụng pha chế dung dịch sản xuất: Sử dụng trực tiếp nước thủy cục hoặc được xử lý bằng cụm xử lý nước cấp sản xuất đạt yêu cầu kỹ thuật trước khi sử dụng.

+ Đối với nước cấp cho sinh hoạt: Nước uống đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn số QCVN 01:2018/BYT. Nước cho nhu cầu vệ sinh cá nhân sử dụng trực tiếp nguồn nước thủy cục.

- Tổng công suất tiêu thụ nước của dự án: 874.263 m³/năm.

c) Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước riêng, được thiết kế đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Nước được thu gom vào các tuyến rãnh hình chữ nhật bằng BTCT dày 200 mm có bề rộng mặt cắt ngang từ B400 đến B800, ... BTCT dày 20 cm; cống BTCT đường kính từ D800 đến D1500 đặt tại những vị trí đầu nối vào ga thoát nước của khu công nghiệp.

- Nhu cầu xử lý nước thải của dự án: 347,43 m³/ngày.

+ Nước thải công nghiệp: 298,23 m³/ngày.

+ Nước thải sinh hoạt: 49,2 m³/ngày.

- Nước thải công nghiệp được bơm từ các hố thu tại các phân xưởng cùng với nước thải sinh hoạt đã xử lý tập trung về Bể điều hòa và đưa về hệ thống xử lý nước thải của dự án có công suất 500 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý được kiểm tra chất lượng nước thải đạt quy định đầu nối của KCN sẽ được đưa qua nguồn tiếp nhận KCN Nhơn Trạch VI. Nếu nước thải sau xử lý có hàm lượng Cl⁻ ≥ 1000 mg/Nm³ sẽ được đưa qua hệ thống lọc RO, phần nước có hàm lượng Cl⁻ cao sẽ được tái sử dụng ở công đoạn hòa tan, phần nước sạch sẽ được tái sử dụng cho sản xuất.

d) Hệ thống điện

- Kéo mới 2 tuyến cáp trung thế 24kV-12.8MVA trên trục đường DT.771C cấp nguồn cho 2 tủ trung thế tại trạm điện số 1, phục vụ cấp điện cho 3 máy biến thế chính lưu và 2 máy biến thế dầu 5.000 kVA (hiện hữu). Cáp trung thế CXV/DSTA 3C-300mm² được luồn trong ống xoắn HDPE D195/150 chôn ngầm, có bảo vệ bằng lớp gạch thẻ và băng cảnh báo.

- Kéo mới 1 tuyến cáp trung thế 24kV-10MVA trên trục đường DT.771C cấp nguồn cho 1 tủ trung thế tại trạm điện số 2, phục vụ cấp điện cho 2 máy biến thế dầu 5.000 kVA (1 máy hiện hữu và 1 máy đầu tư mới). Cáp trung thế

CXV/DSTA 3C-300mm² được luồn trong ống xoắn HDPE D195/150 chôn ngầm, có bảo vệ bằng lớp gạch thẻ và băng cảnh báo, có độ sâu tối thiểu 1.0 mét.

- Xây dựng 2 trạm biến thế riêng lẻ sử dụng máy biến thế loại biến thế dầu. Máy biến thế phải được thiết kế phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn Việt nam và phải được chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền trước khi đưa vào sử dụng.

- Tổng công suất điện của Dự án khoảng 35,6 MVA.

e) Phòng cháy chữa cháy

Hệ thống PCCC cho Công trình bao gồm:

- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường;
- Hệ thống chữa cháy ngoài nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler;
- Hệ thống chữa cháy sol khí;
- Phương tiện chữa cháy ban đầu: gồm các bình chữa cháy tại chỗ.

Giải pháp thiết kế PCCC:

- Xác định chiều cao an toàn PCCC, số tầng, nhóm nhà, hạng nguy hiểm cháy nổ, cấp nguy hiểm cháy các hạng mục công trình để áp dụng các quy định về PCCC.

- Giải pháp thiết kế đường giao thông, bãi đỗ xe chữa cháy.
- Giải pháp thiết kế khoảng cách an toàn PCCC.
- Giải pháp thiết kế về phân chia khoang cháy, ngăn cháy lan, lối thoát nạn.

IV. Phạm vi, cơ sở và nguyên tắc thẩm định

1. Cơ sở thẩm định

Cục Hóa chất nhận được Tờ trình số 374/TTr-HCCB ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây viết tắt là Công ty) trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”. Căn cứ quy định tại Điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, Cục Hóa chất tổ chức thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án.

2. Phạm vi thực hiện thẩm định: Thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc thẩm định: Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

V. Kết quả thẩm định

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” được lập cơ bản đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; khoản 12 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu khảo sát xây dựng, Nhà thầu tư vấn thẩm tra (được nêu tại Mục II.3 văn bản này) có chứng chỉ năng lực, lĩnh vực, phạm vi hoạt động và thời hạn phù hợp với công việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Chủ nhiệm khảo sát, Chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra (được nêu tại Mục II.3 Văn bản này) có chứng chỉ hành nghề, lĩnh vực, phạm vi hoạt động và thời hạn phù hợp với công việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch làm cơ sở lập dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 175/2024/NĐ-CP.

- Về sự phù hợp của thiết kế cơ sở đối với quy hoạch xây dựng: Theo báo cáo thẩm tra, thiết kế cơ sở của Dự án về cơ bản phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch tại Quyết định số 258/QĐ-KCNĐN ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 đối với dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (chi tiết các chỉ tiêu cơ bản của Dự án được đánh giá tại Phụ lục 2).

- Về sự phù hợp với Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất: Mục tiêu của Dự án là sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản (NaOH, HCl, H₃PO₄, H₂SO₄...). Mục tiêu của Dự án cơ bản phù hợp với Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (phân ngành hóa chất cơ bản).

- Về vị trí công trình: Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi, địa điểm xây dựng dự án tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai có diện tích 180.036 m², phù hợp với địa điểm thực hiện Dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định 175/2024/NĐ-CP.

Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch tại KCN Nhơn Trạch VI thuộc trường hợp di dời từ KCN Biên Hòa I về KCN Nhơn Trạch VI và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận di dời 3 nhà máy sản xuất hóa chất tại Khu công nghiệp Biên Hòa I của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI tại văn bản số 1366/TTg-CN ngày 12/9/2017.

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch về cơ bản phù hợp với chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại văn bản số 524/HCVN-ĐTĐXD ngày 07/4/2020 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733 lần đầu ngày 10/02/2017, thay đổi lần thứ hai ngày 22/01/2025 của Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai (chi tiết các nội dung của Dự án được đánh giá tại Phụ lục 3).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

Dự án đã có Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật ký ngày 8 tháng 5 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam bao gồm các vị trí đầu nối điện, cấp nước, thoát nước thải, thoát nước mưa, giao thông công, tường rào.

Về khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật:

- Về cấp nước: Tổng công suất tiêu thụ nước của dự án là 874.263 m³/năm.

- Về thoát nước: Nhu cầu xử lý nước thải của dự án là 347,43 m³/ngày.

- Về cấp điện: Tổng công suất điện của Dự án khoảng 35,6 MVA.

Theo báo cáo thẩm tra, dự án đã có Hợp đồng số 01/HĐTĐ-NT6C/VLXDSG-HCCB ngày 04 tháng 5 năm 2018 thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Nhơn Trạch VI giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn với Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về đảm bảo dự án được sử dụng toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu Công nghiệp Nhơn Trạch VI và bên cho thuê đất đảm bảo năng lực hạ tầng luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sử dụng của dự án trong suốt thời gian thuê đất.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về đảm bảo an toàn xây dựng: Giải pháp Thiết kế cơ sở do đơn vị Tư vấn lựa chọn đã được Tư vấn thẩm tra kiểm tra tính toán và kết luận đảm bảo khả năng an toàn xây dựng.

Về thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường: Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã có Quyết định số 2464/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025 phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch. Các giải pháp về bảo vệ môi trường của Nhà máy được nêu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi về cơ bản phù hợp với Quyết định phê duyệt đã được cấp.

- Về thực hiện các quy định về phòng, chống cháy, nổ: Theo báo cáo thẩm tra, giải pháp thiết kế PCCC tại giai đoạn Thiết kế cơ sở bao gồm: (a) Khoảng cách phòng cháy chữa cháy, (b) Đường bộ, bãi đỗ phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, (c) Giải pháp thoát nạn, (d) Bậc chịu lửa công trình, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, (đ) Giải pháp chống khói. Giải pháp thiết kế PCCC phù hợp giai đoạn Thiết kế cơ sở, đảm bảo phù hợp Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng. Lưu ý, trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, Chủ đầu tư cần chủ động thực hiện đúng quy định về PCCC tại Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác có liên quan.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Theo báo cáo thẩm tra, các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho Dự án đã được Chủ đầu tư kiểm tra, xác nhận phù hợp với các quy định hiện hành. Việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng cần đảm bảo tính đồng bộ và khả thi, tuân thủ theo Điều 6 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 10 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

- Chủ đầu tư cần chủ động rà soát, cập nhật các quy chuẩn, tiêu chuẩn mới ban hành, thay thế các quy chuẩn, tiêu chuẩn hết hiệu lực đảm bảo tuân thủ các quy định tại Điều 6 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 10 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP trong giai đoạn tiếp theo.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

Theo công văn số 526/HCCB-ĐTXD ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam về việc bổ sung, làm rõ hồ sơ trình thẩm định dự án, Chủ đầu tư giải trình nguồn vốn của Dự án là vốn khác do đó không thuộc đối tượng phải thẩm định về tổng mức đầu tư. Tuy nhiên, đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu các quy định về chi phí quản lý đầu tư xây dựng để bố trí đầy đủ kinh phí theo quy định và bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn.

VI. Kết quả góp ý về công nghệ của Dự án

1. Sự phù hợp của công nghệ, máy móc, thiết bị với phương án được lựa chọn trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định khác của pháp luật có liên quan:

Các công nghệ sản xuất của dự án là công nghệ tiên tiến (công nghệ màng trao đổi ion) hoặc công nghệ phổ thông, được áp dụng rộng rãi hiện nay. Theo luật chuyển giao công nghệ 07/2017/QH14 và phụ lục II, III Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chuyển giao công nghệ, Công nghệ áp dụng cho dự án không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc cấm chuyển giao.

Dự án sử dụng các công nghệ hiện tại của nhà máy. Các dây chuyền sản xuất được tận dụng tối đa từ 3 nhà máy của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam. Các thiết bị được di dời từ các nhà máy cũ, đồng thời một số thiết bị được đầu tư mới, có xuất xứ từ các nhà cung cấp đảm bảo chất lượng. Phương án công nghệ, máy móc, thiết bị được lựa chọn cho dự án phù hợp với phương án đã được lựa chọn trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư.

Dự án được thiết kế với mục tiêu sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản với tổng công suất 307.900 tấn/năm phù hợp với quy mô dự án đã được chứng nhận trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733, chứng nhận lần đầu ngày 10/02/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 22/01/2025.

2. Sản phẩm, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm

Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của dự án đã được nêu trong thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi. Theo báo cáo thẩm tra, chất lượng các sản phẩm đáp ứng được các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành.

Thị trường của từng sản phẩm đã được Công ty đưa phương án trong Báo cáo nghiên cứu khả thi. Các sản phẩm của các nhà máy được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp, trong đời sống và đã có chỗ đứng trong thị trường nội địa. Việc di dời nhà máy không làm thay đổi đáng kể đến cơ cấu phân phối, kênh tiêu thụ và thị phần của sản phẩm.

3. Sự phù hợp, khả năng đáp ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho việc vận hành công nghệ, máy móc, thiết bị:

Nguyên liệu chính của dự án là gồm: Muối nguyên liệu, lưu huỳnh, phụ gia các loại,...

Nguồn cung cấp các loại nguyên liệu này được tiếp tục mua từ các nhà cung ứng hiện hữu đang cung cấp hoặc các nhà cung cấp mới.

Theo báo cáo thẩm tra, nguyên liệu, nhiên liệu đã được tính toán và cân đối để đảm bảo phù hợp với công suất và công nghệ sản xuất.

4. Chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ, máy

Hồ sơ dự án đã có nội dung về chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ.

Trong giai đoạn sau, Chủ đầu tư cần nghiên cứu và bổ sung chi tiết chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo chất lượng và hiệu quả vận hành nhà máy.

5. Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật:

Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật đã được Chủ đầu tư thể hiện trong hồ sơ dự kiến là:

- Chi phí thiết bị: 457.734.298.000 đồng ;
- Chi phí đào tạo nhân sự vận hành: 1.222.644.000 đồng.

VI. Kết luận

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cửa dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch” đủ điều kiện để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu Chủ đầu tư chủ động rà soát, hoàn thiện các nội dung sau:

- Giá trị Tổng mức đầu tư Dự án do Chủ đầu tư trình thẩm định có khác biệt với Tổng vốn đầu tư Dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4342161733, thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 01 năm 2025. Tại giai đoạn tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư báo cáo Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu cần thiết theo quy định.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính xác thực, pháp lý của hồ sơ; tính hợp lý, chính xác của các giải pháp thiết kế. Trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo, Chủ đầu tư chú ý tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; phòng, chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự thay đổi các nội dung trong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi so với hồ sơ trình phê duyệt, Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo với cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là thông báo của Cục Hóa chất về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và góp ý về công nghệ của dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở CT tỉnh Đồng Nai;
- BQL Các Khu Công nghiệp Đồng Nai;
- Lưu: VT, CNHC.

CỤC TRƯỞNG



Phùng Mạnh Ngọc

PHỤ LỤC 1

(kèm theo Công văn số 1481/HC-CNHC ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Cục Hóa chất)

Phương án thiết kế chính của các hạng mục công trình thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
1	Khu vực nhà kho							
1.1	Nhà kho NX-1 (Kho nguyên liệu)	36	30	13,6	1.080	1.080	1	Phần chung: - 03 hạng mục nhà kho bố trí riêng biệt trong một công trình có tường lửng ngăn giữa các nhà kho Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đai kiềng, cốt cột: BTCT. Phần thân: - Tường xây gạch kết hợp mái lợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng. - Cửa đi chính: 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy. - Nền kho: BTCT B20. - Nền văn phòng kho hoàn thiện lát gạch. - Nền nhà giao ca lát gạch chống trơn. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
1.2	Nhà kho NX-1 (Kho thành phẩm)	36	30	13,6	1.080	1.080	1	
1.3	Nhà kho NX-1 (Kho vật tư)	36	18	13,6	648	648	1	
2	Nhà xưởng số 2 (Đất dự phòng)							Cây xanh, thảm cỏ
3	Khu vực sản phẩm gốc phốt phát và các sản phẩm khác							
3.1	Nhà kho số 3.2 (Kho phốt pho)	24	12	10,12	288	288	1	Phần chung: - 04 hạng mục được bố trí chung trong một công trình..

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
3.2	Nhà kho số 3.3 (Kho phụ gia thực phẩm)	24	12	10,12	288	288	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột BTCT. - Tường xây gạch kết hợp mái lợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng hoặc để trống. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm: cửa ngăn cháy - Nền bằng bê tông xi măng. - Nền văn phòng xưởng hoàn thiện lát gạch. - Nền nhà giao ca và kho phụ gia thực phẩm lát gạch chống trơn Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn tôn gàn
3.3	Nhà xưởng số 3.3 (Xưởng H ₃ PO ₄ kỹ thuật)	24	18	15,92	432	708	1	
3.4-1	Nhà xưởng số 3.4 (Xưởng H ₃ PO ₄ thực phẩm)	54	24	15,92	1.296	1.540	1	
3.4-2	Nhà xưởng số 3.4 (Khu vực chiết can)	24	12	15,92	288	308	1	
3.5	Khu vực thiết bị ngoài trời số 3.5 (Kho bồn H ₃ PO ₄)	19	12		228			- Nền kho bồn: bê tông xi măng - Tường gạch bao khu bồn - Móng bồn BTCT
4	Khu vực FeCl ₃							Phần chung: - 02 hạng mục được bố trí chung trong một công trình, có tường xây ngăn giữa các hạng mục. Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp
4.1-1	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng FeCl ₃)	36	24	15	864	1.100	1	
4.1-2	Nhà xưởng số 4.1 (Xưởng PAC)	36	54	15	1.944	2.240	1	

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								- Tường xây gạch kết hợp mái lợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng hoặc để trống. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Nền: bê tông xi măng. - Nền văn phòng xưởng hoàn thiện lát gạch. - Nền nhà giao ca lát gạch chống trơn. Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn tôn gân
4.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (FeCl3 ngoài trời)	24	12		288			Phần chung: - Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn tôn gân
4.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 4.2 (PAC ngoài trời)	12	12		144			
5	Khu vực clo lỏng							
5.1	Nhà kho số 5.1 (Kho clo lỏng)	69	20	14,06	1.380	1.380	1	Phần chung: - 02 hạng mục được bố trí chung trong một công trình, có cao độ mái khác nhau. Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Tường xây gạch kết hợp mái lợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng hoặc để trống. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính
5.2	Nhà xưởng số 5.2 (Xưởng hóa lỏng clo)	42	24	11,36	1.008	1.380	1	

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								cường lực. - Nền: bê tông xi măng. Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn tôn gân
5.3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 5.3 (khu vực sấy khô clo, khu vực chiller, khu vực javen, xử lý clo khẩn cấp)	50	24		1.200			Phần chung: - Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn tôn gân
5.4	Nhà phụ trợ số 5.4 (Nhà giao ca, nhà văn phòng xưởng clo)	20	4	4,6	80			Phần móng: - Móng BTCT - Đai kiêng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền nhà thay ca lát gạch ceramic chống trượt - Nền nhà văn phòng lát gạch ceramic - Cửa đi, cửa sổ kính, khung sắt sơn tĩnh điện - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy Phần mái: - Mái BTCT lát gạch đất nung chống nóng.
6	Khu vực điện phân							
6.1-1	Nhà xưởng số 6.1	15	12	10	180		1	Phần chung:

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
	(Xưởng khí nén)							
6.1-2	Nhà xưởng số 6.1 (Xưởng chính lưu)	36	15	10	540		1	- Hạng mục được bố trí hợp khối chung trong một công trình, có tường xây ngăn giữa các hạng mục. Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột BTCT - Tường xây gạch kết hợp mái lợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy. - Nền xưởng: bê tông xi măng. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
6.2	Nhà xưởng số 6.2 (Xưởng điện phân)	48	25	15,71	1.200		1	Phần chung: - Hạng mục được bố trí hợp khối chung trong một công trình, có tường xây ngăn giữa các hạng mục. Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột BTCT - Tường xây gạch kết hợp mái lợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy. - Nền xưởng: bê tông xi măng - Nền văn phòng xưởng hoàn thiện lát gạch. Trần thạch cao khung nổi - Nền nhà giao ca lát gạch chống trơn. Trần thạch cao chống ẩm khung nổi.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT. Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn, bậc thang lót tấm FRP. Lan can sàn và cầu thang bằng FRP
6.3	Nhà xưởng số 6.3 (Xưởng điều dụng)	36	10	16,0	360	1.080	3	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Không có tường bao che - Nền: bê tông xi măng - Sàn FRP trên khung kết cấu thép tổ hợp Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT. Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn, bậc thang lót tấm FRP. Lan can sàn và cầu thang bằng FRP
6.7	Khu vực thiết bị ngoài trời số 6.7 (khu vực phân phối NaOH 32%)	10	8		80			- Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT
6.8	Nhà để máy phát điện	14	14	6,6	196	196	1	Phần chung: - 02 hạng mục bố trí chung trong một công trình có tường/vách ngăn chia giữa các hạng mục. Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT.
6.9	Trạm phân phối điện số 1	40	14	6,6	560	560	1	

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền bê tông xi măng - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy Phần mái: - Mái BTCT lát gạch đất nung chống nóng.
7	Nhà hành chánh-văn phòng (đất dự phòng)				2.142			Cây xanh, thảm cỏ
8	Nhà xưởng số 8 (đất dự phòng)				7.797			Cây xanh, thảm cỏ
9	Trung tâm điều khiển							
9.1	Nhà KCS - Điều khiển trung tâm	25	20	15,95	500	1.500	3	Phần chung: - Mặt bằng công trình có dạng chữ nhật, các tầng được bố trí ngăn chia thành các phòng chức năng. Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền bê tông xi măng, lát gạch ceramic - Sàn tầng 1 và 2 bằng BTCT, lát gạch ceramic - Nền sàn nhà vệ sinh, khu vực thay ca, tường lát gạch ceramic - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm - Mái ô cầu thang bằng BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.
10	Khu vực axit HCl							
10.1	Nhà phụ trợ số 10.1 (nhà tù điện)	16	6	4,45	96	96	1	Phần chung: - Mặt bằng công trình có dạng chữ nhật, được ngăn chia thành 03 phòng chức năng. Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền nhà lát gạch ceramic - Cửa đi, cửa sổ kính, khung sắt sơn tĩnh điện - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.
10.2-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2 (khu vực axit HCl)	30	16		480			Khung đỡ tháp axit: - Móng cọc BTCT - Khung đỡ tháp kết cấu thép tổ hợp Khu vực thiết bị ngoài trời: - Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT
10.2-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 10.2	10	10		100			- Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
	(khu vực hệ nitor)							- Móng thiết bị BTCT
11	Khu vực cooling - vô khoáng - nổi hơi - PAC bột							
11.1	Nhà kho số 11.1 (Kho PAC bột)	48	18	9,45	864	864	1	Phần chung: - Mặt bằng công trình có dạng chữ nhật, bố trí ngăn chia thành các phòng: khu vực vận hành và tủ điện, khu vực nhà kho PAC bột, khu vệ sinh. - Nền khu vực vận hành, tủ điện lát gạch ceramic - Khu vực vận hành, tủ điện bố trí cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy - Nền khu vực giao ca, tường lát gạch ceramic Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Tường bao che xây gạch kết hợp lợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Nền: bê tông xi măng. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
11.2	Nhà xưởng số 11.2 (Nhà nổi hơi)	20	12	10,4	240	240	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột BTCT - Tường xây gạch kết hợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy - Nền kho bằng bê tông xi măng

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm.
11.3-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu vực PAC bột)	30	18		540			Khung đỡ tháp sấy PAC: - Móng cọc BTCT - Khung đỡ tháp kết cấu thép tổ hợp Khu vực thiết bị ngoài trời: - Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT
11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (khu bồn dầu)	18	16		288			- Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT
11.3-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (phân phối hơi)	20	6		120			
11.3-3	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (cooling tower)	30	30		900			- Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột, cột BTCT thép toàn khối - Sàn đỡ thiết bị bằng BTCT - Tại vị trí trung tâm bố trí bể nước BTCT, kích thước 13m x 27m. - Mặt trong bể nước chống thấm theo tiêu chuẩn, phủ FRP - Nền khu vực ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT
11.3-4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.3 (Hệ cô xút)	14,7	10,4		153			Khu vực hệ cô xút: - Móng, dầm, cổ cột bằng BTCT - Nền: bê tông xi măng, xung quanh xây gờ bao bằng gạch - Sàn thao tác: kết cấu đỡ giàn bằng thép hình, tôn trải sàn: tôn gân

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								Khu vực bồn D211A: - Nền: bê tông xi măng trên nền đất san lấp đảm chặt. - Móng thiết bị BTCT - Tường vây khu bồn xây gạch
11.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 11.4 (khu vực hệ vô khoáng, bồn chứa nước thủy cục - pccc				546,7			
	Hệ vô khoáng				383			- Bể nước, kích thước 8m x 5,8m x 3,3m, bằng BTCT toàn khối (đáy, thành, nắp). Chống thấm theo tiêu chuẩn, phủ FRP bên trong bể. - Khu vực thiết bị có nền bê tông xi măng trên nền đất san lấp đảm chặt. Móng thiết bị BTCT. Tường vây khu vực xây gạch. - Khu vực ngoài khu bồn kích thước 18,2m x 9,2m bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đảm chặt. Móng thiết bị BTCT.
	Bồn chứa nước thủy cục - PCCC	17,8	9,2		163,7			- Khu vực bồn chứa có kích thước 17,8m x 9,2m, nền bằng bê tông xi măng B10 trên nền đất san lấp đảm chặt. Móng bồn BTCT trên nền đất gia cố cọc BTCT. Tường bao khu bồn xây gạch. - Khu vực đặt máy bơm kích thước 5,4m x 19,6m nền bằng bê tông xi măng B10 trên nền đất san lấp đảm chặt, móng thiết bị BTCT.
12	Khu vực axit sunfuric tinh khiết							
12.1	Trạm phân phối điện số 2	24	16	6,45	384	384	1	Phần móng: - Móng BTCT - Đai kiêng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột đảm BTCT

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								- Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền bê tông xi măng - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy - Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.
12.2	Nhà xưởng số 12.2 (Xưởng axit sunfuric tinh khiết)	48	24	12	1.152	1.212	1	Phần chung: - Gồm các khu vực: H₂SO₄ tinh khiết, kho vật tư xưởng, văn phòng xưởng Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột BTCT - Tường xây gạch kết hợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy - Nền xưởng: bê tông xi măng. - Nền văn phòng xưởng hoàn thiện lát gạch. - Nền nhà giao ca lát gạch chống trơn. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn trắng kẽm Khác: - Tại vị trí trung tâm bố trí khung bao che thiết bị chưng cất bằng hệ khung sắt kính kích thước 11,7m x 25m, chiều cao 4 m.
12.4	Trạm NG (ngoài trời)	16	11		176			- Nền khu vực trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Bố trí thiết bị theo tiêu chuẩn của nhà cung cấp

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
13	Khu vực kho bồn							
13.1	Khu vực kho bồn chứa thành phẩm	141,34	61,5		8.692,5			Tường vây khu bồn: - Móng, cổ cột, đà kiềng, cột, giằng tường bằng BTCT - Tường gạch Nền khu bồn: - Nền bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đảm chắc. Nền xoa phẳng tạo dốc về rãnh thu nước. - Móng bồn chứa và thiết bị bên trong khu bồn bằng BTCT Phần sàn tạo tác khu vực giao hàng: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn và cầu thang bằng thép hình - Sàn thao tác và bậc thang lót tôn gân
13.2	Nhà giao nhận-bảo vệ	29,4	6	4,45	176	176	1	Phần chung: - Gồm các khu vực: phòng bảo vệ, khu thay đồ + vệ sinh nam, nữ, phòng khách hàng, phòng cân, phòng điều vận. Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền bê tông xi măng - Nền khu vực làm việc lát gạch ceramic, khu vực vệ sinh lát gạch ceramic. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy Phần mái: - Mái BTCT lát gạch đất nung chống nóng.
		17,3	7,5	4,45	130	130	1	

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
13.3	Khu vực trạm cân	18	7		126			- Theo tiêu chuẩn của nhà cung cấp
14	Khu vực sản xuất axit sunfuric và sản phẩm gốc sunfat							
14.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.1 (khu vực Axit Sunfuric)	30	26		780			- Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT
		15	8		120			
14.2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.2 (khu vực tháp Axit sunfuric – bisulfit)	31	25		775			- Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT - Khung đỡ tháp axit sunfuric bằng BTCT toàn khối
14.3	Nhà xưởng số 14.3 (Nhà nấu chảy lưu huỳnh)	15	9	6,65	135	135	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường gạch bao che - Nền bê tông xi măng, lát gạch chịu axit theo tiêu chuẩn - Nền khu vực làm việc lát gạch chịu axit - Cửa đi chính là cửa lùa 2 cánh khung thép, bít tôn 2 mặt Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng. Bể nấu chảy lưu huỳnh: - Bên trong nhà bao che bố trí bể nấu chảy lưu huỳnh tại vị trí trung tâm có kích thước 5m x 13m. - Kết cấu bể bằng bê tông cốt thép toàn khối. - Toàn bộ mặt trong thành bể và đáy bể ốp gạch chịu axit theo tiêu chuẩn.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
14.4	Nhà xưởng số 14.4 (Kho lưu huỳnh)	66	30	12	1.980	1.980	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột BTCT - Tường xây gạch kết hợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy - Nền kho BTCT. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm.
14.5	Nhà xưởng số 14.5 (Nhà quạt gió)	16	9	10,45	144	144	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường gạch bao che - Nền bê tông xi măng - Cửa đi chính là cửa lùa 2 cánh khung thép, bít tôn 2 mặt Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.
14.6	Nhà phụ trợ số 14.6 (Nhà điều hành H ₂ SO ₄)	12	9	7,45	108	216	2	Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che xây gạch - Nền bê tông xi măng

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								- Nền khu vực làm việc lát gạch chịu axit - Cửa đi và cửa sổ là cửa nhôm, kính cường lực Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.
14.7	Nhà xưởng số 14.7 (Xưởng phèn)	30	30	12	900	945	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột BTCT - Nền xưởng bằng bê tông xi măng. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn tôn gân
14.8	Nhà xưởng số 14.8 (Xưởng magiê sunfat)	48	18	11,88	864	1.129	1	Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Tường bao che xây gạch kết hợp mái lợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Nền bê tông xi măng. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
14.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 14.9 (khu vực magiê sunfat ngoài trời)	5	38		190			- Nền khu vực dây chuyền sản xuất ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT
14.10	Nhà phụ trợ số 14.10 (Nhà giao ca magiê sunfat)	10	4	4,45	40	40	1	Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che xây gạch - Nền bê tông xi măng, lát gạch ceramic - Cửa đi chính là cửa lùa 2 cánh khung thép, bịt tôn 2 mặt Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng. Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn tôn gân
15	Bãi muối				11.663			- Nền bãi muối BTCT, tạo dốc về phía mương thu nước - Tường bao dạng kê BTCT (tường liền móng) bao quanh bãi muối - Mương thu nước dạng mương đôi (thu nước mặt và thu hồi nước muối)
16	Khu vực điều chế nước muối							
16.1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.1 (khu vực nước muối tái bão hòa)	10	6		60			- Nền khu vực dây ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đầm chặt. - Móng thiết bị BTCT
16.2	Nhà xưởng số 16.2 (Nhà hòa tan)	30	15	9,52	450	500	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								Phần thân: - Kết cấu khung cột kết cấu thép tổ hợp - Không có tường bao che - Nền xưởng bằng bê tông xi măng Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
16.3	Nhà xưởng số 16.3 (Nhà tinh chế nước muối thứ cấp)	30	10	16	300	900	3	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Không có tường bao che - Nền: bê tông xi măng - Sàn FRP trên khung kết cấu thép tổ hợp Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
16.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.4 (Hồ chứa nước muối thu gom)	14	12		168			- Bể nước BTCT kích thước 12m x 14m - Toàn bộ bể chống thấm theo tiêu chuẩn
16.5-1	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (khu vực lọc nước muối-1)	4	4		16			- Bố trí thiết bị theo tiêu chuẩn của nhà cung cấp
16.5-2	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.5 (Hồ chứa nước)	8	5		40			- Bể nước, kích thước 10,1m x 4m x 2,8m. Bể bằng BTCT toàn khối (đáy, thành, nắp), Chống thấm theo tiêu chuẩn, phủ FRP bên trong bể.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
	muối rửa)							
16.6	Nhà xưởng số 16.6 (Nhà pha chế nước muối thức cấp)	13	3,5	7,03	46	92	2	Phần móng: - Móng BTCT, dạng móng băng - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Không có tường bao che - Sàn tôn gân trên khung kết cấu thép tổ hợp Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
16.7	Nhà xưởng số 16.7 (Khu vực lọc nước muối-2)	17	10	6,3	170	170	1	Sàn tôn gân. Kết cấu đỡ sàn bằng thép hình hàn vào thiết bị dạng bồn.
16.8	Nhà phụ trợ số 16.8 (Nhà giao ca)	10	4	4,45	40	40	1	Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che xây gạch - Nền bê tông xi măng, lát gạch ceramic 300x300 - Cửa đi chính là cửa lùa 2 cánh khung thép, bịt tôn 2 mặt Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.
16.9	Khu vực thiết bị ngoài trời số 16.9 (khu vực bồn lắng nước muối)	33	24		792			- Nền bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đảm chắc. - Móng bồn chứa dạng móng cọc BTCT. - Tường gạch bao khu bồn
16.10	Khu vực thiết bị	14	13		182			- Nền khu vực ngoài trời bằng bê tông xi măng trên nền đất san lấp đảm chắc.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
	ngoài trời số 16.10 (khu vực bồn chứa bùn muối)							- Móng thiết bị BTCT - Xung quanh xây gờ vây bằng gạch
16.11	Nhà xưởng số 16.11 (Nhà tinh chế nước muối sơ cấp - kho hóa chất)	20	12	15,3	240	780	4	Phần chung - Nhà tinh chế nước muối sơ cấp: kích thước 12m x 15m, 4 tầng - Kho hóa chất: kích thước 12m x 5m, 1 tầng Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Không có tường bao che (khu vực nhà tinh chế) - Tường gạch bao che, cửa thép bít tôn 2 mặt (khu vực kho hóa chất) - Nền bê tông xi măng - Sàn tôn gân trên khung kết cấu thép tổ hợp Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
16.12	Nhà phụ trợ số 16.12 (Nhà vận hành và tủ điện sơ cấp)	16	6	4,35	96	96	1	Phần móng: - Móng BTCT - Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền nhà lát gạch ceramic - Cửa đi, cửa sổ kính, khung sắt sơn tĩnh điện - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
16.13	Nhà xưởng số 16.13 (Nhà ép bùn - chứa bùn)	8,7	12	11,45	104	208	2	Phần chung: Mặt bằng công trình có dạng chữ nhật, thiết kế ngăn chia thành hai khu vực: - Nhà chứa bùn: kích thước 12m x 8m, 1 tầng - Nhà ép bùn: kích thước 12m x 8,7m, 2 tầng Phần móng: - Nhà chứa bùn: Móng băng trên nền cọc BTCT - Nhà ép bùn: Móng cọc BTCT. Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Nhà chứa bùn: Tường chắn BTCT. Cửa lấy bùn dạng cửa lùa tôn. - Nhà ép bùn: + Cột BTCT, tường gạch + Cửa đi thép bịt tôn 1 mặt + Sàn tôn gân trên khung thép hình + Cột kết cấu thép tổ hợp Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
	Nhà Ép bùn							
	Nhà Chứa bùn	8	12	8,35	96	96	1	
17	Khu vực silicat				-			
17.1	Nhà xưởng số 17.1 (Xưởng silicat)	48	36	12	1.728	1.873,6	1	Phần chung: Các hạng mục bố trí sát cạnh nhau, hợp khối trong một công trình Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Tường kết hợp tôn sóng vuông và tôn lợp sáng hoặc để trống. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bịt tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Nền: bê tông xi măng.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm Khu vực nhà giao ca và văn phòng xưởng, kho vật tư: - Nền văn phòng xưởng hoàn thiện lát gạch - Nền kho vật tư bê tông xi măng - Nền nhà giao ca lát gạch chống trơn - Trần khu vực nhà giao ca bằng thạch cao chống ẩm khung nổi - Trần văn phòng xưởng bằng thạch cao khung nổi Phần sàn tạo tác: - Móng đơn BTCT - Cột, dầm đỡ sàn thép hình - Sàn tôn gân
17.2	Nhà xưởng số 17.2 (Kho cát)	42	18	8,25	756	756	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Nền bằng BTCT. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
17.3	Khu vực kho ngoài trời số 17.3 (Kho cát ngoài trời)	42	18		733,09			- Tường ngăn cát bằng BTCT - Nền BTCT
17.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 17.4 (khu vực thiết bị súc rửa xe)	12	6		72			- Nền bê tông xi măng, phủ FRP, tạo dốc về phía mương thu nước - Khu vực bồn nước, máy bơm; nền bê tông xi măng. Xung quanh có tường xây gạch.

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
17.5	Nhà xưởng số 17.5 (Xưởng cơ điện)	30	18	11,15	540	540	1	Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Tường bao che xây gạch kết hợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy - Nền bằng BTCT. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
18	Khu vực Composit - Xử lý nước thải							
18.1	Nhà xưởng số 18.1 (xưởng composit)	36	24	13,36	864	864	1	Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Tường bao che xây gạch kết hợp tôn sóng vuông và tôn lấy sáng - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. - Cửa thoát hiểm là cửa ngăn cháy - Nền: bê tông xi măng - Nền văn phòng xưởng hoàn thiện lát gạch. - Nền kho vật tư bê tông xi măng - Nền nhà giao ca lát gạch chống trơn - Trần khu vực nhà giao ca bằng thạch cao chống ẩm khung nổi - Trần văn phòng xưởng bằng thạch cao khung nổi Phần mái:

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								- Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
18.2-1	Nhà kho số 18.2 (kho chất thải công nghiệp)	12	12	8,0	144	144	1	Phần chung: - 03 hạng mục chung một công trình, được ngăn chia bằng các tường ngăn lửng Phần móng: - Móng cọc BTCT - Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột thép tổ hợp - Tường bao che xây gạch kết hợp tôn sóng vuông và tôn lợp sáng - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ 1 cánh cùng loại với cửa đi chính. - Nền: bê tông xi măng. Phần mái: - Kèo thép tổ hợp. - Mái lợp tôn tráng kẽm
18.2-2	Nhà kho số 18.2 (nhà kho chất thải nguy hại)	12	12	8,0	144	144	1	
18.2-3	Nhà kho số 18.2 (nhà kho phế liệu)	24	12	8,0	288	288	1	
18.3	Khu vực kho ngoài trời số 18.3 (bãi vật tư thu hồi)	24	12		288			- Nền bê tông xi măng
18.4	Khu vực thiết bị ngoài trời số 18.4 (khu vực xử lý nước thải)	24	20		456			- Hệ thống móng bồn, bể BTCT, sàn thao tác (theo tiêu chuẩn của nhà cung cấp)
18.5	Nhà phụ trợ số 18.5 (nhà điều hành XLNT)	6	4	4,45	24	24	1	Phần móng: - Móng BTCT - Đai kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền bê tông xi măng

Vị trí số	Hạng mục công trình	Kích thước (m)			Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Giải pháp kiến trúc và kết cấu
		Dài	Rộng	Cao				
								- Nền khu vực làm việc lát gạch ceramic, khu vực vệ sinh lát gạch ceramic. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.
TT	Tổng thể							
	Nhà bảo vệ (Số lượng: 3, trong đó 1 tại trục đường số 7 (DT771C), 2 tại trục đường số 10	6	4	4,45	24	24	1	Phần móng: - Móng BTCT - Đà kiềng, cổ cột: BTCT. Phần thân: - Kết cấu khung cột dầm BTCT - Tường bao che và vách ngăn xây gạch - Nền bê tông xi măng - Nền khu vực làm việc lát gạch ceramic, khu vực vệ sinh lát gạch ceramic. - Cửa đi chính: cửa đi 2 cánh bít tôn 1 mặt, cửa đi phụ và cửa sổ lùa sử dụng nhôm, kính cường lực. Phần mái: - Mái BTCT, lát gạch đất nung chống nóng.
	Hàng rào loại 1	1.359		2,15	2.718			- Móng, dầm, cột, gằng BTCT - Tường gạch - Hàng rào thép vuông, sơn dầu
	Hàng rào loại 2	417,36		2,0	835			- Móng, dầm, cột, gằng BTCT - Tường gạch

PHỤ LỤC 2

(kèm theo Công văn số 181/HC-CNHC ngày 4 tháng 7 năm 2025 của Cục Hóa chất)
Bảng so sánh các chỉ tiêu quy hoạch dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”

STT	Loại đất	Ký hiệu	Theo quy hoạch					Theo TKCS					Nhận xét
			Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)	Chiều cao tối đa (so cốt mặt đất (m))	Tổng diện tích sàn tối đa (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)	
A	ĐẤT NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH (I+II+III+IV+V)		177.034,00				100,00						
I	Khu nhà xưởng, kho tàng sản xuất		84.335,24	1-5			47,64	84.335,14	1-5			47,64	Phù hợp
1	Nhà kho thành phẩm, nguyên liệu, vật tư	NX-01-02	6.084,00	1	+15	6.084,00		6.084,00	1	13,6	2.808		Phù hợp
2	Nhà xưởng 03	NX-03	5.581,76	1	+15	5.581,76		5.581,76	-	-	-		Phù hợp
3	Nhà xưởng 04	NX-04	7.797,29	1	+15	7.797,29		7.797,29	-	-	-		Phù hợp
4	Nhà kho, xưởng sản phẩm gốc phốt phát	NX-PP	3.744,00	1	+16	3.744,00		3.744,00	1	15,92	3.132		Phù hợp
5	Nhà kho, xưởng FeCl ₃	NX-FECl ₃	3.761,50	1	+15	3.761,50		3.761,50	1	15	3.340		Phù hợp
6	Nhà kho, xưởng Clo lỏng	NX-CLO	4.369,45	1	+15	4.369,45		4.369,45	1	14,06	2.760		Phù hợp
7	Nhà xưởng điện phân	NX-ĐP	3.750,86	3	+16	3.750,86		3.750,86	3	16	1.080		Phù hợp
8	Khu Axít HCl, cung cấp Nito	HCl-N2	1.227,60	1	+5	1.227,60		1.227,60	1	4,45	96		Phù hợp

STT	Loại đất	Ký hiệu	Theo quy hoạch					Theo TKCS					Nhận xét
			Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)	Chiều cao tối đa (so cốt mặt đất (m))	Tổng diện tích sàn tối đa (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)	
10	Khu Cooling -vô khoáng- Nồi hơi - Pac bột	VK-NH-PAC	4.829,30	1	+12	4.829,30		4.829,30	1	10,4	1.104		Phù hợp
11	Khu Axít sunfuric tinh khiết	AXIT-H2SO4	2.304,00	1	+12	2.304,00		2.304,00	1	12	1.596		Phù hợp
12	Khu vực kho bồn thành phẩm	NX-KB	8.692,50	-	-			8.692,50	1	-			Phù hợp
13	Nhà kho, xưởng sản phẩm gốc Sunfat	NX-SO4	11.852,23	2	+12	23.704,46		11.852,23	2	12	4.589		Phù hợp
14	Khu điều chế nước muối	NX-NM	3.980,12	4	+16	15.920,48		3.980,12	4	16	7.471		Phù hợp
15	Khu xưởng Silicat	NX-SILICAT	3.289,09	1	+12	3.289,09		3.289,09	1	12	3.169,6		Phù hợp
16	Khu xưởng COMPOSIT	NX-COM	868,80	1	+14	868,80		868,80	1	13,36	864		Phù hợp
17	Nhà xưởng cơ điện	NX-CĐ	540,00	1	+12	540,00		540,00	1	11,2	540		Phù hợp
18	Bãi muối	BM	11.662,64	-	-			11.662,64	-				Phù hợp
II	Khu hành chính-dịch vụ		3.045,13	1-5			1,72	3.045,13	1-5			1,72	Phù hợp
1	Nhà văn phòng	HC-VP	2.141,71	4	+16	8.566,84		2.141,71	-	-	-		Phù hợp
2	Nhà điều khiển trung tâm	HC-TT	596,70	3	+16	1.790,10		500,00	3	15,95	1.500		Phù hợp
3	Nhà bảo vệ	HC-NBV	306,72	1	+5	306,72		306,72	1	4,45	306		Phù hợp
III	Khu hạ tầng kỹ thuật - phụ trợ		3.115,62	1			1,76	3.115,62	1			1,76	Phù hợp

STT	Loại đất	Ký hiệu	Theo quy hoạch					Theo TKCS					Nhận xét
			Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)	Chiều cao tối đa (so cốt mặt đất (m))	Tổng diện tích sàn tối đa (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Nhà máy phát điện	PT-1	196,00	1	+7	196,00		196,00	1	6,6	196		Phù hợp
2	Trạm phân phối điện 01	PT-2	560,00	1	+7	560,00		560,00	1	6,6	560		Phù hợp
3	Trạm phân phối điện 02	PT-3	384,00	1	+7	384,00		384,00	1	6,45	384		Phù hợp
4	Trạm khí NG	PT-4	176,00	-				176,00	-				Phù hợp
5	Bồn nước thủy cục - PCCC	PT-5	546,70	-				546,70	-				Phù hợp
6	Kho chất thải, phế liệu	PT-6	868,80	1	+8	868,80		868,80	1	8,0	576		Phù hợp
7	Khu xử lý nước thải	PT-7	384,12	-				384,12	1	4,45	24		Phù hợp
IV	ĐẤT CÂY XANH		36.519,85				20,63	36.519,85				20,63	Phù hợp
V	ĐẤT GIAO THÔNG SÂN BÃI		50.018,16				28,25	50.018,16				28,25	Phù hợp
	TỔNG ĐẤT HỮU DỤNG		177.034,00					177.034,00					Phù hợp
B	ĐẤT LỘ GIỚI GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI		3.002,00					3.002,00					Phù hợp
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT (A+B)		180.036,00					180.036,00					Phù hợp

PHỤ LỤC 3

(kèm theo Công văn số 184/HC-CNHC ngày 4 tháng 7 năm 2025 của Cục Hóa chất)
Bảng so sánh các nội dung của hồ sơ dự án với giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”

STT	Hạng mục	GCNĐT được duyệt (4342161733 lần đầu ngày 10/2/2017, thay đổi lần thứ hai ngày 22/1/2025)	Theo báo cáo NCKT	Ghi chú
1	Tên dự án	Nhà máy Hoá chất Nhơn Trạch	Nhà máy Hoá chất Nhơn Trạch	Phù hợp
2	Mục tiêu dự án	Sản xuất hoá chất cơ bản; sản xuất hoá chất trong lĩnh vực công nghiệp, hoá chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm, sản xuất phân bón và hợp chất nito.	Sản xuất hoá chất cơ bản; sản xuất hoá chất trong lĩnh vực công nghiệp, hoá chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm, sản xuất phân bón và hợp chất nito.	Phù hợp
3	Quy mô dự án	Tổng cộng 307.900 tấn sản phẩm/năm	Tổng cộng 307.900 tấn sản phẩm/năm	Phù hợp
4	Địa điểm thực hiện	Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Phù hợp
5	Diện tích đất sử dụng	180.036m ²	180.036m ²	Phù hợp
7	Thời gian hoạt động của dự án	50 năm từ 10/2/2017	50 năm từ 10/2/2017	Phù hợp
8	Tiến độ thực hiện	Đến 2032	Đến 2032	Phù hợp